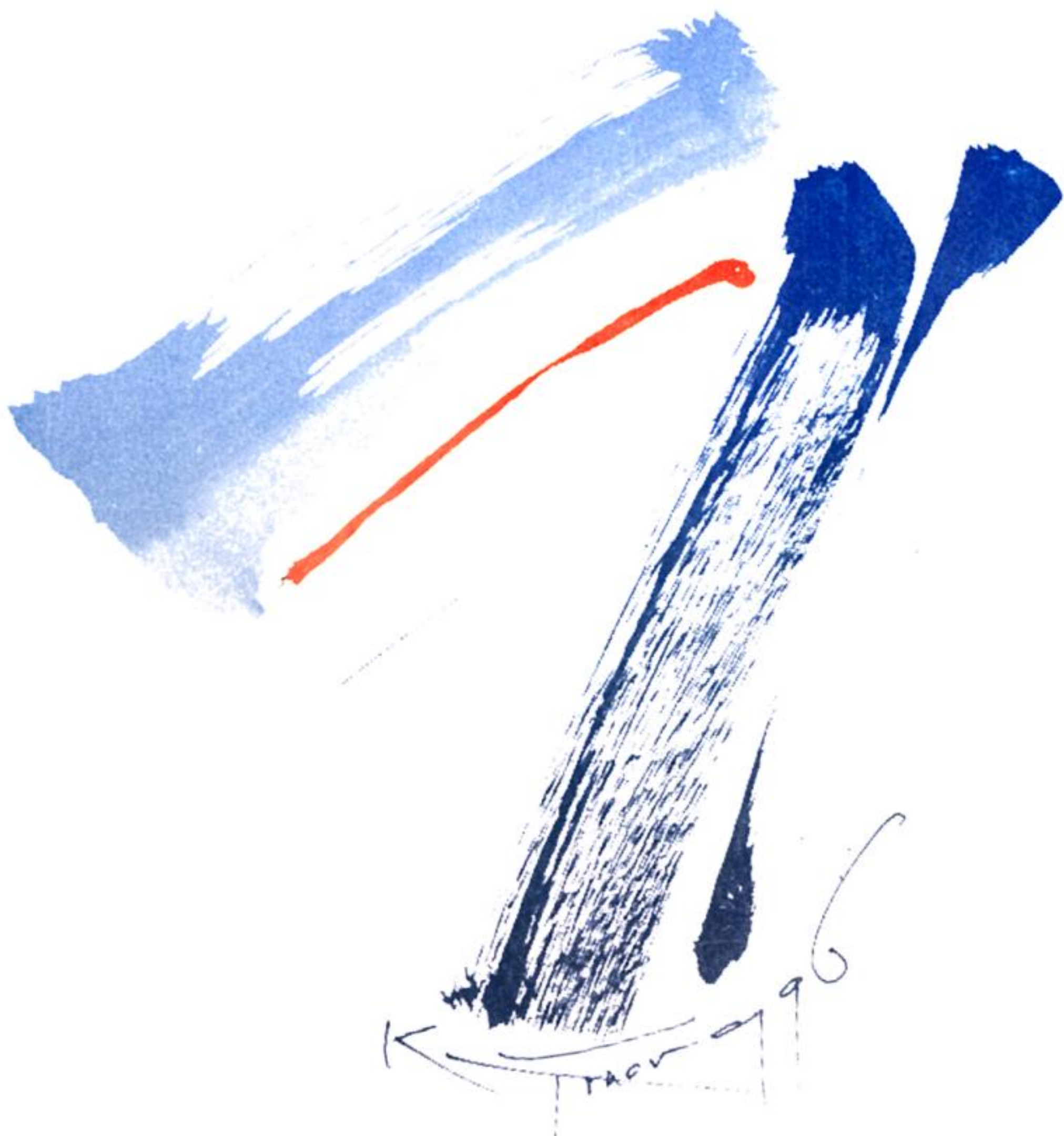


TẠP CHÍ

HO

SỐ MÙA THU 1996

đặc biệt kỷ niệm năm thứ ba



TẠ P CH Í

Thao

S Ồ M Ò A T H U 1 9 9 6

chủ trương

Lê Bi	Trang Châu	Phạm Việt Cường	Triều Hoa Đại
Phan Tấn Hải	Khế Iêm	Đỗ Kh.	Trần Phục Khắc
Nguyễn Hoàng Nam	N.P.	Chân Phương	Thường Quán
Trần Sa	Huỳnh Mạnh Tiên	Trịnh Y Thư	Nguyễn
Tiến	Nguyễn Tiến Văn	Lê Thị Thấm Vân	Ngu Yên

thư từ, bài vở
Khế Iêm

P.O. Box 1745, Garden Grove, CA 92642



Phụ Bản Thái Tuấn

MỤC LỤC

Bìa **Khánh Trường**/ Phụ bản **Thái Tuấn** 1/ **Mục Lục** 2/ **Thư Tòa Soạn** 5/ **Lê Đạt**, **Vùng Chữ** 6/ **Thơ** 9/ **Thường Quán**, **Hồ Cẩm** 12/ **Trần Thị Mai Nhi**, **Các Nhà Thơ Hiện Đại** 16/ **Trần Sa**, **Những Bài Thơ Tình (thơ)** 22/ **Trầm Phục Khắc**, **Kỳ Đồng (thơ)** 24/ **Nguyễn Đạt**, **Về Với Đơn Dương (thơ)** 25/ **Lê Bi**, **Thơ** 26/ **Phan Huyền Thư**, **Tờ Chương Trình Buổi Slava Đann Ở Hà Nội, VN (thơ)** 29/ **Khế Iêm**, **Dạng Thức Thơ** 31/ **Thơ** 35/ **Nguyễn Đăng Thường**, **Bưu Ảnh của Người Anh ở Mỹ (thơ)** 38/ **Joseph Brodsky**, **Diễn Văn Nobel 1987** 39/ **Thơ** 51/ **Lê Thị Huệ**, **Lãng Mạn Với Nghèo Đói (thơ)** 55/ **Tuyết Mai**, **Im Lặng (thơ)** 57/ **N.P.**, **Thơ** 58/ **Phụ Bản Ngọc Dũng** 60/ **Nguyễn Quốc Trụ**, **Ai Chỉ Định Anh Là Thi Sĩ** 61/ **Joseph Huỳnh Văn**, **Thơ** 66/ **Trang Châu**, **Quanh Quẩn Với Tình (thơ)** 67/ **Hoàng Cường Long**, **Đổ Thị (thơ)** 68/ **Khiêm Lê Trung**, **Mùa Xuân Đen (thơ)** 69/ **Nguyễn Chí Hoan**, **Hoa Chuối (thơ)** 70/ **Nguyễn Quốc Trụ**, **Thơ** 71/ **Lê Thị Thấm Vân**, **Nizar Kabbani...** 74/ **Roland Reutenauner**, **Rời Bỏ Bài Thơ (thơ)** 82/ **Paul Celan**, **Turbingen, Tháng Giêng (thơ)** 86/ **Nguyễn Đăng Thường**, **Tưởng Niệm Ai Qing** 89/ **Thơ** 91/ **Phan Tấn Hải**, **Thơ Cho Một Thế Giới Đang Hình Thành** 95/ **Huỳnh Mạnh Tiên**, **Thơ** 99/ **Triều Hoa Đại**, **Thơ** 101/ **Đỗ Quyên**, **Khúc Đối Thoại Bất Thành (thơ)** 103/ **Đỗ Quý Toàn**, **Làm Thơ Như Nói Với Một Người** 105/ **Hồng Khắc Kim Mai**, **Ngày Lạnh Bến Tiên Sa (thơ)** 110/ **Phạm Tường Vân**, **Đừng Nghĩ Nữa (thơ)** 111/ **Nguyễn Quyến**, **Con Đường Trong Mưa (thơ)** 112/ **Lê Giang Trần**, **Thơ** 113/ **Thụy Khuê**, **Nói Chuyện Với Đỗ Kh.** 116/ **Cao Đông Khánh**, **Cánh Đồng Trầm Thủy (thơ)** 118/ **Đỗ Kh.**, **Thơ** 121/ **Quỳnh Thi**, **Thơ Thực Tại (thơ)** 124/ **Nguyễn Hoài Phương**, **Tôi Là Người Không Muốn Làm Súc Sinh (thơ)** 125/ **Nguyễn Đăng Bảo Lộc**, **Những Ý Nghĩ Chợt Đến Khi Đốt Thuốc (thơ)** 126/ **Phụ bản Hồ Minh Dũng** 127/ **Nguyễn Hoàng Nam**, **Cách Đọc** 128/ **Thơ** 132/ **Lưu Hy Lạc**, **House of Multis (thơ)** 134/ **Đinh Cường**, **Có Những Ngày Long Lanh Nước Mắt (thơ)** 135/ **Hằng Hà Sa**, **Chập Chờn Áo Mộng (thơ)** 136/ **Trịnh Thanh Sơn**, **Một Chút Khác Biệt (thơ)** 137/ **Lê Thánh Thư**, **Xuân Em** 138/ **Nguyễn Lương Ngọc**, **Gió Khô (thơ)** 139/ **PTH, NĐT, DC, NQT**, **Tin Thơ** 140/

Mùa thu, năm thứ ba, là nhìn lại và ném tới, bước lệch ra ngoài mọi biên giới: thơ đặt lại một quan điểm, và không còn là những toa xe cứ chạy mãi trên đường rầy. Vì thế, đôi khi, thơ lạ mặt và hóa thân ngay trong thế giới thơ. Và chúng ta, những kẻ mang trên vai hàng ngàn vạn đời, cùng với thơ cất cánh, trong tâm thức chối bỏ một cõi quay về. Một câu hỏi được đặt ra, người làm thơ có rút được thơ từ quặng mỏ đời sống, qua nhiều hình thức biểu đạt, để có thể làm xao xuyến tâm hồn người? Thất bại hay thành công chỉ còn là làn ranh mờ nhạt và chúng ta phải chấp nhận như những vận động tích cực để thơ, một con bướm lộng gió, tách bến đi tới những chân trời.

THƠ

Vùng Chữ

Lê Đạt

*“Tôi tha thần của chùa Quán Ngũ
Lời chuộc tuổi mình
Nói thật khai sinh”
Lê Đạt*

Tôi đã nhiều phần yêu thơ Đường, học thơ Đường qua những bản dịch của Tản Đà.

Công lao của ông đối với việc truyền bá thơ Đường ở nước ta là điều không ai chối cãi được.

Cũng không ai chối cãi được việc Tản Đà có những bài thơ dịch trác tuyệt. Bản dịch *Hoàng hạc lâu* đã đặt ông ngang hàng với những cây dịch đầu bảng trong văn học sử Việt Nam cỡ Phan Huy Vịnh, Đoàn Thị Điểm.

Nhưng quý trọng cổ nhân không phải là hương bái cổ nhân với thái độ vô duyên của kẻ khen phò mã tốt áo mà chủ yếu là tiếp bước cổ nhân ở chỗ cổ nhân dừng lại, bổ khuyết phần cổ nhân gia công chưa tới.

Ai cũng biết Tản Đà là một nhà thơ lãng mạn. Cái mong muốn cao nhất của ông là vượt khỏi cõi trần đầy hệ lụy đến một nơi “lá vàng rơi rắc lối thiên thai” nào đó. Trong một cơn say lớn, ông cũng chỉ ao ước được lên cung trăng cùng thằng Cuội “nhìn xuống thế gian cười”.

Ngoài thơ Đường Tản Đà còn có công giới thiệu với độc giả Việt nam một cây bút đồ sộ của nền văn xuôi Trung Hoa, Bồ Tùng Linh, tác giả bộ *Liêu Trai chí dị*.

Tác phẩm vĩ đại này hình như bao giờ cũng được in kèm với một bài giới thiệu, bài đề từ của Vương Ngự Dương. Đó là một bài thơ ngắn, vồn vện hai mươi tám từ.

Hai mươi tám từ mà đủ sức cử hàng vạn từ hạng nặng của một cây bút thượng thừa như Bồ qua nhiều thế kỷ thật là một thành tích đáng kinh ngạc. Hình như chưa có ai phá được kỷ lục cử tạ này của siêu lực sĩ Vương trong bất cứ một Thế vận hội nào.

Bài thơ như sau:

*Cô vọng ngôn chi cô thính chi
Đậu bàng qua giá vũ như ti
Liệu ưng yếm tác nhân gian ngữ
Ái thính thu phần quỷ xướng thi*

Tản Đà dịch:

*Nói láo mà chơi nghe láo chơi
Giàn dưa lún phún hạt mưa rơi
Chuyện đời hấn chán không buồn nhắc
Thơ thần nghe ma đọc mấy lời.*

Câu thứ tư trong bản dịch quá yếu, không đỡ nổi ba câu trên, làm sao gánh được hàng vạn chữ của Bồ.

Đây có lẽ là một trong những bài dịch non tay nhất của nhà thơ quá cố.

Cái giỏi của Tản Đà trong dịch thơ là không câu nệ chữ, lấy cái tình của mình liên doanh với tình của nguyên tác tái tạo nên những câu thơ đầy cảm xúc. Nhưng muốn vậy điều quan trọng nhất là người viết với người dịch phải đồng điệu (tức là cùng một cách chữ).

Tôi cho rằng Tản Đà và Vương Ngự Dương khác điệu.

Điệu của Tản Đà là điệu *lãng mạn*.

Điệu của Vương Ngự Dương (chí ít cũng trong bài thơ này) là điệu *hậu lãng mạn*. Nó là một nỗi chán chường dữ dội báo hiệu những dòng thơ điên loạn sau này.

Cái chán của Tản Đà so với cái chán của Vương mới hiền lành làm sao! Nhà thơ xứ Đoài chán lắm cũng chỉ đến mức than thở:

*Đời đáng chán hay không đáng chán
Nhấp chén quỳnh ta hỏi bạn tri âm.*

Chính vì thế nên mặc dù là một nhà hán học uyên thâm, một nhà thơ, một dịch giả tài năng, ông đã dịch bài thơ chưa *tới*. Tản Đà không bước được ra ngoài vùng chữ hiền lành của mình tới vùng chữ “quái kiệt” của Vương.

Wương nào có phải chỉ chán chuyện đời!

Liệu ưng yếm tác nhân gian ngữ

Wương chán cả *ngôn ngữ nhân gian*! Tức là thứ ngôn ngữ mà các nhà thi pháp học phương Tây gọi là *ngôn ngữ tiêu dùng*.

Nhà thơ họ Vương khao khát một ngôn ngữ khác. Diện mạo nó phải như thế nào? Ông chưa biết... Cho nên ông tạm mệnh danh nó là ngôn ngữ *quỉ*. (Chú ý: không phải *quỉ thần*, từ *thần* làm yếu sức phát xạ của từ *quỉ*) Quả là “gồm” với một nhà thơ phương Đông cuối thế kỉ XVII. Hai câu thơ cuối của Vương theo tôi có lẽ nên dịch:

*Ngôn ngữ nhân gian chừng đã chán
Thèm nghe mộ vắng quỉ bình thơ.*

Tôi có nói chuyện này với Phan Khôi.

Ông Tú già đất Quảng trề kính nhìn tôi nửa tò mò nửa rợn cợt. Tôi biết như vậy là ông đã ái mộ tôi lắm vì một lần tôi đã chứng kiến cảnh một nhà học giả thời danh mời ông cộng tác viết một chuyên khảo, Phan đã đứng lên nói rất to trước mặt mọi người:

“Tôi không cộng tác với ông vì ông *giốt* lắm!”

Phải nghe cái tiếng “giốt” nhọn hoắt như chọc thủng nhĩ mới hiểu Phan Khôi là một người bộc trực dữ dằn đến mức nào.

Phan nghe xong im lặng. Rồi gật gù:

“Đúng là quái quỉ”.

Ông cười hi hí, rung cả bờm râu, cái cười đặc biệt của họ Phan và mở khóa ngăn kéo hào phóng cho tôi một chiếc kẹo Tàu. Ông vừa đi dự kỉ niệm Lỗ Tấn ở Trung Quốc về.

Ít người biết Nguyễn Tuân cũng làm thơ. Nhưng thật oái oăm, con người viết văn xuôi có nét đặc sắc ấy thơ lại cổ và sáo.

Nguyễn hơn một lần tâm sự với tôi: “Mình là một *poète raté*” (một nhà thơ hụt).

Nhưng trước sau tôi vẫn coi Nguyễn là một nhà thơ. Nhiều đoạn trong *Thiếu quê hương* và những tùy bút của ông về Thế chiến hai có cái lấp lánh những câu thơ hay.

Thái độ trân trọng chữ của Nguyễn không phải nhà thơ nào cũng có.

Ông lại còn là một người thưởng thức thơ tinh tế.

Nhưng tôi có cảm giác Nguyễn cũng bị giới hạn bởi nhỡn quan lãng mạn chủ nghĩa như người tri kỉ lớn tuổi của ông, nhà thơ Tản Đà.

Sau khi ca ngợi bài *Sông lấp* của Tú Xương một cách khá sành điệu. Nguyễn kết luận:

“Dẫu thơ Tú Xương có thể lược đi bài kia bài khác nhưng không ai dám quên, nỡ quên bài *Sông lấp*. Bởi *Sông lấp* là *tiêu biểu cho hơi thơ Tú Xương*.”

Không ai phủ nhận *Sông lấp* là một bài thơ hay nhưng khẳng định nó tiêu biểu cho hơi thơ, giọng thơ Tú Xương e quá vội.

Cái hơi hoài cổ này tôi đã gặp ở nhiều người, ở Nguyễn Du, ở bà

Huyện Thanh quan...ở vân vân...

Bài *Sông lấp* dù hay cũng vẫn là một bài thơ trữ tình theo thông lệ. Cái độc đáo, cái tiêu biểu cho hơi thơ Tú Xương tôi nghĩ ở chỗ khác. Nhà thơ Vị Xuyên đã tạo ra một *tiếng nói trữ tình mới* ở ngay những điểm chữ mà lỗi tai..."thanh tao" của chủ nghĩa lãng mạn cho là nôm na, dung tục.

*Bức sốt nhưng mình vẫn áo bông
Tưởng rằng ốm dậy hóa ra không
Một tuồng rách rưới con như bố
Mấy chữ nghèo ngao vợ chán chồng.*

Tôi bỗng nhớ Hoài Thanh, một nhà phẩm bình thơ lãng mạn chủ nghĩa khác, khi ông viết trong Thi nhân Việt Nam:

"Cái cười của Nguyễn Nhược Pháp khác xa những lối bông lơn khó chịu của các ông Tú Xuất, Tú Xương đến Tú Mỡ. Nó hiền lành và thanh tao"

Một người khề khàng như Hoài Thanh mà đã phải thốt lên như vậy chắc phải "khó chịu" lắm.

Chao ôi! Tú Xuất thì có dính líu gì đến thơ!

Đến như Tú Xương và Tú Mỡ cũng không cho vào chung một bị được.

Tú Mỡ là một nhà thơ trào phúng hóm, tài ba.

Tú Xương là một nhà thơ trữ tình chính những nơi người ta vẫn quen định danh là trào phúng.

*Khách hỏi nhà ông đến
Nhà ông đã bán rồi
Vợ lăm le ở vú
Con tấp tểnh đi bồi.*

Theo tôi đó mới là cách thơ trộn không lẫn mà ông Tú Vị Xuyên đã góp cổ phần vào Công Ty Thơ Việt Nam.

Những cái dung tục, những cái nôm na khó chịu cất lên từ tiếng kêu xé ruột của trái tim nó làm con chữ biến động và đã "hóa" trữ tình từ lúc nào.

Chính cái cách trữ tình "cười đầy mà khóc đầy" đã tạo cho Tú Xương một vị trí hết sức độc đáo trong lịch sử phát triển thi pháp Việt Nam.

Nói vậy không phải để chê trách Nguyễn mà chỉ để nhấn mạnh rằng dù là bậc tài sư sành sỏi ông cũng không thể bước ra khỏi "vùng chữ" của mình.

Không nên quên rằng việc xác định tính cách một nhà thơ là một mò mẫm hết sức khó khăn không những với những người phẩm bình thơ mà còn đối với chính bản thân nhà thơ.

Không ít nhà thơ không định hình đã rơi rụng trên đường hành thi

vì đã không nhận rõ cũng như không khổ luyện tính cách thơ của mình.

Có thể nói quá trình làm thơ là một quá trình gian khổ đi sâu vào bản thân vừa phát hiện vừa xây dựng tính cách của một nhà thơ.

Có lẽ vì thế mà một số nhà thơ đời Tống đã ví Thi pháp và Thiền pháp, cả hai đều là những hoạt động tinh thần cao thế.

Cách chữ đồng nghĩa với cách sống của người viết

Trải nhiều thế kỉ người ta thường nhắc đến giai thoại “thối sáo” của Giả Đảo để ca ngợi kỳ công luyện chữ của ông.

Giả là một thơ thời Trung Đường đã cắt tóc đi tu tại chùa Thanh Long thành Lạc Dương. Ông là tác giả bài tứ tuyệt nổi tiếng trong đó có hai câu:

*Điêu túc trì biên thụ
Tăng sao nguyệt hạ môn
(Chim ngủ cây bên nước
Sư gõ cửa dưới trăng)*

Nhà thơ bắn khoả giữa chữ sao (gõ) và chữ thôi (đẩy) đến mức trên đường đi một tay thì gõ một tay thì đẩy như một thẳng rồ. Bận tâm chữ đến mức đó quả thật loại người xưa nay hiếm.

Thoạt nghe thấy hay!

Nghĩ lại hơi ngợ!

Một người làm thơ lâu năm tự nguyện đến nương nhờ cửa Phật tưởng đã rũ sạch lòng trần như Giả tiên sinh mà lại bắn khoả mãi giữa *gõ* và *đẩy* sao?

*Gõ: tâm bình thường.
Đẩy: tâm sao động.
Gõ: nhiều tính tăng
Đẩy: nhiều tính tục.*

Làm sao ông sư họ Giả lại phải bận tâm nhiều đến thế trong lựa chọn.

Về sau mới biết ông Giả nghe lời Hàn Dũ cởi áo cà sa hoàn tục và đi làm quan.

Những bắn khoả chữ đâu chỉ đơn thuần hình thức, rất nhiều khi chúng biểu lộ nội căn của nhà thơ.

Ta có thể đổi mới lời cổ nhân và nói rằng: “Cho tôi rõ công nghệ chữ của anh tôi sẽ đoán anh là người thế nào.” ■

LÊ ĐẠT

Bà Sấm Rừng

Hát
 Vẫn gốc thối chanh
 bà Sấm thơ thì xuân
 con gái con trai vào cốm
 trụ sở chim ngàn già

Miệng o tròn trứng cu rừng
 phấp phới ổ
 ngữ sắc

Sự im bà cũng phần phật
 câu đoạ rồi
 Ca còn bum búp mãi

X
 X

Biệt danh Sấm Xoan bà
 thành danh chung rừng tự vị

Cả giờ hoàng hôn
 bà bạch đàn xuân đường
 tè tạch

 xanh
 đứa trẻ
 ngẩn nghe cột dây thép
 Bà khinh loài cỏ gianh
 Khom mình gãi tai cộp dũ
 Thuốc lú gia truyền
 bầy chúa sơn lâm
 Bà khai khẩu
 những mộng cam
 lo chẵn đàn kiến nhớ
 đồng lắm

Chữ hồng thời gian hư vắn
 Đất lão bạc màu ngôn ngữ
 Bà lặn lội giống Xoan 18
 Con xanh vườn truyền kỳ
 Lục hoá quê đôi trọc chữ

Lá đậu vai mùa
 chim chim nửa nhành mơ
 Chiều tân ước
 Hạt nhân
 từ mộng mở mấy chương thơ
 Rừng đại nghĩa
 Điệp điệp thông bay
 Lối nhụy
 Ong vàng phấn chữ
 Lưng bà
 xuân trĩu cong trái mộng
 Tóc đàn gà
 trúc động khua thời gian

X
 X

Rằng
 Ngẩn âm ca bà Sấm
 lẻo đẻo ông Ban Kiểm soát
 nét
 ong lưng
 tận cửa
 Ô
 xuân nhà
 lần nữa cười nhau
 đôi già mới mơ...

Theo rượng nữ trẻ kiệt màu
 mười năm tịt mùa
 lẳng gốc thối chanh
 ối a lòng thành
 cầu tự
 trang bụng non
 ba tháng mẩy đồng
 đêm rét dài

Sớm hộ sinh rừng
 mộng
 oe oe xuân
 Bếp đỏ nồi viết mới
 nếp mùa
 Chữ cái vẫn vừa chín tới...

X

Bà không quên rửa tay
 khi thơ
 Thói thường vệ sinh ngôn ngữ
 Và biết ngoảnh đi
 nghĩa về kỳ ngộ
 dòng biếc câu
 Bà đồng tác giả
 thuyết bất tử
 vật lý lượng tử
 Một những sáng lập viên
 ngành Ngõ nghĩa học

Oi những câu biên
 lặn lội
 cuối đường buồn

Vui đếm bạc
 mấy bờ sông xanh
 Một sáng danh từ lấp lánh
 Lầm rầm cụ chẵn dề
 như mơ
 với râu
 Bà thì...là...

Nhưng đêm thanh
 Chữ động
 Chân hoa khuya
 Nhà có ma
 truyền kỳ mạn lục
 Tắc lòng trắng
 trở về

THƯỜNG QUÁN

Hồ Cầm (Requid cho Khoảng Lặng)

*trong hồi ức một buổi chiều tháng Ba
với hai anh Hoàng Cầm, Lê Đạt, chị Dương Thu Hương
và bạn B. Keller*

Hồ cầm đằng sau những bức tường
những căn phòng sàn gỗ xạm, chỉ những cánh tay
ai đó đang bơi qua mặt nước tối
hay những cánh vệt trời. Sa chìm

cây gậy tre xua một đàn âm
tưởng mất tuyệt lại quấy đập sáng.
Ánh sáng thiếp mỏng thiếp. Ra đi
từ chiếc cổ một người
bài truy điệu Requiem cho Khoảng lặng

Gió bắt đầu thổi tốc lên. Lúc ngồi
ở sân quán lộ thiên nhìn những khuôn mặt anh chị cũng gió.
Người ta sửa soạn những cánh tay, những ngón tay, đường cổ
rêu chảy mưa phong hai mặt tường chiều

mẹ để con ngồi trên chõng tre
quờ lưỡi hái trên mặt nước sắp
đừng đánh ngã bóng con u ả
mưa đi rồi ai để lửa

con về rửa tay đi thấp hương sao mọc
đứng dậy lại một người đen thẳm lại hát
những đường gân trên cổ nổi vồng

trong căn nhà tối tiếng một người đàn ông gọi
ấm áp hơn tất cả các bài ca
tôi đã cấy cấy trên giấy đã bôi xóa

Đi đi thôi! Bước xuống một tầng cấp
một nấc nữa, xuống đường, nước chảy
lòng cống rãnh bóp nghẹn hồ cầm

Coi chừng ngã đấy, úp sấp. Đất thiêng
Thành phố đã sinh ra những người tôi đang nhìn ngắm
đứa trẻ sau cửa tháp cánh
ló đầu vào nhìn, đỏ nắng nâu au

Tháng ba ngày xám đất mẹ nằm ủ lửa
ngựa sững bờm trào bọt miệng chạy qua đồi
những người dài kháu thôn cổ ngựa

Chiều bóng thủy trước giờ tự trầm narcissus
nước gột màu tía nước, mắt ngựa đen
đánh vòng đêm thắm gió lau trán đá

bứt vòng thừng. Vòng vòng bờm lau
chạy để dấu bùn. Nấc Nấc.
Gió đánh mạn sườn. Chạy phớt lên đèn. Xốc hốc phớt lầu đen.
Hồ cầm chưa yên, đi hết chỗ nước mát vào bờ lạnh lại
cất lên ngọn quất rất mát. Ô hung bạo hung bạo
ngọn roi bên ngoài ngọn roi bên trong

Ngựa đầu than chịu bom thở dốc độc từng bùm huyết
vẩy than hồng rải khắp tuyến làng mạc
hồ cầm gió không yên con đi chuộc tội

một bờ ao một lòng hồ một biển cạn người nằm cát với cát
da thịt thế nào cho con đụng chạm
trôn ốc chạy sống lưng xoắn gập xuống ngày đại
con đi được về năm chiếu cỏ ngày trưa

đầu bện rơm, giữa bao người lùi lại
nhường một chỗ, một chân bước hụt
đất mộ trời, nghiêng ỏi, tán lửa

những người bên bìa nước, chưa kịp lau mặt
nhẹ hơn bóng, nhỏ giọt, chỗ rách ở ngực
không già nữa, roi rói trẻ tươi

Tháng ba giữa các anh chị tôi đi phố cũ lên đèn bếp lửa xanh
xanh
những tình nhân của đất thó mấy ai về được
đứng nhìn mưa đại huyệt bàn chân

Kẻ bước lui vẫn một bước nhường: sự sống.
Chiều bá vai hôn mắt lạm dụng
điều đứng ngựa trời
bỏ đám đông, bỏ ngày mùa hát bộ
ra ao lau ngồi hát tội lỗi được cho tuyệt dạng bấy đàn sao rồi.
Chùm lông quất mặt làm dây hát lên hồ cầm được bằng giọng
người
ghìm ghìm trầm trầm trong khoảng xanh tối

chỗ ném xuống một hòn đá, om mất tắm
Quay trở lại bên trong nước một mặt hồ đen thẳm
Khuôn mặt một người, lạnh lặn
gió yên rồi bước ra từ rặng cửa hình thoan

trắng cháy thân thể vòng đá, vàng rức
để trần, gọi những tình nhân trẻ mãi ngoài trận vong
Đừng bước lui nữa, dù một bước nhường. Cho tôi nhập một
hồ cầm, ngã vào, mộng nước tối tắm

đánh lên đầy kín mắt, tẩy thân và cứu chuộc.
Phố vàng rặng, được nhòa đi, từng người, từng đôi tay
ngoài vòng biên, níu giữ, trở về như mây khối, rung động

giữa nước. Cỏ không khuất. Ngắt lạnh cửa sổ.
Căn phòng trống: tình yêu và tưởng niệm. Những thân đàn
thẳng dọc

Đơn độc sáng hiên xanh. Không đơn độc
những cánh tay ngoài ngoài bóng nắng. Biển hồ cầm

19.3.96

Các Nhà Thơ Hiện Đại

Trần Thị Mai Nhi

Xin phép vẫn phải trở lại nói về từ *hiện đại* trong thơ, bởi vì ngay trên sách báo hiện nay cũng có người nghĩ rằng, có lẽ cũng như mọi thứ hiện đại khác, thơ hiện đại là thơ có hình tượng, những ngôn từ mới nhất, hiện đại đến mức kỳ quái. Cũng như thơ *siêu thực* là thơ nói về những hiện tượng khác lạ “ở trên” (siêu) hiện thực. Lỗi duy danh định nghĩa không có ích gì cho khoa học. Từ hiện đại được sử dụng như vậy để nói về tính thời gian hơn là để nói về định tính của văn học. Tiêu chí để xem xét thơ hiện đại là ở chỗ nó là một thể loại thơ thuộc văn học hiện đại, thuộc chủ nghĩa hiện đại cho rằng văn học, thơ không phải như khoa học tìm tới lý trí, mà tìm tới trái tim, tới cảm quan của con người mà biểu tượng là bản năng, là vô thức, là trực giác. Thơ hiện đại khác các trào lưu thơ đã có chính là ở văn học triết học đó của nó.

Có người cho rằng để đáp ứng nhu cầu phát triển lý tính của con người Việt Nam hiện đại thì phải phát triển thơ lý tính, do đó thơ tượng trưng là không thích hợp. Nhu cầu phát triển lý tính của sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa của nước ta là cần thiết không thể chối cãi. Nhưng nếu con người chỉ sống bằng lý tính thì con người còn là một thực thể loài như Mác nói không? Cái phi lý của con người nằm trong nghệ thuật, trong thơ mà cũng bị loại trừ thì con người tìm khoảng sống của mình đó ở đâu? Và như vậy thơ trong chủ nghĩa hiện đại khác gì các loại thơ đã có trước nó, kể cả khác gì với khoa học.

Trên văn đàn nước ta trong những năm gần đây đã xuất hiện một số nhà thơ có xu hướng chủ nghĩa hiện đại như Bùi Giáng, Đặng Đình Hưng, Bùi Chí Vinh, Hoàng Hưng, Dương Tường... Phần lớn thể loại thơ này ra mắt bạn đọc ở phía Nam. Cũng là dễ hiểu, bởi vì ở đây còn một công chúng chỉ cách đây ít năm đã làm quen, như Thanh Tâm Tuyền viết, với loại thơ *đi vào miền hoang dã, nơi có những vấn đề muôn thuở của con người*.

Căn cứ vào ít bài thơ đã ra mắt người đọc gần đây, Bùi Giáng cũng được kể là nhà thơ hiện đại đi theo văn học hiện đại. Thực ra ông đã sáng

tác nhiều trong những năm 70 ở Sài Gòn với những tập thơ *Sa mạc trường sa*, *Sa mạc phát tiết*. Thời gian sáng tác khác nhau trong bối cảnh chính trị - xã hội khác nhau cũng soi rọi thêm cho người ta thấy văn học triết học của ông vẫn không thay đổi. Con người trong thơ của Bùi Giáng trước đây cũng là con người bị ném vào cuộc đời *thăng phùng khách bao hàm song song*. Hiện trạng ấy như người ta nói chẳng có lý do gì cho nên con người chỉ biết *côi lòng mù xa*. Trong cuộc đời như giấc chiêm bao ấy, con người vẫy vùng ra sao thì văn chương của họ cũng là “thi văn nhất mộng, kim cổ không danh”.

Khi nói về thơ của Bùi Giáng, Nguyễn Quang Sáng cho rằng đó là những *chiều bằng lãng*. Không nói theo hình tượng, Trịnh Công Sơn nói rõ hơn, đó là cuộc đời *vô thường*: đời người ta cứ trôi đi, cứ trôi đi. Bởi thế dù ta có phải

*Bỏ trắng gió lại cho đời
Bỏ ngang ngửa sóng giữa lời hẹn hoa
Bỏ người yêu, bỏ bóng ma
Bỏ hình hài của thiên nga trên trời.*

thì

*Bây giờ riêng đối diện tôi
Còn hai con mắt khóc người một con.
Bùi Giáng*

Đặng Đình Hưng dừng chân lại bến lạ, những *cái va-li cứ về bến lạ* (Đặng Đình Hưng). Bến lạ là vô thường, và chỉ là bến, vĩnh viễn là bến, chẳng bao giờ con người đi đến nơi an cư lạc nghiệp cuối cùng. Trong cái thế giới bến lạ ấy, không chỉ có *năm mươi tôi, năm mươi lưỡi dao cạo*, mà còn có *năm mươi khá, năm mươi lời, năm mươi đôi môi*. Vui buồn, sướng khổ gắn bó với nhau cho nên người ta vẫn cứ phải *xuống thuyền* để cập bến, nhưng rồi cũng *chán bến lạ* bởi vì cái nơi tạm trú ấy đầy dẫy sự phi lý được Đặng Đình Hưng miêu tả trong *Bến lạ* của mình. Đó là một đời thường thông tục, ở đấy có những con người thèm muốn vật chất và nhục cảm. Đời sống tâm linh của họ chứa chất nhiều khát vọng, nhưng không được thỏa mãn để cuối cùng rơi vào huyền tưởng, thất vọng. Họ muốn thách thức số phận, nhưng rồi khuất phục, đầu hàng. Họ nửa tỉnh nửa say để trở thành điên loạn. Họ muốn chạy trốn, nhưng ở cái bến lạ này biết tìm đường nào để thoát, cho nên cuối cùng lại trở về mình để *vẫn cứ ỳ trong cái bến lạ* ấy, đành vui thỏa với nó, chấp nhận nó ít nhất cứ *đứng bên đường ngủ quên* đi.

Cuộc đời ngang ngửa, buồn là thế, nhưng lại chẳng có duyên do nào. Nó là vô bằng, nhưng ít nhất nó cũng cho ta thấy cái phi lý của nó để mà lựa chọn, lựa chọn mãi mãi, lựa chọn đến *chín mươi một lần mất to, mất tuột* (Đặng Đình Hưng).

Lựa chọn mãi mãi thì một lần lựa chọn trong chốc lát cái *bến lạ* ấy có gì phải phân vân: cứ liều thân phó mặc.

Đối với các nhà thơ theo chủ nghĩa hiện đại, thơ chính là sự lựa chọn chốc lát đó, là trở về *cuộc sống tức thì*, trở về *tính tự phát trần trụi* chẳng cần bận tâm tới ý thức, tới cái gì đã định sẵn. Bởi vậy *Thơ vụt hiện* (Hoàng Hưng) chẳng biết bắt đầu từ đâu và kết thúc ở đâu. Thử đọc một đoạn Thơ vụt hiện của Hoàng Hưng sau đây: “Tay vo giấy. Sáng ù xe cộ. Săn tiếng. Trôi giạt, óc im trơ. Dù giăng gọng xé. Thét còi. Hồn tiêu tán chỗ vàng lang thang góc ghế. Xòe tóc nhắm nhe vút tưởng lục. Du du...”. Quả thực ta chẳng biết những cái đó *vụt hiện* từ đâu. Nhưng nếu cứ bằng lòng xem xét một cái *vụt hiện* như *trôi giạt, óc im trơ* thì ta cũng đủ thấy cái *vụt hiện* đó ở ngoài ý thức cho nên *óc im trơ*.

Người ta nói về cái buồn trong thơ Hoàng Hưng. Như chúng ta đã thấy, văn học hiện đại lấy chủ nghĩa bi quan, lấy cái buồn, lấy những con người cô đơn, con người bị thất bại làm giải pháp đối với hiện thực, đối lập với chủ nghĩa lạc quan chính thống. Đúng là cái buồn của Hoàng Hưng chẳng có nguyên nhân, nó là nguyên nhân có thể nói, nó là *chỗ sâu nhất của bản thể con người*. Nếu nói theo phân tâm học thì nó bắt nguồn từ bản năng, mà bản năng thì chẳng có nguyên nhân nào ngoài chính nó. Cho nên ở đây, nói theo hiện tượng học, người ta chỉ có thể thông hiểu mà không giải thích về nó được. Cũng có thể nói được nó là *nỗi ngửa tiền kiếp*. Nhưng không phải bất cứ cái buồn *không địa chỉ* tức bản năng nào cũng đi đến thơ, nhất là trở thành thơ hay. Còn tùy thuộc vào tài năng của nhà thơ. Mặt khác, cũng không phải tất cả cái buồn của nhà thơ, của con người đều là không đoán định nổi. Hoàng Hưng cũng nói về nguyên nhân cái buồn là cuộc chiến tranh dai dẳng khốc liệt đấy thôi. Mà làm sao trong cuộc đời con người, tất cả cái buồn đều lại là vô bằng. Nếu vậy thì sống làm sao?

Nhiều nhà thơ hiện đại tìm tới cái buồn, nhưng tầm thước nghệ thuật của cái buồn đó ở mỗi nhà thơ lại khác nhau quá xa. Nói như Nietzsche, bản năng ở những con người có tư chất của một quyền lực sáng tạo nghệ thuật khác với *người cuối cùng*, tức là hiện nhân cổ lỗ, đáng khinh, bị nô lệ hóa.

Thơ Hoàng Hưng có cái buồn riêng tạo nên nhân vị cho ông, mà đã là một nhân vị thì không lấp lại ở ai hết, cho nên nó khác thơ cổ điển, thơ tiền chiến, *thơ chính thống*.

Nhưng nếu nó còn là *modern* thì con đường của nó không thể là con đường nào khác con đường đi vào tâm linh theo văn học hiện đại.

Thơ của Hoàng Hưng cũng như của bất cứ nhà thơ hiện đại nào cũng không thể trốn khỏi hiện thực nếu họ còn là người trần gian sống trong cái biểu hiện thực của trần gian. Chẳng ai đòi thơ phải nhiều hay ít hiện thực ấy. Người ta đều biết, giá trị hiện đại không phải ở chỗ đó, mà nói như Baudelaire, ở sự tưởng tượng, nói như Valéry, ở tinh thần, nói như Husserl,

ở ý nghĩa mà con người ban bố hiện thực. Người ta đều biết hướng tìm giá trị thơ hiện đại ở chỗ nào chứ đâu ở chỗ vừa lòng hay không vừa lòng với số lượng hiện thực cân được nặng hay nhẹ.

Xu hướng đi vào đại chúng của thơ hiện đại là ở chỗ đi vào bất cứ hiện thực nào kể cả cái ác, cái xấu, miễn sao ở đấy có tính chất thơ, ở đấy có thể nở ra một *cái hoa*. Thơ hiện đại coi ngôn ngữ là cái quý báu vô ngần cho nên có thể *tiêu xài* bất cứ ngôn từ nào, kể cả ngôn từ dung tục, tiếng nói đường phố, thậm chí như Bùi Giáng yêu cầu, cả *ngôn ngữ chần trêu*. Người ta thấy trong thơ hiện đại ở một số người những từ như *hà hát, bàng bàng, khao khao, rồi cốc ré, óc lói*, thậm chí những từ khó nghe như *giao hợp, ỉa, đái* v.v.. Cũng như hiện thực nói ở trên, bản thân từ phải được nhà thơ đưa lại cho nó một thi vị thì mới là cái đẹp.

Còn nếu nó *trần xì* chỉ có thể thì chẳng thể có giá trị thơ. Cái hay không phải ở chỗ *bạo hơn Hồ Xuân Hương*, mà ở chỗ khác. Thơ của Bà chúa thơ Nôm có nhiều từ tục đấy, nhưng ai mà phủ nhận được tính chất thơ mà bà đưa lại cho những từ ấy. Thước đo nghệ thuật là ở đó.

Nói đi cần phải nói lại, một số *từ man rợ* xuất hiện trong thơ quả thực không có một nghĩa nào cả, nhưng chúng lại không hoàn toàn là một thứ lập dị mà có thể gọi là những cái hài tượng thanh, có âm điệu được nhà thơ sáng tạo nhằm thể hiện theo kiểu siêu diễn cảm và hài hước về sự đời. Kể cả sự chói tai của những nghịch âm, sự khổ độc cũng có vị trí nhất định trong thơ. Ở đây Hoàng Hưng đã có lý khi cho rằng ngôn ngữ thơ là sự xen kẽ giữa từ ngữ với ký hiệu, từ có nghĩa với con âm chưa có nghĩa tạo thành tín hiệu trực tiếp của những xung động tâm hồn bột phát.

Trong tiếng Việt cũng như trong nhiều thứ tiếng khác có một *qui luật* như sau: để tránh sự thô鄙, người ta thường thay thế từ xấu bằng một từ được mỹ hóa, hoặc bằng một từ Hán Việt thanh cao (thay cho từ thuần túy Việt). Các nhà thơ hiện đại trước đây có xu hướng thần thiêng hóa thơ, thơ phải *sáng láng anh hoa* (Hàn Mặc Tử), thơ là *trí thức cao cấp* (Xuân thu nhã tập). Thơ hậu hiện đại có thể phi hiện đại, phi thượng lưu. Nhưng sáng tác nào cũng có giới hạn do cái đẹp nghệ thuật qui định. Nếu quá thì thơ làm sao còn là tinh hoa của một nền văn hóa.

Trong bài thơ *Tôi đi vào*, Bùi Giáng thơ thần, cô đơn đi vào cuộc đời đầy phi lý, cuộc đời *mèo cào chó cắn* - những *sự thật bình tử bình sinh* - cho nên, cũng tùy ý đặt vào cái thế giới phi lý ấy cái gì mình muốn: Bùi Giáng mà gửi cho cuộc đời *những bài thơ mèo quào chó gặm* thì thơ ấy liệu con người có *gặm* nổi không?

Dương Tường, Bùi Chí Vinh, Hoàng Hưng tìm tới thơ trong tình dục của con người, nói như nhà phân tâm học, tìm tới *tâm lý học miền sâu* của con người. Tình dục chẳng phải là điều cấm kỵ trong văn chương. Cũng như nhiều nhà văn theo chủ nghĩa hiện đại, M.Proust cũng đưa vào nền

văn chương lớn những cảnh loạn dân làm đau, loạn dân bị đau, đồng giới tính. Nhưng đâu chỉ là sự thỏa mãn tức thời cho ai đó, mà ông đã tạo ra một *tâm lý mây mù* về một sự mâu thuẫn trong con người yêu, thêm muốn mà không sao đạt được.

Lại một bi kịch của con người.

Có một thước đo giá trị đối với tình dục trong văn chương. Nếu cái việc ấy cũng như các hoạt động khác của con người được thực hiện chỉ dưới sự thúc ép của nhu cầu thể xác, tức thời, thì những cái đó chẳng có nghệ thuật gì, vì chúng được sản sinh ở ngoài qui luật của sự đẹp.

Tuy nhiên, thơ nói tới bản năng tình dục không thể là cớ để phủ nhận thơ hiện đại bởi vì thế giới tâm linh của con người trong thơ hiện đại đâu chỉ rất là bản năng tình dục.

Dương Tường giới thiệu cuốn *Bến lạ* của Đặng Đình Hưng có trích dẫn mấy câu thơ sau đây của ông: *Cái bút chì ngày đêm thoi thoi thôi bút..., cái đồng hồ quả lắc khệnh khạng đưa những quả thịt chậm song song với những cái chai không... Nói thật, trong đôi guốc tôi chú ý nhất cái chặt chặt của đôi quai....* Quả thực ở đây bộc lộ một quan hệ giữa người và vật. Phải chăng đó cũng thể hiện một triết lý vô thường cho rằng khi người và vật chơi đùa với nhau thì *sự cao đạo* của con người bị phá bỏ và sự thống nhất của vũ trụ được tái lập. Nhưng nếu con người bị hạ thấp thành con vật thì nó chẳng còn là nó.

Những nhà thơ của chủ nghĩa hiện đại có tham vọng không muốn dừng lại ở cái gì *đã làm xong* rồi, cái gì *đã được nói*, *đã được viết*, do đó hình ảnh thơ ca phải mới nhất, khác lạ nhất: *Thế kỷ ơi! lại đây ta dắt đi chơi, công thức tôi về cây số một, ki-lô-mét một* (Đặng Đình Hưng). *Cá khe nước công lên đồng* (Bùi Giáng) *Tuổi ba mươi như con trẻ. Mất tâm vì cô điển ế, Nhớ điên cuồng mùi anh như con bò cái nhớ mùi phân rác* (Hoàng Hưng) v.v.. Và thời gian của họ trong thơ vì vậy cũng lộn tùng phèo chẳng biết đâu mà lần: hiện tại và quá khứ cùng có mặt trong tương lai, còn tương lai đã bị đóng chặt trong quá khứ.

Trong chủ nghĩa hiện đại bao giờ cũng có *sự khuyết lẩn của khoảng cách* tức câu chuyện được kể lại không theo trật tự những mối liên hệ của thời gian mà theo cảm quan chủ quan và bất ngờ của nhân vật trong thơ.

Người ta thấy ở họ một xu hướng muốn xóa bỏ niêm luật và cú pháp, thực hiện một thứ thơ tự do không giới hạn, xóa bỏ mọi hình thức đã hình thành sẵn trong nghệ thuật, trong ngôn ngữ. *Mọi từ đều được tự do*, chẳng cần nhịp, chẳng cần dấu chấm, chỉ còn nhạc, còn âm thanh *Ríu ríu cánh bàng bàng. Chấm chấm nở. Phan phan bay. Núm núm* (Hoàng Hưng). Những từ trong thơ chỉ còn là sự xếp hạng theo lối in máy. Xin trích một đoạn thơ

Noel
 Đền
 Môi em
 za em
 jerusalem
 pha phem
 hang Đức mẹ
 jọt
 jọt
 hẽ he
 mùi quen
 mà quên.

Tóm lại, chẳng ai muốn phủ nhận nhiều con đường đi tới thơ của những nhà thơ *hậu Thơ mới* ở nước ta. Con đường muốn đi từ cái bình thường, cái hiện thực để đến cái khác lạ, muốn vượt quan hiện thực đã quá quen thuộc, ngôn từ đã được xác lập. Dưới bộ mặt đầy mâu thuẫn ấy, người ta muốn khẳng định bản tính sáng tạo của thơ.

Nhưng cứ đà này, thơ cứ tiến theo hướng ấy thì nhà thơ và *hành vi của sự sáng tạo thơ* của họ ắt được thỏa mãn, còn người đọc muốn thưởng thức thơ thì cũng phải trông chờ ở *đời sống tức thì*, ở *sự tự phát trần trụi*. Trong trường hợp, như Octavio Paz viết: *Nếu mỗi người nói một thứ tiếng, sẽ chẳng ai hiểu gì. Đó chính là sự cáo chung của ngôn ngữ. cuộc đối thoại của những kẻ tâm thần*. Phải chăng đây là sự phản ánh cái mâu thuẫn, cái song đề nan giải của xã hội kỹ thuật hiện đại: sự bành trướng của chủ nghĩa duy lý, của sức mạnh công nghệ được bù trừ bằng sự giải phóng của cá nhân dưới nhiều hình thức trong đó có *thơ ca tự do*. Một mâu thuẫn quá lớn. Nhưng trí tuệ của loài người vẫn tin rằng khủng hoảng nào thì con người cũng tìm được những giải pháp bằng những cách tân ngày một mới lạ, nhưng không tầm thường, cho nền văn hóa của mình.

(trích trong chuyên luận “Văn học hiện đại, Văn học Việt Nam giao lưu gặp gỡ”, Nhà xuất bản Văn Học Hà Nội 12/1994.)

Ghi chú:

Tác giả TTMN đã từ trần ngay sau khi cuốn sách của chị được xuất bản. Đây là chuyên luận đầu tiên về đề tài này được biết đến tại VN. [Ghi chú: tác giả T.T.M.N đã từ trần ngay sau khi cuốn sách của chị được xuất bản. Đây là chuyên luận đầu tiên về đề tài này được biết đến ở Việt Nam.]

TRÂN SA

Những Bài Thơ Tình

Chúng cứ chảy mãi
Chảy mãi qua những cánh tay
Những cánh tay không thể được ôm ấp
Chảy mãi qua thời gian
Những thời gian trống và buồn

Mặn chát như nước biển
Chúng cứ nhỏ xuống nhỏ xuống không dứt
Từng giọt
Từng giọt roi rói
Như máu tươi

Sao chúng chẳng bao giờ chịu đen bầm đi
Sao chúng chẳng chịu sẫm lại và biến mất?
Thi sĩ, kẻ ca hát mãi những lời tình buồn
Hay mi là một con bò rừng
Con bò rừng với chiếc khăn đỏ buộc
Phất phới phất phới mãi trong óc

Có gì làm dịu đi những cơn điên như thế này?
Ngoài những giấc mơ ngủ mi cứ tể cho gió
Hay cứ để những giọt mặn chát ấy tưới
Mãi xuống họng trái tim mi, rên rỉ
Khô khát!
À.., quá khô khát!

Hay cứ để mặc
Tình yêu mi chơi với như những hoa mọc dại bên triền núi
Những nụ hôn mi chồn vờn như bướm đôi ngoài hoang mạc
Cứ mặc chúng chết khát
Để tiếng kêu chúng có lần được là những giai điệu trầm
Giữa những tiếng nổ độc ác

Hoặc cứ để mặc chúng ngã gập
Trên những bài thơ chảy mãi chảy mãi
Từng giọt từng giọt như máu tươi
Như những vì sao
Lấp lánh lấp lánh mãi
Trong những đêm tối

Trong những đêm tối đen
Không có đôi ta

1-1996

TRÂM PHỤC KHẮC

Kỳ Đông

bước trở lại sân năng như hai mươi năm trước bỏ thi bỏ thêm
một kỳ đỗ đạt làm thí sinh mới khuya khoắt chở say đắm lui tới
cho đến buổi ra trường.

NGUYỄN ĐẠT

Về Với Đơn Dương

tặng anh Trần Dạ Từ

Về với Đơn Dương
Chiều cuối năm, bản dạ khúc mới
Ngươi nghỉ trên đồi thông
Trên bãi đêm
Gió buốt sẽ tiếp tục
Ngọn đèn tín hiệu sẽ chớp tắt không ngừng

Về với Đơn Dương
Tiếng xe đã im
Dốc đèo đã khuất sau núi tối
Về với Đơn Dương lay khẽ bông hoa
Hơi hương thơm kỷ niệm
Nhớ cùng ta

Tôi về Đơn Dương như năm tháng đã hết
Như cọng cỏ thở đêm gió tràn
Như ước mơ giấu mặt
Tôi về Đơn Dương
Ồ những bông hoa
Cớ sao khóc?

LÊ BI

Thơ Tím

nghe tiếng ngáy của mình
lúc cả thế giới lặng thinh
vùi vào thơ tĩnh vật

trước cả thời chiến lẫn thời bình
những dòng chữ không bao giờ chịu nằm trong trật tự
mở sẵn đường vượt biên

tôi tím ngắt
trời cúi xuống những đường cong
giao cầu như cầu vồng

như thức giữa áo quan
chiếu chẵn dài vô tận
trở lại viết đồng dao cho bấy dã tràng

em quá hư cấu
tôi thà ngủ với thơ mình
giữa trang giấy nổ chậm

mỗi lần yêu là sắp đầu thai lại
bắt đầu biết sợ như đàn bà sắp sinh
ra chính mình

xé trắng đêm nay ra màu sắc
tôi giả làm họa sĩ
vẽ thơ ra cuộc đời

tôi là ngàn mảnh kỷ hà khép lại
trang giấy vẫn vô định
bay lơi lơi cuộc đời.

Hư Cấu

có đêm trăng quá sáng tôi phải đè nén sự dâm đãng
thân hóa tím thơ hóa xanh
sương trời và mộng
khẽ rớt giữa những ngón tay

có đêm chỗ tôi ở biến thành một bệnh viện tâm thần
những cái bóng đè nhau chồng chất
hàng ngàn cánh cửa đều khóa
tôi vẫn mất ngủ trên những hành lang

lang thang ở thế kỷ này hay thế kỷ trước cũng vậy
tôi không muốn phải đi lại từ đầu
những con trăng cũ
không chịu nhả ra

có đêm trăng tôi phải liên tục đánh đuổi chính mình
ra nằm cong cong ngoài cửa sổ
thành bong bóng vỡ
giữa trang kinh

có đêm trăng thêm yêu nhện cái
để đầu thai lại
tìm mình
trên những dòng chữ hư cấu.

Cuối Thế Kỷ

giữ lại mấy câu thơ
thay anh mà tồn tại
thế kỷ này cũng không cần ở lại
để thế kỷ sau đọc thành dấu hiệu phù du.

Không Tưởng

thi sĩ bao đời đã yêu trăng
lấy cả sức thơ sức người muốn ôm trăng xuống đất
trăng chỉ là mình khi trăng không thật
cuối thế kỷ này trăng vẫn ở trên cao.

PHAN HUYỀN THƯ

Tờ Chương Trình Buổi Slava Đàn Ở Hà Nội, Việt Nam

Hennessy
concert series

Program

Aria
mơn trớn thịt da

Haendel
nhiều đèn
(ở đây không có thằng nào nhiều lông chân bằng anh)

Adagio và Rondo
...có một cái khuy cài sau gáy
(em không thích miệng anh ấy)

Johannes Brahms
Sonata số 2
Cung Fa trưởng
Allegro appassionato
(Bản nhạc đêm)
Nhạc rất đêm
và anh rất...
(...trong chuyện làm duyên)

Giải lao

Dmtri Shostakovich

rạp chạt ních
đũng chạt ních

Cung Rê thứ soạn cho cello và dương cầm
(...vẫn mặc quần hồng)

Vocalise - Rachmaninoff

...ơi!
(cần chạm vào nhau)

Sau một giấc mơ

em thấy mình choàng áo nâu-âu-sầu-quả cầu
em đã rung lên như giây đàn
anh-nghệ sĩ đàn...bà (dương cầm? tỳ-bà-hành?)
giao hợp hưởng sướng?
(giao hưởng hợp xướng)

Những người khách giang hồ

anh cầm dương vật gỗ cửa
(Rostropovich búng giây đàn)
em găng khép cửa mình ý tứ?
ừ thôi, khách giang hồ!
(đang...tha...hồ...)

30.5.96

Dạng Thức Thơ

Khế Iêm

Từ quan niệm về tính tương thuộc (relation) của Spinoza, mọi vật tự bản chất không tốt không xấu, có chăng là tùy theo những liên hệ của nó với từng người, đưa tới một gợi ý: chúng ta chỉ có thể nhận biết giá trị của vật này qua sự hiện hữu của vật khác. Như cái ly bên cạnh cái ấm. Hoặc một hành vi phi pháp chỉ hiện rõ khi xã hội đã có một nền tảng pháp lý. Một nền văn hóa này cọ sát với một nền văn hóa khác; những tranh chấp xảy ra từ thời kỳ thế giới phân hai không thể nhìn thấy hết góc cạnh nếu chúng ta vẫn sống với tâm thức chiến tranh lạnh và chưa có những giá trị xã hội của thời bình. Nhìn quanh, chúng ta chưa có hiện tại nên phải ném ngược về quá khứ, và cứ hoài công để tìm gỡ những mối bong bong.

Áp dụng tính tương thuộc vào thơ, muốn tìm hiểu những giá trị Thơ Mới Tiền Chiến hay thơ tự do thời Sáng Tạo, điều duy nhất, có lẽ là đi tìm cho ra những giá trị hiện tại. Nếu không, chúng ta cứ để tâm hồn mơ mộng và vẽ ra những chiếc bóng huyền bí, luẩn quẩn trong bầu không khí sương khói với những nhận xét mù mờ, nô lệ vào cảm xúc (slavery to emotion) (đôi khi được thêm mắm muối hoặc đã bị điều kiện hóa) nhiều hơn là có một cái nhìn khách quan để nhận ra giá trị của nó.

Chúng ta thử nhìn lại thơ VN, từ thập niên 60, ở miền Nam, về hai dòng thơ chính: thơ có vần và thơ tự do. Ở thời điểm này, có hai nhà thơ nổi bật: Bùi Giáng và Thanh Tâm Tuyền. Với Bùi Giáng, kể từ *Mưa Nguồn*, đã không còn mang âm hưởng Thơ Mới. Ông đẩy thơ lên tới mức cao nhất của thơ vần, và sau này đã tạo được một ảnh hưởng nhất định nơi những nhà thơ sau ông. Thơ vẫn được phân nhánh, hoặc tiếp tục ảnh hưởng của Thơ Mới, chủ về cảm xúc. Hoặc chỉ nhấn mạnh ở phần âm thanh, và có khi chẳng cần chuyển chở một ý nghĩa. Thơ tước bỏ ý và tứ, chỉ đào sâu vào phần nhạc tính, nhưng là loại nhạc tính được tạo thành bởi những âm của chữ. Sự thiên vị quá đáng vào cảm xúc và âm thanh tạo nên một lớp nhà thơ có tay nghề và công phu nhưng lại đánh mất chất tố sáng tạo. (Cho đến bây giờ, có những tác giả in hàng chục tác phẩm thơ, những tập thơ dày hàng trăm trang nhưng chỉ là, bài này tiếp bài nọ, tập nọ tiếp tập kia, hao hao giống nhau. Hóa ra

làm thơ giống như luyện bắp thịt, hát hay không bằng hay hát, và sự thành công của một nhà thơ cũng chỉ được đánh giá bằng số lượng.)

Thơ ở vào những thập niên 60, nói chung, hoặc trốn chạy thực tại, tìm về những kinh điển phương Đông; hoặc vì muốn thoát ra ngay khỏi cảm thức Thơ Mới, bị ảnh hưởng nhiều qua sách vở, đôi khi đưa vào thơ những tư tưởng của xã hội phương Tây thời bình, hoàn toàn xa lạ với hoàn cảnh một đất nước đang ở một khúc quanh lịch sử, giữa chiến tranh và đổ nát. Thơ còn nằm trong ý niệm và xa rời hiện thực.

Thơ vẫn sau 1975, chừng như không còn thích ứng với đời sống xã hội. Thơ tự do thoải mái hơn, chủ về ý, nhưng là ý của từng câu. Có nhiều bài triển miên những suy nghĩ đứt đoạn và khó đoán được điều tác giả muốn gửi gắm. Thơ tự do, vì là tự do nên nhiều khi có những bài dài lê thê, và tác giả cũng chỉ muốn chứng tỏ là dài. Thơ không chú trọng lắm đến các yếu tố khác, nhất là nhạc tính, và rơi vào tình trạng ít chất thơ và hồn thơ, nặng nề và làm mệt người đọc. Và giống như thời kỳ còn ở thế qua phân, người làm thơ nếu không vướng vào vòng quanh co của âm thanh thì lại mắc vào trò chơi ý tưởng.

Thơ có vần và thơ tự do, sau Bùi Giáng và Thanh Tâm Tuyền, đơn điệu trong hình thức, tạo nên một cảm giác thờ ơ nơi người đọc. Thơ dễ làm đến độ tràn lan vì chỉ cần khai thác một vài khía cạnh và không lý đến cái toàn thể. Một số nhà thơ cố làm mới loại thơ vần, đặc biệt là lục bát, như xử dụng cách chấm phết, gạch ngoặc hoặc ngắt chữ xuống hàng, nhưng cũng không xoay chuyển được tình thế.

Thơ tự do sau này, cũng chỉ thay cách suy nghĩ, nhưng hình thức và diễn tả vẫn rập khuôn như trước. Thơ vì thế, chỉ là hàng loạt những nhảm chán, như chiếc máy thơ, chạy mãi rồi cũng lỏng. Ở một số nhà thơ có cố gắng cải tiến thể thơ này, bằng cách rải chữ, ngắt câu xuống hàng, nhưng không tạo được cảm xúc nơi người đọc, có khi lại dẫm lên vết xe cũ là mang những kiểu cách thời trang phương Tây (đã có từ nhiều thập niên trước) vào thơ Việt và người đọc có cảm giác khó chịu nhiều hơn chia xẻ.

Và hai thập niên qua, 70 và 80, đó là khoảng trống trong thơ Việt, tuy có những tập thơ đáng chú ý nhưng vẫn là sự tiếp nối, cứ đường cũ mà đi.

Ở điểm này, chúng ta mới thấy hết được vẻ rực rỡ của thời Thơ Mới Tiền Chiến. Họ đã vận dụng hết sức tài tình những cái mới từ phương Tây, chuyển thành thơ, hợp với tâm tình dân tộc. Tiếc thay, chúng ta đã không kết nối được tinh thần Thơ Mới, có lẽ vì phải trải qua một cuộc chiến khốc liệt, không có được những an bình như thời Thơ Mới. Tiếp theo là hai thập niên đóng cửa và lưu vong, người dân Việt đến lúc này có lẽ đã có những bình yên để ổn định, nhìn ra ngoài thế giới, nhận rõ những biến đổi và nhận rõ chính mình.

Ám ảnh quá nhiều bởi quá khứ, như một vết thương trí mạng, chúng ta có khuynh hướng chối bỏ quá khứ. Nhưng càng chối bỏ, chúng ta càng bị

xiết chặt bởi chiếc vòng kim cô quá khứ. Vấn đề là nếu không tạo ra được những giá trị hiện tại thì chúng ta chẳng bao giờ nhìn rõ được quá khứ. Vậy thì đâu là giá trị hiện tại của thơ Việt? Và có hề mở được điều gì khác với Thơ Mới và thơ tự do thời Sáng Tạo hay không? Chúng ta thử vẽ phác vài nét, như một thử nghiệm, tuy sơ sài nhưng không chừng lại chẳng đưa thơ ra khỏi sự bất động.

*

Dạng thức (pattern) của thơ, có lẽ cũng không xa lạ gì lắm với người đọc, bởi vì chúng ta đã từng quen với thơ tự do (free verse) và thể thơ truyền thống (traditional form). Dạng thức là cách xếp đặt trật tự những câu chữ để tạo hình dạng thơ, phải đọc bằng mắt, như một bài thơ ngoài thơ. Chỉ khác dạng thức không cố định như thể thơ có vần, mà biến đổi luôn luôn. Mục đích cũng chỉ là để chất lọc chất thơ, và xử dụng những yếu tố khác như nhạc tính. Nhưng khác nhạc tính trong thơ vần, xử dụng những âm của chữ. Nhạc tính trong dạng thức xử dụng âm của câu và của toàn bài tạo nên những sóng chữ.

Dạng thức cũng rút những yếu tố chính của thơ tự do, chủ ý, nhưng mà loại ý cấu thành được tứ thơ, để làm nên những rung động. Có thể nói, dạng thức là sự hoàn tất của thơ tự do. Sự kết hợp những yếu tố thơ trong thơ vần và tự do là một hòa hợp rất đẹp và có thể tạo nên những bài thơ đúng thơ.

Dạng thức vừa có khả năng duy trì bản sắc thơ Việt, vừa có thể mở rộng, đón nhận những yếu tố mới trong thơ hiện đại như ý niệm về thơ thị giác (visual poetry) trong thơ cụ thể (concrete poetry). (Thật ra, tại sao gọi là thơ cụ thể thì vẫn còn là bí mật, vì loại thơ này chuyên chở những ý tưởng trừu tượng hơn là cụ thể, một hình thái duy lý, sản phẩm của văn hóa phương Tây.) Điều này chứng tỏ, người làm thơ có nhiều cơ hội để đẩy thơ đi xa và thơ, thật sự là một thế giới đầy ngạc nhiên.

Chúng ta cũng có thể thử nghiệm một vài kỹ thuật trong loại thơ gọi là projective verse, dùng những chùm chữ (word clusters) thay vì dòng (line) và những khoảng trống lớn. Chùm chữ tạo thành ý tưởng, có thể nhảy cóc qua bất cứ chùm chữ (hay ý tưởng) nào trong bài thơ. Mục đích là làm cho bài thơ trở nên đa dạng; và tùy theo sự nắm bắt và trầm tư của mỗi người làm thơ, có thể đưa tới một ý nghĩa, tái tạo lại không gian mệnh mông của một thời đại, mà bây giờ chỉ còn trong trí tưởng.

Từ một dạng thức này, chúng ta có thể biến hóa ra nhiều dạng thức khác khác nhau, tùy theo sự chiêm nghiệm và nắm bắt đời sống. Bởi vì, dạng thức gắn liền với đời sống như hơi thở và sự sống. Do đó, một người làm thơ ở nơi này sẽ tạo nên những dạng thức khác với người làm thơ ở nơi khác. Điều đáng nói, là tự nhiên không khí thơ sẽ khác đi, không còn nặng nề như thơ tự do hay có vần. Và dù chúng ta xử dụng cấu trúc câu đơn giản, nhưng vẫn mới và tạo được những cảm xúc lạ. Lạ hơn nữa, là đối với thơ tự do hay có vần, thường người ta hay áp đặt lý luận vào thơ, nhưng ở dạng thức, thơ tự nó tạo nên lý luận. Và người đọc khi làm quen với loại thơ này

cảm thấy thú vị khi mỗi bài thơ đều bắt gặp những yếu tố mới, kích thích sự hứng khởi. Cái khó là làm thơ sẽ khó hơn vì mỗi bài thơ đòi hỏi một dạng thức khác nhau. Nhưng cũng là điều tốt vì nhờ vậy, làm thơ sẽ không còn dễ dàng như trước, chất lượng và sự thưởng ngoạn thơ sẽ được nâng cao. Sẽ không còn những loại thơ đồng dạng, na ná giống nhau và khối lượng thơ sáng tác không còn là vấn đề người đọc phải than phiền. Nhưng nếu có kinh nghiệm ở cả hai loại thơ vần và thơ tự do thì cũng không phải là điều khó lắm. Có thể nói, thơ tự do và thơ vần cũng là một loại dạng thức nhưng bất biến và còn đơn giản nên dễ trở thành khô cứng. Vì dạng thức đột biến không ngừng, gây một tâm lý sáng tạo và người làm thơ sẽ dễ thích ứng với những đổi thay của thời đại và sẵn sàng hòa nhập vào sự đổi thay. Thơ sẽ kết hợp được mọi yếu tố từ mọi trường phái và các loại hình nghệ thuật khác như hội họa, kịch và ngay cả những tiếng kêu, hợp với văn hóa và ngôn ngữ Việt.

Và dường như càng lúc người đọc càng cần những cảm xúc chân thực qua những biến động có thực hơn là những tưởng tượng *không thực* phát sinh từ thế giới khái niệm. Và khi đã nếm mùi đau khổ của đời sống máy móc, và mệt mỏi vì phải trả giá đắt cho những tiện nghi, con người có khuynh hướng quay về thời dân dã, hồn nhiên, thoát ra khỏi những gánh nặng lý trí; nhưng quay về theo một phong cách khác, và biết đâu lại chẳng xuất hiện một thời kỳ *tân ca dao*, như một phản động cần thiết để duy trì đời sống. Vì vốn dĩ, thơ là một thể loại phong phú hơn chúng ta tưởng, và là cửa ngõ duy nhất giúp con người thoát ra khỏi những thảm họa của nền văn minh.

*

Tôi nghe ở Miền Đông Mỹ, những nghệ sĩ tạo hình vô danh, thường điêu khắc những bức tượng bằng nước đá (ice sculpture), lóng lánh tuyết, trưng bày ở khu đồi riêng, mỗi khi trời vào Đông. Những bức tượng ấy chỉ có thể sống được một mùa, và sang Xuân, sẽ tự tan chảy vì sự thay đổi của khí hậu và thời tiết. Và cứ thế, mỗi năm, vào ngày này... Đó là hình ảnh tạo cho tôi một xúc động, dù chỉ bằng một câu chuyện. Câu chuyện này, chắc chắn chỉ xảy ra ở Mỹ, và không thể xảy ra ở những nơi khác. Và cũng vì thế, tính cách năng động của văn hóa Mỹ đã tạo nên những tìm kiếm không ngừng nghỉ ở tất cả mọi bộ môn nghệ thuật. Nghệ thuật cũng chỉ là cuộc vui chơi trong chốc lát. Nói thế, tưởng như một lời nói đùa, nhưng khó thực hiện. Từ đó có thể rút ra: phong cách của nghệ thuật là một cố gắng làm hỏng đi những gì đã có trước, bằng những sáng tác không còn vướng dấu vết gì nơi những tác phẩm cũ. Và nghệ thuật, khi đã thoát ly ra khỏi những lễ thói của đời thường, chẳng lẽ lại tạo dựng một lễ thói đời thường khác? Định giá hay và dõ rõ ràng là một chương ngại, nơi đó từng từng những núi non, đền đài miếu mạo, cần phải bỏ lại sau lưng như thứ hành lý công kênh làm ung ruỗng những giấc mơ.

Chúng ta hãy làm thơ như chưa bao giờ làm thơ, và cũng cứ tảng lờ như không hề có thơ, từ muôn đời, trên mặt đất (kể từ niên đại khủng long).

KHẾ IÊM

TV Ký

Bud weis er

Cách dùng:

Đọc theo âm kêu của ễnh ương. Tước đoạt nghĩa của chữ, cả đen và bóng.
Lập đi lập lại để nảy sinh hình và ý.

Kiểm Sống

gánh hát
rong
hất khuôn mặt đã im
hơi (và dị hợm) đi
cồm cộm âm và nghĩa
chơi chiến thuật du
kích tĩa từng phần cho
đến khi nào thấm mệt
thì giả làm kẻ hoang
đàngloăng quăng
kiếm
sống

Hí Kịch

con đường
(vẽ bằng than)

NHÂN VẬT

khập khểnh giữa bàn và ghế
dựa hẳn vào vuông chiều tàn đánh
thức lũ tỉnh vật dậy bằng đủ mọi hợp
âm kỳ quái để nhân vật hiển hiện
(qua tưởng tượng, ấn tượng, lập thể, dã thú...) là
hình dạng của bụi nhùi

*nói lóng
(với nhiều thứ tiếng)
đệm thêm phần hòa âm của lục lạc
(tựa như rập và rác)*

đội nón
đi vào chỗ dễ cáu và có thể
hóa thân

*hiểu thì hiểu không hiểu thì... mặc
xác*

bước
(qua khoảng trắng của ảo giác)

MÀN

kéo lập tức trong nháy mắt để sao không còn để lại dấu vết nào

Tán: Con đường nguệch ngoạc vài nét tự nó đã chẳng phải chính nó. Nhân vật nhập nhằng không ra nhân vật thì hà cớ lại chồng chất thêm những biến cố. Bước, động tác giả giữa những điều không thật và được gọi là ảo giác. Đã tạo ra dấu vết rồi lại muốn xóa đi dấu vết. Toàn bày đặt những điều vô lý. Lắm cấm, lũng củng mới sinh ra Hí Kịch và lời bàn đầu ngô mình sở.

Khế lêm

NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG

Bưu Ảnh Của Người Anh Ở Mỹ

VENIZIA
Piazza s. Marco
Place S. Marco
S. Marco Square
Markusplatz
Venise 4.5.96
Anh đã qua Amsterdam,
sang Rome đi vòng nước Ý
(Naples, Capri, Florence,
Venise, đến Milan) rồi sang
Paris. Vui, nhưng mệt. Sang
Pháp 1 tuần rồi về.
Anh có được thơ chị Ba,
Khoa nói nhà ở Võ Tánh
bán rồi, coi bộ nó phiền,
không biết làm sao.
Chị Hai khóc, không có gì
lạ. Cầu trời cho chú mạnh
khoẻ luôn. Anh già rồi, đi 1
vòng cho biết.
Ráng sống khoẻ anh
mừng.
Đạo

* 500 * * 750 *
* * * *
* * * *

ITALIA

Mr Nguyễn Đăng Thường
11 Delvino Road
London SW6 4AE
England

O K
SPEDISCI
QUALITA'

208 - ed. g. F. Zerella VE - Tel. 520.57.

Chú thích

Nhà nước luôn luôn hờm sẵn để niêm phong nhà của việt kiều “vắng mặt”, không cho thân nhân tại chỗ dọn vào, rồi bán nhà “tham lý” cho cán bộ.

Diễn Văn Nobel 1987

Có mặt ở nơi trước anh ta chưa có ai đặt chân tới*

Joseph Brodsky

I

Đối với một con người sống riêng tư và xưa nay vẫn luôn thích tính cách riêng tư ấy của cuộc sống hơn tất cả mọi hình thức sống chung, đối với một con người mà sự chọn lựa đó đã đẩy đi rất xa, đặc biệt là xa tổ quốc mình, bởi lẽ thà làm người cuối cùng của những người cuối cùng sống trong một nền dân chủ còn hơn làm một kẻ tử đạo hay một nhà hướng dẫn tư tưởng trong một chế độ chuyên chế, thì bỗng nhiên lên đứng trên diễn đàn này là một chuyện rất không dễ chịu, là một sự thử thách.

Cảm tưởng này còn tăng lên, do nghĩ đến những người từng đứng ở chỗ này trước tôi thì ít mà do nhớ đến những người đã không có cái vinh dự ấy thì nhiều, những người đã không thể bày tỏ, như người ta vẫn thường nói, “với khắp mọi nơi”, từ trên diễn đàn này và là những người mà sự im lặng chung có thể nói là đang tự tìm kiếm ở đây một lối thoát mà không tìm ra lối thoát ấy được.

Cái duy nhất có thể cho phép người ta quen dần với một hoàn cảnh như vậy, đó chính là ý nghĩ đơn giản cho rằng, vì những lý do trước tiên thuộc phạm vi bút pháp, một nhà văn không thể nói thay cho một nhà văn khác, một nhà thơ lại càng không thể nói thay cho một nhà thơ khác; rằng nếu Ossip Mandelstam, Marina Tsvetaieva, Robert Frost, Anna Akhmatova, Wystan Auden có mặt trên diễn đàn này, họ rút cuộc cũng chỉ có thể nói cho chính mình, và chắc chính họ, họ sẽ cũng cảm thấy lúng túng.

Những cái bóng ấy thường xuyên làm tôi bối rối, và hiện đang làm tôi bối rối hôm nay đây. Ít nữa, những cái bóng ấy không khích động nổi sự lưu loát của tôi trong phát biểu. Những lúc phấn khởi nhất của mình, tôi có ấn tượng tôi là toàn thể những người ấy cộng lại, nhưng là một tổng số lúc nào cũng ở thấp hơn mỗi một trong số những người ấy lấy riêng ra. Bởi lẽ ta không thể nào vượt qua nổi họ trên tờ giấy, cũng như không thể nào vượt

qua nỗi họ trong đời sống, thế mà chính cuộc đời của họ, dù đó là những cuộc đời rất bi thảm và rất cay đắng, chính cuộc đời của họ đã thường, và chắc chắn là còn thường hơn cả cần thiết, đưa tôi đến chỗ luyến tiếc bước đi của thời gian. Nếu có một thế giới bên kia – và không nhận cho họ có một đời sống vĩnh cửu với tôi là chuyện không thể, cũng như tôi vẫn không thể quên sự có mặt của họ trên thế gian này –, nếu cái thế giới bên kia đó có thật, bấy giờ họ sẽ tha thứ cho tôi, tôi hi vọng thế, và họ sẽ tha thứ cho phẩm chất những gì tôi sắp nói ra đây: rốt cuộc thì vinh dự nghề nghiệp của chúng tôi chẳng phải được đánh giá ở cái cung cách cư xử của chúng tôi trên một diễn đàn.

Tôi đã chỉ nêu có năm trong số những người mà tác phẩm và số phận đối với tôi là thân thiết, dù là chỉ vì không có họ thì con người ngày nay của tôi, với tư cách là nhà văn, sẽ chẳng đáng bao nhiêu và dù sao chẳng nữa tôi cũng chẳng sẽ có mặt ở đây ngày hôm nay. Tất nhiên số ấy còn nhiều hơn là năm, số những cái bóng ấy, hay đúng hơn là những nguồn ánh sáng ấy, những ngọn đèn pha ấy, và bất cứ ai trong số họ đều có thể áp đặt sự im lặng trọn vẹn nhất. Những cái bóng ấy có nhiều trong cuộc sống của mỗi nhà văn sáng suốt, và trong trường hợp của tôi, con số đó còn nhiều hơn gấp bội do hai nền văn hóa mà số phận đã muốn gắn tôi vào. Nhiệm vụ với tôi ở đây cũng không được dễ dàng hơn nếu tôi nghĩ đến những người cùng thời với tôi, những người anh em cầm bút của tôi nằm trong hai nền văn hóa đó, những nhà thơ và những nhà văn mà tôi đặt tài năng vô cùng cao hơn tài năng của tôi và là những người mà nếu hiện diện ở diễn đàn này, hẳn đã lên tiếng phát biểu từ lâu, bởi lẽ họ có nhiều điều để nói với thế giới hơn tôi.

Vậy nên tôi chỉ xin được phép đưa ra một số nhận xét, có lẽ được xây dựng một cách thiếu sót, có lẽ còn hơi mơ hồ, và là những nhận xét có thể làm cho quý vị chung hứng bởi tính cách rời rạc của chúng. Thế nhưng số thời gian ít ỏi tôi được phép sử dụng để sắp xếp thứ tự những ý nghĩ của mình cũng như bản thân nghề nghiệp của tôi sẽ biện hộ cho tôi, tôi hi vọng thế, ít nữa là một phần trước những trách cứ về sự rời rạc ấy. Một người đã theo đuổi nghề như nghề của tôi ít khi dám tự phụ mình có một tư tưởng có hệ thống; trong trường hợp tệ nhất, người ấy chỉ dám tự cho mình có một hệ thống. Thế nhưng nếu vậy thì đó, theo nguyên tắc chung, lại là cái người ấy vay mượn ở môi trường, ở loại hình xã hội, ở việc nghiên cứu triết học thời trẻ tuổi. Không gì có thể thuyết phục có hiệu quả một nghệ sĩ nhìn nhận tính cách độc đoán của những phương tiện anh ta sử dụng để đạt được mục đích này mục đích nọ, dù mục đích được ấn định rõ, hơn là chính quá trình sáng tạo, quá trình làm văn chương. Thơ ca, theo cách nói của

Akhmatova, mọc trên những rác rưởi; nhưng cội rễ của văn xuôi cũng không phải là cao quý hơn.

II

Nếu nghệ thuật có dạy một cái gì (và trước tiên cho nghệ sĩ), thì đó chính là cái tính cách riêng tư của cuộc sống con người. Là hình thức xưa cũ nhất – và theo nghĩa đen nhất của chữ – của công việc làm riêng tư, nghệ thuật, theo cách có cân nhắc hay không, phát triển nơi con người cái cảm tưởng mình là một cá nhân, là duy nhất, riêng rẽ; từ chỗ là một động vật xã hội anh ta làm một con người. Có nhiều thứ có thể chia sẻ: bánh mì, giường nằm, những niềm tin, người phụ nữ ta yêu, nhưng người ta không thể đem chia một bài thơ, của Rainer Maria Rilke chẳng hạn. Tác phẩm nghệ thuật, nhất là văn chương và đặc biệt trên tất cả là thơ ca, tiếp chuyện với con người mặt đối mặt, nó thiết lập với con người một mối quan hệ trực tiếp, không có trung gian. Đây là lý do tại sao những kẻ nhiệt tình với lợi ích chung, những ông chủ của quần chúng, những vị quan tuyên cáo yêu cầu lịch sử ít khi thích nói nghệ thuật nói chung, nhất là văn chương và đặc biệt trên tất cả là thơ ca. Bởi vì nơi nào có nghệ thuật đi qua, nơi nào có thơ đem ra đọc, thì thay vì sự đồng tình và nhất trí mà họ chờ đợi, họ khám phá ra sự thần nhiên và nhiều giọng điệu, thay vì nghị quyết để hành động, họ khám phá ra sự lơ là và chán ghét. Nói cách khác, trong những con số không nhỏ bé mà những kẻ nhiệt tình với lợi ích chung, những ông chủ của quần chúng ấy tìm cách sử dụng cho những hoạt động của họ, nghệ thuật ghi vào “một chấm, một chấm khác, một cái phẩy và một dấu trừ”, bằng cách ấy biến mỗi con số không nhỏ bé ấy thành một bộ mặt non choẹt có lẽ không phải lúc nào cũng lôi cuốn lắm, nhưng là một gương mặt người.

Nói về Nàng Thơ, nhà thơ vĩ đại Baratynski mô tả nữ thần ấy như có “một gương mặt biểu hiện ít thông thường”. Ý nghĩa cuộc sống cá nhân chính lại nằm ở chỗ có được cái nét biểu hiện ít thông thường ấy, vì lẽ rằng nét đặc biệt ấy là cái chính di truyền học dường như đã chuẩn bị đem cho chúng ta. Dù là người đọc hay là nhà văn, con người đều có mục đích chính là sống cuộc sống của chính mình, chứ không phải một cuộc sống được áp đặt hay qui định từ bên ngoài, ngay cả với những vẻ bên ngoài thuận lợi nhất. Bởi lẽ mỗi người trong chúng ta chỉ có một đời sống và chúng ta biết rõ tất cả đều kết thúc như thế nào. Sẽ là đáng tiếc nếu đem phung phí cơ may độc nhất ấy khi cứ lặp lại mãi dáng vẻ của một người

khác, kinh nghiệm của một người khác, với một sự trùng lặp càng đáng bực mình hơn nữa bởi những vị quan tuyên cáo yêu cầu lịch sử, chính những kẻ mà những trò khịch động đẩy con người đến chỗ phục tùng theo sự trùng lặp ấy, những vị quan kia sẽ không chia sẻ quan tài của ta và sẽ không lên tiếng cảm ơn ta.

Ngôn ngữ, và tất nhiên phải nghĩ là văn học cũng thế, là những thứ rất xưa và rất lâu bền hơn mọi hình thức tổ chức xã hội. Sự phẫn nộ, sự mỉa mai, sự đứng đưng mà văn học biểu lộ đối với Nhà nước, thực ra, chính là phản ứng của cái thường trực, hay đúng hơn là cái vô hạn, trước cái nhất thời, cái hữu hạn. Dù sao thì bao lâu Nhà nước còn tự cho phép mình can thiệp vào những công việc của văn học, thì văn học cũng có quyền can thiệp vào những công việc của Nhà nước. Một hệ thống chính trị, một hình thức tổ chức xã hội, cũng như mọi hệ thống nói chung, do định nghĩa đều là một hình thức của thời quá khứ đang tìm cách tự nhận mình đứng ở hiện tại (và thường khi là ở tương lai), và người theo đuổi nghề ngôn ngữ là người cuối cùng có thể tự cho phép mình quên điều đó. Mối hiểm nguy thật sự đối với nhà văn không phải chỉ là nguy cơ (thường là hiện thực) bị hành hạ bởi Nhà nước mà còn cả nguy cơ bị thôi miên bởi những nét sắc sảo của Nhà nước, bởi cái vẻ bên ngoài có thể là khủng khiếp hoặc có thể mang dấu hiệu những thay đổi tích cực của Nhà nước ấy, nhưng chỉ vẫn là cái vẻ bên ngoài nhất thời.

Triết lý của một Nhà nước, đạo đức của Nhà nước ấy, không nói đến thẩm mỹ của nó, lúc nào cũng biểu thị một “hôm qua”, còn ngôn ngữ, văn học thì lúc nào cũng là một “hôm nay” và thường thường, đặc biệt trong hoàn cảnh đường lối chính thống khắc nghiệt của chế độ chính trị này chế độ chính trị nọ, còn là một “ngày mai”. Một trong những giá trị của văn học chính là ở chỗ giúp con người định nghĩa thời gian, vốn là thời gian của riêng người ấy, phân biệt mình với đám đông những người đã đi trước mình cũng như với những đồng loại, giúp người ấy thoát khỏi sự trùng lặp, nghĩa là thoát khỏi cái số phận mà người ta còn tìm thấy lại dưới một cái tên danh dự là “nạn nhân của lịch sử”. Nghệ thuật nói chung, đặc biệt là văn học, có chỗ nổi bật này và nó tự phân biệt với đời sống cũng là ở chỗ này: nó luôn luôn chạy trốn sự lặp lại. Trong đời sống mỗi ngày, anh có thể kể lại ba lần cùng một câu chuyện vui và cả ba lần, trong khi làm mọi người cười, anh sẽ là người làm cho buổi họp mặt vui nhộn. Trong nghệ thuật hình thức làm ăn như vậy được người ta gọi là “bản in đúc”. Nghệ thuật là một dụng cụ không có bộ phận đi lùi và cái xác định sự tiến triển của nó không phải là nhân cách người nghệ sĩ, mà là cái năng động và cái logic của chính vật liệu, là lịch sử đi trước của những phương tiện đòi hỏi

(hoặc gọi ra) một giải pháp thẩm mỹ mỗi lần về phẩm chất đều mới mẻ. Có sẵn phả hệ của mình, cái năng động, cái logic và tương lai của riêng mình, nghệ thuật so với lịch sử không phải là từ đồng nghĩa, trong trường hợp thuận lợi nhất, nó đi song song và phương tiện tồn tại của nó là sự sáng tạo ra một thực tế thẩm mỹ mỗi lần đều mới mẻ. Đó chính là lý do nó thường “đi trước cả tiến bộ”, đi trước lịch sử mà dụng cụ cơ bản lại là – nhưng chúng ta có cần xác định Marx không nhỉ? – lại chính là bản in đúc.

Ngày nay, người ta rất thường hay nghe khẳng định rằng nhà văn, đặc biệt là nhà thơ, phải dùng trong tác phẩm mình thứ ngôn ngữ của đường phố, ngôn ngữ của đám đông. Bất chấp tính cách bên ngoài thoát có vẻ dân chủ của nó và những lợi ích thực tiễn phong phú mà nhà văn có thể được hưởng tự do, đây vẫn là một lời khẳng định phi lý và chỉ thể hiện ý muốn bất nghệ thuật, trong trường hợp này là văn học, phải phục tùng lịch sử. Chỉ trong trường hợp chúng ta đã quyết định, đối với con Người hiện đại, là đã đến lúc cần phải chặn lại bước tiến triển của hắn, thì bấy giờ văn học mới phải nói thứ ngôn ngữ của nhân dân. Trong trường hợp ngược lại, thì chính nhân dân cần phải nói thứ ngôn ngữ của văn học. Mỗi thực tại thẩm mỹ mới đều giúp con người định rõ thực tại đạo đức của chính riêng mình. Bởi lẽ thẩm mỹ là mẹ của đạo đức. Những ý niệm “tốt” và “xấu” đều là những ý niệm trước tiên có tính thẩm mỹ đã đi lần sang những ý niệm “thiện” và “ác”. Nếu, trong lĩnh vực đạo đức, không có kiểu “cái gì cũng được phép”, ấy là bởi trong lĩnh vực thẩm mỹ không phải cái gì cũng được phép, bởi số lượng những màu của quang phổ là có giới hạn. Một em bé tí chưa biết lý luận, thì khi em vừa khóc vừa đẩy một người lạ hay trái lại đưa hai tay ra đón người lạ ấy, mặc nhiên khi đẩy người ấy ra hay khi đưa tay đón người ấy em đã thực hiện một sự chọn lựa có tính thẩm mỹ chứ không phải là đạo đức.

Một sự chọn lựa thẩm mỹ lúc nào cũng có tính cá nhân, một nỗi đau thẩm mỹ lúc nào cũng là một nỗi đau của chỉ một người. Mỗi thực tại thẩm mỹ đều làm cho con người nó tiếp xúc trở thành một người còn riêng tư hơn nữa, và tính cách riêng tư đôi khi khoắc hình thức thẩm thức văn học (hay cái gì khác) ấy tự nó có thể nếu không phải là một bảo đảm, ít ra là một hình thức bảo vệ khỏi bị lệ thuộc. Bởi lẽ con người có thẩm thức ấy, đặc biệt trong lĩnh vực văn học, ít cảm thụ trước những phương pháp nói theo và đọc thần chú vốn là đặc thù của mọi hình thức mị dân chính trị. Lý do của nó là nếu đức độ không bảo đảm được việc thực hiện một tuyệt tác, thì cái ác, ngược lại, và nhất là cái ác trong chính trị, luôn luôn lại là một kẻ làm văn trau chuốt đáng ghét. Kinh nghiệm thẩm mỹ của một cá nhân càng phong phú, thì thẩm thức của anh ta càng vững vàng, sự chọn lựa tinh

thần của anh càng sắc sảo, anh càng tự do, mặc dù có lẽ anh không vì thế mà hạnh phúc hơn.

Chính trong chiều hướng ấy, chiều hướng ứng dụng nhiều hơn là thuần khiết, mà chúng ta cần phải hiểu câu Dostoievski phát biểu rằng “cái đẹp sẽ cứu vãn thế giới” hay chữ Matthew Arnold dùng khi ông tuyên bố “thơ ca sẽ cứu chúng ta”. Thế giới có lẽ không còn cứu vãn được, nhưng một cá nhân thì lúc nào cũng vẫn có thể được cứu. Nhận thức thẩm mỹ ở con người rất sẵn sàng phát triển bởi lẽ cho dù không nhận rõ mình là gì và cái gì thật sự là cần thiết cho mình, con người thường vẫn nhờ bản năng biết được cái gì mình không thích và cái gì mình không cần. Về mặt nhân chủng học mà nói, tôi xin lặp lại, con người là một sinh vật thẩm mỹ trước khi là một sinh vật đạo đức. Vậy thì nghệ thuật, nhất là văn học, không phải là một sản phẩm phụ của sự tiến triển của nhân loại, mà đó đích thị là cái ngược lại. Nếu cái làm ta phân biệt với những đại biểu khác của giới động vật đúng là lời nói, thì văn học, và đặc biệt là thơ ca với tư cách là hình thức cao cấp của biểu hiện văn học, và để trình bày sự việc một cách phũ phàng, phải nói văn học là cứu cánh của loài người chúng ta.

Tôi không có ý định dạy quần chúng nghệ thuật viết và sáng tác thơ; thế nhưng không phải vì thế mà cái lối chẻ thẳng một đường vạch trong xã hội chia một bên là giới trí thức và một bên là phần còn lại không làm cho tôi thấy là không thể nào chấp nhận được. Về phương diện tinh thần, lối chẻ đôi ấy thuộc cùng loại với lối chẻ đôi trong xã hội phân chia người giàu và người nghèo; thế nhưng ở chỗ mà đối với sự hiện hữu của bất công xã hội người ta còn nhận định những nền tảng thuần thể xác bên ngoài, thuần vật chất, thì đối với bất công trí tuệ những nền tảng ấy là không thể tưởng tượng được. Nói gì thì nói, thế nhưng về mặt này thì sự công bằng đã được bảo đảm cho chúng ta từ bẩm sinh. Vấn đề không phải là giáo dục, mà là giáo dục thứ tiếng nói trong đó sự phồng chùng ít đáng kể nhất cũng đem lại hậu quả, trong cuộc đời một con người, là sẽ có đột nhập một sự chọn lựa ô nhiễm. Sự hiện hữu của văn học hàm ý một sự hiện hữu ngang tầm nền văn học ấy, không chỉ đứng trên một quan điểm tinh thần, mà cả trên một quan điểm tự vưng. Ở chỗ mà một tác phẩm âm nhạc có thể để dành cho con người khả năng chọn giữa vai trò thụ động của người nghe và vai trò chủ động của người biểu diễn, tác phẩm văn học, thứ nghệ thuật không còn có cách gì khác hơn là về ngữ nghĩa ấy nói theo cách của Montale, chỉ có duy nhất mỗi quyền đẩy anh ta vào vai người biểu diễn. Vai trò ấy tôi thấy dường như con người sẽ phải giữ thường xuyên hơn bất cứ vai nào khác. Tôi còn có thể nói là cả sự bùng nổ nhân khẩu và sự băng rã xã hội do tình trạng trên mà ra, nói cách khác là sự cô lập cá nhân ngày

một tăng, đã biến vai trò ấy thành một vai cần thiết hơn bao giờ. Tôi không có ý cho rằng mình hiểu biết cuộc sống hơn bất cứ người cùng thời nào của mình, thế nhưng tôi thấy dường như một cuốn sách là một người đối thoại đáng tin cậy hơn một người bạn trai hay bạn gái thân thiết của mình. Một cuốn tiểu thuyết hay một bài thơ không phải là một cuộc độc thoại, mà là một cuộc đối thoại giữa tác giả và người đọc, một cuộc đối thoại, tôi xin lặp lại điều này, hoàn toàn riêng tư và bởi nó loại ra ngoài mọi hiện hữu khác, ta có thể nói nó là cuộc đối thoại yếm thế đến hai lần.

Một cuộc đối thoại như vậy đặt ngang hàng người đọc và tác giả, dù tác giả là một nhà văn lớn hay không lớn. Sự bình đẳng ấy, vốn là sự bình đẳng về ý thức, ở lại trong con người suốt đời anh ta dưới hình thức một ký ức, có thể mơ hồ hay chính xác, và sớm hay muộn, đúng lúc hay không đúng lúc, nó xác định cách cư xử của một cá nhân. Khi tôi nói đến vai trò của người biểu diễn, chính là tôi muốn nói đến điều ấy, và vai trò ấy càng tự nhiên hơn vì lẽ một cuốn tiểu thuyết hay một bài thơ là sản phẩm của một sự cô đơn nhân đôi: cô đơn của nhà văn và cô đơn của người đọc.

Trong lịch sử loài người chúng ta, lịch sử con Người hiện đại, sách là một hiện tượng nhân chủng học xét về cơ bản có cùng một bản chất với phát minh bánh xe. Ra đời để cho phép chúng ta nhận ra chúng ta từ đâu đến, và nhận ra cũng tương đương như thế con Người hiện đại kia khả năng có tới đâu, cuốn sách là một phương tiện đi lại của kinh nghiệm trong không gian theo tốc độ của trang sách lật qua. Sự đi lại ấy, như mọi sự đi lại, đến lượt nó trở thành một sự thoát xa ra khỏi mẫu số chung, xa khỏi cái ý đồ áp đặt rào cản của mẫu số ấy, cái mẫu số trước đây không lên tới thất lưng, không lên tới trái tim chúng ta, tới lương tâm chúng ta, trí óc tưởng tượng của chúng ta. Sự chạy trốn nói trên thực hiện trong ý nghĩa cái nét ít thông thường của gương mặt, trong ý nghĩa của tử số, của nhân cách, của cá nhân riêng tư. Hình ảnh và vẻ ngoài từ đó chúng ta được tạo ra có thể như thế nào chẳng nữa, chúng ta đã lên tới số năm tỉ người, và con người không có tương lai nào khác hơn là tương lai mà nghệ thuật vẽ phác ra cho mình. Trong trường hợp ngược lại, chính quá khứ đang chờ đợi chúng ta, trước tiên là quá khứ chính trị, với đầy đủ mọi thứ trò vui cảnh sát quần chúng của nó.

Dù sao, cái hoàn cảnh đã biến nghệ thuật nói chung và đặc biệt là văn học trở thành của riêng, là đặc quyền của một thiểu số chính trị, với tôi là nguy hại và đầy đe dọa. Tôi không kêu gọi lấy một thư viện đem thay cho Nhà nước – dù rằng ý nghĩ này đã hơn một lần đến với tôi –, nhưng tôi tin rằng nếu chúng ta chọn những người cầm quyền trên cơ sở những sách họ đọc hơn là những chương trình chính trị của họ, thì trên trái đất sẽ bớt đi rất

nhieu bất hạnh. Theo tôi nghĩ, ta cần hỏi con người cầm trong tay vận mạng chúng ta không phải xem người ấy dự tính sự tiến triển của chính sách đối ngoại của mình như thế nào, mà xem người ấy nghĩ thế nào về Stendhal, về Dickens, về Dostoievski. Cho dù có chỉ vì lý do là nó biến sự đa dạng và những trò khùng khiếp của con người thành thức ăn hàng ngày, văn chương vẫn là phương thuốc chắc chắn nhất chống mọi toan tính bất kể thuộc loại nào, loại đã được biết đến hoặc loại sắp xảy tới, những toan tính đem giải pháp toàn bộ, hàng loạt cho những vấn đề của cuộc sống con người. Là hệ thống bảo đảm về tinh thần, dù sao văn học cũng hiệu quả hơn vô cùng so với hệ thống tín ngưỡng này hệ thống tín ngưỡng nọ hay so với học thuyết triết lý.

Bởi không thể có những luật lệ bảo vệ chúng ta trước chính chúng ta, nên không có một bộ luật hình sự nào có thể dự kiến trừng phạt những tội ác chống văn học. Trong số những tội ác ấy, tội nặng nhất không phải là những tác giả bị hành hạ, không phải là hệ thống kiểm duyệt áp đặt những điều cưỡng bách, không phải là sách bị ném vào lửa. Có một tội ác còn nặng hơn, đó là tội coi thường sách, tội không đọc. Tội ác ấy, con người phải trả suốt cả đời mình; và nếu một quốc gia phạm tội, thì quốc gia ấy phải trả giá suốt cả lịch sử của mình. Sống trong đất nước tôi đang sống, tôi là người đầu tiên phải tin là có một liên hệ nào đó giữa sự thoải mái vật chất của con người và sự dốt nát của người ấy về văn học; cái làm tôi dần không nghĩ về điều đó, ấy là lịch sử của đất nước nơi tôi sinh ra và lớn lên. Bởi lẽ nếu người ta rút ngắn lịch sử ấy vào một quan hệ nhân quả cực nhỏ, vào một công thức thô lỗ, bi kịch Nga, đó là bi kịch của một xã hội trong lòng xã hội ấy văn học là đặc quyền của một thiểu số: giới trí thức nổi danh của Nga.

Tôi không muốn nói dài dòng về đề tài này, không muốn ném vào đêm lễ này bóng tối của hàng chục triệu cuộc sống con người bị hủy diệt bởi hàng triệu con người khác – bởi vì những gì diễn ra ở Nga vào nửa đầu thế kỷ XX và lại cũng đã diễn ra trước khi người ta đưa vào những vũ khí tự động –, làm vậy nhân danh chiến thắng của một học thuyết chính trị mà sự khiếm khuyết ở ngay đúng điều nó đòi hỏi, để vận dụng cho mình, đó là những nạn nhân. Tôi sẽ chỉ nói, không phải dựa trên kinh nghiệm, tiếc thay, mà nói một cách lý thuyết hơn, là tôi cho rằng với những người đã đọc Dickens, việc bắn vào đồng loại sẽ trở nên khó khăn hơn với những người chưa từng đọc ông. Và khi tôi nói đọc sách nghĩa là đọc Dickens, Stendhal, Dostoievski, Flaubert, Balzac, Melville, Proust, Musil và những người khác, nghĩa là đọc văn học, chứ không phải nói về việc biết đọc hay việc có học. Một người biết đọc và biết viết, một người có học, khi đã đọc

sách chính trị này sách chính trị kia rồi, vẫn hoàn toàn có khả năng giết đồng loại mình và làm vậy rồi mà vẫn còn cảm thấy cái hứng khởi của kẻ xác tín. Lenin có học, Stalin có học, Hitler cũng thế, còn Mao Trạch Đông thì ông ta còn làm cả thơ nữa; thế mà bản danh sách những nạn nhân của họ thì lại dài hơn vô cùng so với danh sách những gì họ đã đọc.

Trước khi nói đến thơ ca, tôi vẫn còn muốn nói thêm rằng chúng ta nên xem kinh nghiệm Nga như một sự cảnh giác đề phòng, dù là chỉ vì cấu trúc xã hội phương Tây, tóm lại, là khá giống những gì đã có ở Nga trước 1917. (Nói qua thế thôi, điều ấy giải thích sự nổi tiếng của tiểu thuyết tâm lý Nga thế kỷ XIX trong người đọc ở phương Tây và sự tương đối thiếu thành công của văn xuôi Nga đương đại. Những quan hệ xã hội được thiết lập trong nước Nga thế kỷ XX rõ ràng là không phải đã làm bối rối người đọc ít hơn những tên nhân vật mà họ đã không làm sao đồng hóa vào được.) Chỉ lấy thí dụ nơi những đảng phái chính trị hiện hữu ở Nga ngay sau chính biến tháng Mười 1917, con số đảng bấy giờ không ít hơn ở Hoa Kỳ hay ở Anh ngày hôm nay. Nói cách khác, một con người không có đam mê cũng có thể ghi nhận rằng, theo một nghĩa nào đó, thế kỷ XIX vẫn còn kéo dài ở phương Tây. Ở Nga, thế kỷ ấy đã chấm dứt, và nếu tôi nói là nó đã chấm dứt với một bi kịch, thì trước hết đó là do con số những nạn nhân mà sự thay đổi xã hội và niên đại kia đã kéo theo mình. Trong bi kịch nói đến đó, không phải nhân vật chính ngã gục, mà là dàn đồng ca.

III

Mặc dù, đối với người nào có tiếng mẹ đẻ là tiếng Nga, những cuộc đàm thoại về cái ác trong chính trị là chuyện gần tự nhiên như chuyện tiêu hóa, bây giờ tôi vẫn xin bước qua một đề tài khác. Khuyết điểm lớn của những câu chuyện về những điều hiển nhiên là ở chỗ sự tự nhiên dễ dàng của chúng, cái cảm tưởng có thật mà nó gợi ra cách dễ dàng, làm hư hỏng ý thức. Chính chỗ đó là chỗ quyến rũ của chúng, sự quyến rũ có cùng bản chất với sự quyến rũ tác động bởi người cải cách xã hội gây ra cái ác. Ý thức về sự quyến rũ ấy và sự khước từ tiếp tay với nó trong một chừng mực nào đó đều chịu trách nhiệm về số phận của nhiều người cùng thời với tôi, đó là không nói đến những người anh em cầm bút của tôi. Họ chịu trách nhiệm về nền văn học đã ra đời dưới ngòi bút của họ. Nền văn học ấy đã chẳng phải là một cách thể trốn tránh lịch sử, cũng chẳng phải đã là một cách thể bóp nghẹt ký ức, như những người từ bên ngoài có thể nghĩ. “Làm

sao người ta có thể làm thơ sau Auschwitz?” Adorno từng tự hỏi, và ai có biết lịch sử Nga đều có thể lặp lại câu hỏi ấy có lẽ còn có cơ sở hơn, bởi lẽ số lượng những sinh mạng từng bị giết hại trong những trại của Stalin vượt qua rất xa con số những nạn nhân ở các trại của Đức. “Thế thì làm sao sau Auschwitz người ta có thể nuốt nổi bữa ăn sáng?” nhà thơ Mỹ Mark Strand đã phản ứng lại. Thế hệ trong đó có tôi dù sao cũng đã có thể làm thơ.

Thế hệ ấy, thế hệ đã ra đời đúng lúc những lò sát sinh ở Auschwitz đang hoạt động hết công suất, vào lúc Stalin lên đến tột đỉnh của một thứ quyền uy gần như thần thánh, tuyệt đối, y như đã được chính thiên nhiên phê chuẩn, thế hệ ấy dường như đã ra đời để đảm bảo tiếp nối những gì theo đúng lý thuyết phải được hoàn tất trong những lò ấy, và trong những hố chôn tập thể không tên của quần đảo Stalin. Sự kiện tất cả đã không bị cắt đứt hẳn, trong một mức độ rộng rãi, ít nữa là ở Nga, là công lao của thế hệ tôi, và tôi lấy làm hãnh diện là một trong những người thuộc thế hệ ấy, hãnh diện không ít hơn việc tôi có mặt hôm nay ở đây. Và sự kiện tôi có mặt ở đây hôm nay cũng giống như sự nhìn nhận những công lao của thế hệ đó trước văn hóa; tôi sẽ xin nói thêm, khi nhắc đến Mandelstam, của văn hóa thế giới. Nếu tôi nhìn lùi về phía sau, tôi có thể nói là chúng tôi đã khởi đi từ một chỗ vắng vẻ, hay nói đúng hơn là chỗ đã bị tàn phá cách khủng khiếp, và có thể nói là, nhờ trực giác nhiều hơn là có nhiều ý thức, chúng tôi đã cố gắng phục hồi một tác dụng liên tục của văn hóa, tái lập những hình thức và những dáng vẻ của văn hóa, nuôi dưỡng những khuôn khổ của nó, những thứ được bảo tồn rất là từng phần và thường bị tổn hại toàn bộ, bằng một nội dung hiện đại thuộc của riêng của chúng tôi, là cái mới hay là cái mà chúng tôi thấy là mới.

Chắc hẳn là có một lối đi khác, lối biến dạng tăng lượng, lối thơ của những mảnh vụn và phế tích, kiểu thơ cực tiểu, thơ làm ta ngưng thở. Nếu chúng tôi đi khác những con đường ấy, thì đó không phải bởi lẽ chúng tôi thấy đó là con đường tự quan trọng hóa, hay bởi chúng tôi trước hết bị thúc đẩy bởi ý muốn bảo vệ sự lớn lao của những hình thức văn hóa mà chúng tôi thừa hưởng, những hình thức mà chúng tôi nghĩ là tương đương với những hình thức phẩm giá con người. Chúng tôi không đi theo con đường ấy vì lẽ thực ra không phải chính chúng tôi đã chọn, mà chính là nền văn hóa, và sự chọn lựa ấy, một lần nữa, đã là một sự chọn lựa thẩm mỹ chứ không phải là đạo đức. Tự xem mình không phải là công cụ của văn hóa, mà trái lại là người sáng tạo và bảo vệ văn hóa, đối với con người dĩ nhiên như thế mới tự nhiên hơn. Và nếu hôm nay tôi khẳng định điều ngược lại, thì đó không phải vì vào cái thế kỷ XX đang sắp hết này, không phải là không thú vị khi lặp lại Plotin, Shaftesbury, Schelling hay Novalis, mà là

vì không ai hơn nhà thơ có thể biết cái mà ta thỏa thuận gọi là tiếng nói của Nàng Thơ thật ra là điều bức chế của ngôn ngữ; không ai hơn nhà thơ có thể biết rằng ngôn ngữ không phải là công cụ của nhà thơ, mà chính nhà thơ là phương tiện mà ngôn ngữ sử dụng để tiếp tục tồn tại. Thế mà ngôn ngữ, ngay cả khi người ta tưởng tượng ra nó dưới những đường nét của một thứ sinh vật sống (chỉ là chuyện công bằng thôi), thì lại không thể có một chọn lựa đạo đức.

Một người khởi sự làm một bài thơ vì đủ thứ lý do: để chinh phục trái tim người mình yêu, để diễn đạt thái độ của mình đối với thực tại chung quanh, dù đó là một cảnh vật hay một Nhà nước, để xác định tâm trạng của mình vào một lúc nào đó, hoặc còn là để lưu lại – ít nữa đó là điều anh ta tin vào cái lúc anh ta làm thơ – một dấu tích trên trái đất. Thế nhưng anh ta phải dùng đến hình thức ấy, là bài thơ, nhất là bởi một thứ bất chước máy móc nằm trong vô thức: lấy chữ kết đặc một màu đen và theo chiều đứng ở chính giữa trang giấy trắng đối với anh ta giống y như điều nhắc nhở hoàn cảnh của riêng anh trên thế gian này, nhắc nhở cái kích thước không gian chạm vào thân thể anh ta. Nhưng độc lập với những lý do khiến anh ta cầm bút, độc lập với ấn tượng gây ra nơi người nghe thơ, những người nghe dù đông đảo hay thu hẹp, do những gì từ ngòi bút ấy viết ra, hậu quả tức thời của một công việc như thế là cái cảm giác đi vào tiếp xúc trực tiếp với ngôn ngữ, nói rõ hơn là cảm giác rơi tức khắc vào sự lệ thuộc ngôn ngữ, vào sự lệ thuộc tất cả những gì đã được nói, đã được viết, được thực hiện trong ngôn ngữ ấy.

Sự lệ thuộc ấy là tuyệt đối, chuyên chế, nhưng cùng lúc nó giải thoát khỏi sự nô lệ. Bởi lẽ ngôn ngữ, vốn vẫn có lâu đời hơn vô cùng so với nhà văn, hơn nữa còn có một sức ly tâm mà tiềm lực thời gian sẵn có của nó truyền cho nó, nghĩa là nó có trọn thời gian trải dài trước mặt mình. Và tiềm lực ấy được đo qua tầm quan trọng về số quốc gia nói ngôn ngữ ấy ít hơn – dấu rằng điều này cũng đáng kể – là qua phẩm chất thơ ca được sáng tác bằng ngôn ngữ ấy; chỉ cần gọi lại những tác giả thời Cổ đại Hy La, chỉ cần gọi lại Dante là đủ. Những gì ngày nay người ta viết bằng tiếng Nga hay tiếng Anh, chẳng hạn, bảo đảm sự hiện hữu của những ngôn ngữ ấy cho ngàn năm tới. Nhà thơ, tôi xin lặp lại, là phương tiện qua đó ngôn ngữ hiện hữu. Hay hơn thế, như Auden thân mến của tôi từng nói, nhà thơ là kẻ qua đó ngôn ngữ sống. Tôi là người viết ra những dòng này, tôi sẽ tan biến, các quý vị đọc những dòng này, các vị cũng sẽ tan biến, thế nhưng ngôn ngữ, thứ ngôn ngữ được dùng để viết ra những dòng ấy, thứ ngôn ngữ các vị đọc chúng, thì sẽ tồn tại không chỉ vì ngôn ngữ có đời sống dài hơn con người, mà còn vì nó thích nghi hơn trước sự thay đổi.

Một người làm một bài thơ, tuy nhiên, không làm bài thơ ấy vì anh ta chờ đợi một vinh quang sau khi chết, ngay cả trong trường hợp anh hi vọng bài thơ sẽ sống lâu hơn mình, ít nữa là trong một khoảng thời gian nào đó. Một người làm một bài thơ làm bài thơ ấy chỉ vì ngôn ngữ nói rĩ tai anh ta, hay đơn giản là đọc cho anh ta dòng thơ kế tiếp. Khi bắt tay vào việc, thì theo nguyên tắc chung nhà thơ không biết bài thơ sẽ kết thúc như thế nào, và thường nhà thơ rất ngạc nhiên về kết quả, bởi lẽ kết quả ấy thường vượt quá sự chờ đợi của anh, thường tư tưởng đi xa hơn cả điều anh trù liệu. Đó đúng là giây phút mà thời tương lai của ngôn ngữ can thiệp vào thời hiện tại của nó. Như người ta biết, có ba con đường dẫn đến nhận thức: phân tích, trực giác và cả phương pháp vốn là phương pháp của những ngôn sứ trong Kinh Thánh, phương pháp mặc khải. Thơ ca khác những hình thức khác của văn học ở chỗ nó kêu gọi đến cả ba con đường cùng một lúc (nhưng vẫn thường có khuynh hướng nghiêng về đường thứ hai và thứ ba), bởi lẽ cả ba con đường ấy đều hiện diện trong ngôn ngữ, và đôi khi, nhờ có một từ, một vần, mà người làm thơ có thể có mặt ở nơi trước anh ta chưa có ai đặt chân tới, có lẽ còn xa hơn cái mà anh ta mong ước. Một người làm một bài thơ làm bài thơ ấy trước tiên bởi vì thơ viết ra là một bộ tăng tốc của ý thức, của tư tưởng, của nhận thức thế giới. Người nào một lần thôi đã kinh qua sự tăng tốc ấy đều không còn có khả năng cưỡng lại việc làm mới kinh nghiệm ấy, anh ta trở thành lệ thuộc tiến trình ấy giống y như kiểu người ta bị rơi vào lệ thuộc ma túy hay rượu. Người nào nằm trong một sự lệ thuộc ngôn ngữ như thế đó, theo tôi, là người mà người ta gọi là nhà thơ.

Bản Việt ngữ của Hoàng Ngọc Biên

* *Có mặt ở nơi...* — tên bài do người dịch đặt — là bản Việt ngữ được chuyển cuối 1988 ở Thành phố Hồ Chí Minh, từ bản tiếng Pháp của Véronique Schiltz, in trong **Loin de Byzance** (Fayard, Paris, 9.1988) của Joseph Brodsky. **Loin de Byzance** là bản dịch toàn văn từ bản tiếng Anh (người dịch: Laurence Dyèvre) tập tuyển tiểu luận **Less Than One** (Farrar, Straus & Giroux, New York, 1986) của Joseph Brodsky, có thêm hai bài *Trophies* (L. Dyèvre dịch từ bản tiếng Anh) và *Diễn văn Nobel 1987* (V. Schiltz dịch từ nguyên tác tiếng Nga). Theo hiểu biết của chúng tôi, bản tiếng Anh *Uncommon Visage - The Nobel Lecture* (do Barry Rubin dịch) được chính thức xuất bản đầy đủ cuối năm 1995, trong tập tiểu luận **On Grief and Reason** (Farrar, Straus & Giroux, New York, 1995), mấy tuần lễ trước khi Joseph Brodsky mất vì bệnh tim. Như thế, tám năm sau khi đã có bản chuyển ngữ tiếng Việt, chúng tôi có dịp đối chiếu hai bản tiếng Pháp và tiếng Anh. Vì những lý do *trước tiên thuộc về ngôn ngữ*, chúng tôi đã quyết định giữ nguyên bản văn được chuyển ngữ từ bản dịch tiếng Pháp. Nhân đây, xin gửi lời cảm ơn đến Hoàng Ngọc Lương và Phúc, hai người đã gửi cho cuốn **Loin de Byzance** còn thơm mùi giấy và mực nhà in ở Paris, cuối 1988. HNB.

JOSEPH BRODSKY

Định Nghĩa Thơ

Tưởng nhớ Federico Garcia Lorca. Huyền thoại kể lại rằng trước khi bị xử bắn ông nhìn thấy mặt trời đang lên phía trên đầu những người lính và bấy giờ ông nói: - Thế tuy nhiên mặt trời vẫn mọc... Đây có lẽ là khởi đầu của một bài thơ mới.

Nhìn lại một lúc cảnh vật
sau những cánh cửa sổ nơi đang cúi nhìn xuống
những người vợ chúng ta,
những đồng loại chúng ta,
những nhà thơ.

Nhìn lại cảnh vật
sau những phần mộ bạn bè chúng ta
và tuyết chậm rãi bay
khi tình yêu thách thức chúng ta.

Nhìn lại
những thác mưa hỗn loạn bờ trần
trên những cửa kính và làm rối loạn mọi nhịp,
chữ nghĩa áp đặt nhiệm vụ cho chúng ta.

Nhìn lại
trên mặt đất thiếu ân cần
cây thập giá vươn dài những cánh tay cuối cùng
căng cứng.

Một đêm trắng
nhìn lại cái bóng dài
in dáng cây cối và con người.

Một đêm trăng
 nhìn lại những con sóng nặng trên sông
 lấp lánh như những chiếc quần
 đã cũ.
 Thế rồi bình minh tới
 Nhìn một lần nữa con đường trắng
 chỗ hiện ra trung đội hành quyết,
 Nhìn lại sau cùng
 mặt trời lên giữa những cái gáy xa lạ
 của những người lính.

Sonnet

Tháng giêng đi qua những cửa kính nhà tù
 và tôi nghe tiếng hát những người bị giam
 qua những khối bê tông các xà lim:
 “Một người anh em của chúng ta được tự do.”
 Anh lại nghe tiếng hát những người bị giam
 và tiếng bước nặng nề của những cai ngục không nói lời nào,
 và chính anh, anh lại hát:
 “Vĩnh biệt, tháng giêng.”
 Quay mặt về phía cửa kính,
 anh lại uống khí ẩm, từng ngụm.
 Còn tôi, lần nữa, tôi lê bước trên một hành lang,
 đem trầm tư hết buổi hỏi cung này
 đến buổi hỏi cung khác đi về miền đất xa
 không có tháng giêng, tháng hai, cũng chẳng có tháng ba.

Thơ

Vĩnh biệt
 Hãy quên ta,
 Hãy tha lỗi cho ta.
 Hãy ném thư ta vào lửa
 như người ta đốt mặt đất khi đã đi qua.
 Con đường người đi hãy là con đường dũng cảm
 thẳng tắp và giản đơn,
 trong sương mù
 hãy cháy sáng cho người
 những ngôi sao tạp nhạp,
 hy vọng hãy
 sưởi nóng những bàn tay của người
 bằng ngọn lửa người đốt chung vui.
 Hãy lao tới trong bão tố
 trong tuyết và trong mưa
 trong lửa hừng hực cháy,
 và hãy biết tìm thấy
 thắng lợi
 nhiều lần hơn ta.
 Sức mạnh
 những trận chiến hãy
 thét gầm trong ngực người.
 Hạnh phúc cho những ai
 ngày mai sẽ dẫn thân
 theo bước chân của người.

Sonnet

Chúng ta lại sống gần vịnh,
 mây bay qua phía trên chúng ta,
 Núi lửa Vésuve vĩnh cửu lại bắt đầu gầm thét,
 bụi phủ đầy những đường phố nhỏ
 và những cửa kính trên các đại lộ rung chuyển.
 Tro than sẽ quay cuồng trên đầu chúng ta.
 Bây giờ anh muốn nhảy lên một chiếc xe điện,
 chạy bay ra khu ngoại thành,
 bước vào phòng em
 để ngàn năm sau
 những nhà bác học đào bới những phế tích thành phố
 sẽ tìm thấy chúng ta hai người ôm chặt nhau
 lâu hàng thế kỷ
 dưới đống tro than hãy còn ấm lửa..

Hoàng Ngọc Biên dịch

LÊ THỊ HUỆ

Lãng Mạn Với Nghèo Đói

Vẫn tiếng mưa sột soạt trên mái lá
 Bầy sẻ gù đứng trú dưới hiên xưa
 Người dẫu thời gian dưới tàn cây ử mục
 Bay qua bao triều hưng phế

Về lại đây vẫn chiếc guốc gầy lẹp xẹp
 Gõ dĩ vãng ôm eo chậm tương lai
 Nghe lòng thổn thức
 Nát nhàu sầu ước nhớ một tương lai

Ai đứng khum chân trên những chiếc cọc nhọn
 Những hạt ngô cong đuối bắt nhau nhau ngoài cánh đồng
 Cơn đói quặn thắt trong mắt người đàn bà
 Lõa lồ trước ống kính phóng viên khách ngoại
 Giọt nước mắt bay qua muôn nghìn đói khát
 Nghe thật gần cung minor điệu Tự Lực Văn Đoàn
 Gục chết một Chàng Sinh Cốm Vòng Thạch Lam Yên Phụ
 Ôm nhau ngủ giữa những cơn đói bụng
 Da giòn rục rở ẩm một bụng thơ tình nhân

Hà Nội thời mở cửa
 Đẹp nghiêng nghiêng nhan sắc phấn hương bèo
 Tôi hòa theo bầy nghệ sĩ đứng ngó bên lề đường
 Hợp xướng đàn ăn xin qua đường tình Cổ Ngư
 Hồ Gươm mất biếc mộng
 Ảo giác như chiếc lưỡi lam
 Xé những vung lụa bay rợp mái hiên xanh
 Phố cổ thập thành hết thời
 Vẫn tay nghiêng che dáng sầu nghèo đói

Tôi đập lên tiếng đàn lòng mục tử
Bầy trâu biểu tình ngang thành phố
Thối điệu nguئر tiểu ám cốt ma tang
Quá vãng quá khứ quá những gì quá thời nữa
Rống tiếng sáo chiều lay động phế thân lao đao
Khung bố quần rách đàn bà triển lãm tranh xứ chùa miếu

Tôi hát khàn khàn theo cơn mưa chợt đến
Đàn trâu vừa mới đi ngang
Tháng sáu hè đã lâu
Cây sấu chờ môi hôn
Đọt non quay những cành lịch sử
Nhú trong mắt người bán hàng
Chút son hồng kiểu cách
Hà nội ngựa ới là ngựa

Hà Nội 6/1995

TUYẾT MAI

Im Lặng

những ngày anh không đến

im lặng trùm lấp không gian
mọi vật trở thành vô vị
im lặng bao phủ thời gian
đời sống bất động đóng băng
im lặng bủa vây em
làm em nghẹt thở
giết em từng giờ

im lặng
ôi thật đáng sợ

đó là âm thanh vỡ nát
của những tháng năm xưa dịu dàng
của chùm hoa hi vọng tương lai

đó là tiếng kéo lê sên sệt của đời sống rỗng không
là tiếng thét trong các trận địa tâm hồn khốc liệt

ôi IM LẶNG
là sự thiêng liêng của bao điều chưa nói hết

hay chính là
lũ vết thương vô hình
tàn phá đến VÔ BIÊN.

N.P

Trắng Đen

Cùng Anh Lê Bi, Khế Iêm thăm nhà văn Mai Thảo

Vào bệnh viện sáng nay
Những bước đi vội vàng tìm kiếm
Con số nào là đúng là sai
Bức tường sơn trắng
Nắng cuối mùa đang chuyển mình đứng dậy
Phía sau những bậc thềm
Cánh cửa tự khép chặt
Người nữ y tá đang hóa trang
thành một khuôn mặt khác
Hoàn toàn trắng
Sợ Chúa nhận diện--phiền trách
Khi Chúa ghét những thứ làm bằng cao su
Những thứ bội phản công trình sáng thế
Sứ giả rao giảng lời Chúa đang khoác
lên mình những áo chùng đen
Sẽ không có sự mặc khải trên những màu trắng--những
thứ làm bằng cao su
Trong những trá hình đó
Môi người có hồng
Bàn tay người còn có những ngón búp măng
Sự mặc khải--trắng và đen
Người đời sẽ chọn những gì cho phải lẽ.

Thói Quen

Em đường nét kỷ hà
 Qua trí tưởng anh chiều nay
 Thứ tư
 Nhớ
 Vô vọng nhưng vẫn chờ mong
 Có đôi lúc không ngờ
 An ủi mình vậy
 Hơn nữa đời rồi có những không ngờ nào
 đến với mình đâu
 Xe cộ nối đuôi nhau
 Thăng bé lên ba bập bẹ
 Xe lửa chạy
 Những tro tàn trong đầu chở nặng bao nỗi nhớ
 Mơ ảo ký ức
 Em vẫn đóng khung
 Thứ tư
 Trăng tròn--thành phố sáng đèn
 Lơ lửng--hàng cây soi bóng
 Một cái gì rất thiếu
 Thứ tư.

4.96



Phụ bản Ngọc Dũng

AI CHỈ ĐỊNH ANH LÀ THI SĨ?

Nguyễn Quốc trự

Tưởng niệm Joseph Huỳnh Văn

Đầu tháng 3/96, buổi tưởng niệm thi sĩ Joseph Brodsky (1940-1996), Nobel văn chương 1987, tại nhà thờ St. John the Divine, New York, có lẽ đã đúng như ý muốn của ông. Thay vì cuộc sống vị kỷ, những người bạn của ông đã nhắc nhở nhau về những ân cần, chu đáo, the achievement -- the language -- ngôn ngữ của người chết:

*Death will come and will find
abody whose silent peace
will reflect deathapproach
like any womanface.*

(Chết sẽ tới và sẽ thấy
một thân hình mà sự bình an lặng lẽ
sẽ phản chiếu bước thân cận của cái chết
như khuôn mặt của bất kỳ một người đàn bà nào.

Tuy sống lưu vong gần như suốt đời, ông được coi là nhà thơ vĩ đại nhất của cả nửa thế kỷ, và chỉ cần ông sống thêm bốn năm nữa thôi là thế kỷ “của chúng ta” có được sự tận cùng trọn vẹn. Ông rời Nga xô đã hai chục năm, cái chết của ông khiến *căn nhà Nga* bây giờ mới thật sự trống rỗng.

Ông sang Mỹ, nhập tịch Mỹ, yêu nước Mỹ, làm thơ viết essays bằng tiếng Anh. Nhưng nước Nga là một xứ sở đáo đẽ, (*Chắc cũng đáo đẽ không thua gì quê hương của mi...*): Anh càng rẫy ra, nó càng bám chặt lấy anh cho tới hơi thở chót.

Đúng là trường hợp J. Brodsky.

-- Bao giờ ông sẽ về?...

-- Có thể. Tôi không biết. Có lẽ. Nhưng năm nay thì không. Tôi nên đi. Tôi sẽ không đi. Không ai cần tôi ở đó.

-- Đừng nói bậy. Họ sẽ không để cho ông một mình đâu. Họ sẽ công kênh ông trên đường phố... tới tận Moscow... Tới Petersburg... Ông sẽ cưỡi ngựa trắng, nếu ông muốn.

-- Đó đúng là điều khiến tôi không muốn đi. Và tôi không cần bất cứ ai ở đó.

Theo Tataya Tolstaya, nhà văn nữ Nga hiện đang giảng dạy văn chương Nga và *creative writing* tại Skidmore College, thoát đầu, ông rất muốn về, ít nhất cũng như vậy. Cho dù ông đã từng nổi giận trước những lời trách cứ: *Họ không cho phép tôi về dự đám tang ông già tôi. Mẹ tôi chết không có tôi ở kế bên. Tôi hỏi xin nhưng họ từ chối.* Cho dù như vậy, lý do, theo T. Tolstaya, là ông không thể về. Ông sợ quá khứ, kỷ niệm, hồi nhớ, những ngôi mộ bị đào bới. Sợ sự yếu đuối của ông, sợ hủy diệt những gì ông đã làm được, với quá khứ của ông, trong thi ca của ông. Ông sợ mất nó như Orpheus đã từng vĩnh viễn mất Eurydice, khi ngoái cổ nhìn lại.

Vẫn theo T. Tolstaya, mỗi lần bà từ Nga trở về Mỹ, hành trang của bà chắt chiu những bản thảo của thi sĩ, văn sĩ trẻ. *Cũng không nặng gì lắm đâu. Xin trao tận tay thi sĩ. Nói ông ta đọc. Tôi chỉ cần ông ta đọc.* Ông đã đọc, đã nhớ và nói với họ rằng thơ của họ tốt (good). Và trả lời phỏng vấn. Và ngợi ca điều may mắn. Và những nhà thơ trẻ hát hát cái đầu, đại khái: *Thực sự chỉ có hai nhà thơ thứ thiệt tại Nga, J. Brodsky và chính tôi!* Ông tạo nên một cảm tưởng giả, ông là một thứ Bố Già văn nghệ. Nhưng chỉ một số ít oi thi sĩ trẻ đã từng nghe ông rên rỉ: *Sau cái thứ này, tôi chắc chắn anh ta có thể tiếp tục viết. Nhưng làm sao anh ta tiếp tục sống.*

Ông đã không tới với nước Nga nhưng nước Nga tới với ông: Nhà thơ Nga kỳ cục không muốn bám rễ vào đất Nga. *Strange*, kỳ cục thật, bởi vì, đã từ lâu, thế hệ lạc loài được Hemingway mô tả trong *The Sun also Rises* vẫn luôn luôn là một ám ảnh đối với những kẻ bị búng ra khỏi đất: Nếu không trở nên điên điên, khùng khùng thì cũng bị thương tật (bất lực, như nhân vật chính trong *Mặt Trời vẫn Mọc*), *bị bệnh kín (La mort dans l'âme)*, và chỉ là những kẻ thất bại (*ratés*). Đám CS trong nước chẳng vẫn thường dè bửu một nền văn chương hải ngoại?

Nhưng J. Brodsky là một ngoại lệ. Nước Nga đã đến với ông. Thơ của ông được xuất bản, đăng tải trên hầu hết báo chí tại Nga. Trong một cuộc thăm dò dư luận tại đường phố Moscow: *Ông có mong ước gì liên quan đến cuộc bầu cử?* Một người thợ mộc đã trả lời: *Tôi chỉ mong sống một cuộc đời riêng. Như Brodsky.*

-- Ai chỉ định anh là thi sĩ?

Đám người CS Liên Xô đã từng hét vào mặt ông như vậy tại phiên tòa. Họ đã không thèm để ý đến những tài liệu, giấy tờ chứng minh từng đồng *kopec* ông có được qua việc sáng tác, dịch thuật thi ca.

-- Tôi nghĩ... Tôi nghĩ có lẽ Ông Trời (God).
Được thôi. Và tù đầy. Lưu vong...

*Neither country nor churchyard will I choose
I come to Vasilevsky Island to die*
J. Brodsky

(Xứ sở làm chi, phần mộ làm gì
Ta sẽ tới đảo kia để chết)

*In the dark I won't find your deep blue facade
I fall on the asphalt between the crossed lines*
J. Brodsky

(Trong đêm tối thấy đâu,
em xa thăm hững hờ
Ta gục xuống nhựa đen,
giữa đôi bờ sinh tử)

"*The crossed lines*", hay rõ hơn, "*the crossed Russian-American lines of an emigré double fate.*"

-- Này, thi sĩ, nếu ông muốn về không ngựa trắng mà cũng chẳng cần đám đông reo hò ngưỡng mộ, tại sao ông không về Petersburg theo kiểu *incognito*?

-- *Incognito*?

Đột nhiên Brodsky hết tức giận, và cũng thôi nói chuyện khôu hài. Ông chăm chú nghe:

Thì cứ dán lên một bộ râu, một hàng ria mép, đại khái như vậy. Đừng nói cho bất cứ một người nào. Và rồi ông sẽ dạo chơi giữa phố, thảnh thơi và chẳng ai nhận ra ông. Nếu hích thú, ông sẽ gọi điện thoại cho một người bạn từ một trạm công cộng, như thể ông đang từ Mỹ gọi về. Hay gõ cửa nhà bạn: "Tớ đây nè. Nhớ cậu quá!"

Joseph Huỳnh Văn là một thi sĩ. Chúng tôi quen nhau những ngày làm Tập san Văn Chương. Có Nguyễn Tử Lộc, đã mất vì bệnh tại Sài Gòn ngay sau 75. Phạm Hoán, Phạm Kiều Tùng, Nguyễn Đạt, Nguyễn Tường

Giang... Trong bài viết về bài thơ *Ta Về* của Tô Thùy Yên, Nguyễn Tiến Văn đã nhớ lộn là Tạp chí Văn Chương và anh coi PKT là người chủ biên. Sự thực, J. HV là Tổng thư ký. Không có PKT, tập san không có được một ấn loát tuyệt hảo. Nguyễn Đông Ngạc khi còn sống vẫn tự hào về cuốn 20 năm Năm học Miền Nam do anh xuất bản. PKT, PH lo in ấn, trình bày bi2a: Bạn lấy đầu cây kim chấm một đầu trang. Dấu chấm đó sẽ xuyên suốt mọi đầu trang thường của cuốn sách. Vẻ trang nhã của Tạp chí Thơ hiện nay là điều ngày xưa Tập san Văn Chương hãnh diện. Không có NTG thì không đào đâu ra tiền và mối thiện cảm độc giả, thân hữu, thân chủ quảng cáo dành cho tờ báo. Những bài khảo luận của Nguyễn Tử Lộc và sở học của anh từ những giọng thác ngấm của nháon loại, giọng văn chương Anglo-Saxon, làm ngõ ngàng đám chúng tôi, những đứa chỉ mê đọc sách Tây, như một căn bệnh ấu trĩ nhằm tỏ sự khó chịu trước sự có mặt của những quân nhân Hoa Kỳ tại miền Nam. J. HV và lối nói *mi mi, tau tau* là chất keo kết hợp anh em. Bây giờ nghĩ lại, chính tinh thần thơ anh mới là tinh thần Tập san Văn Chương. Đó là nơi xuất hiện *Cầm Dương Xanh*, những bài thơ đầu tiên và có lẽ cũng là cuối cùng của anh, bởi vì sau đó anh không đăng thơ nữa, tuy rằng chắc chắn vẫn làm thơ hoặc tìm thấy thơ trên những ván gỗ trong khi anh làm nghề thợ mộc, những ngày sau 75, thay cho nghề bán cháo phổi, những ngày trước đó.

Mỗi thời đại, con người tự chọn mình khi đứng trước tha nhân, tình yêu, và cái chết. (A chaque époque, lse choisit en face d, de let de la mort. Sarte, Situations). Trong thơ Nguyễn Bắc Sơn, tha nhân là những người ở phía bên kia bờ địa ngục và chiến tranh chỉ là một cuộc rong chơi. Nguyễn Đức Sơn tìm thấy cửa thiên ở một chỗ khác (ở *Đêm Nguyệt Động* chẳng hạn). Thanh Tâm Tuyền muốn trút cơn đau của thơ vào thiên nhiên:

Mùa này gió biển thổi điên lên lục địa Còn J. Huỳnh Văn, có vẻ như anh chẳng màng chi đến cuộc chiến hoặc là cuộc chiến tránh né anh, (Tinh thần *lqui écoute* của Blanchot?):

*Ôi khúc cầm dương sâu quý phái
Đàn ai xanh ngát Trời Tây Phương*

Và tôi vẫn còn ngạc nhiên, sống sờ cho đến bây giờ khi được tin anh đã mất.

Khi liên tưởng đến câu thơ của một cô bạn:

*Hồn Đông Phương thất lạc buồn Phương Tây
Thơ Trần Kim Anh*

Tôi không biết có phải *Trời Tây Phương* của anh là lấy từ ý thơ cổ: *Vọng mỹ nhân hề thiên nhất phương*

(Có thể mượn ý niệm *con người hoàn toàn (ltotal)*, hay giấc đại mộng của Marx làm nhịp cầu liên tưởng, để thấy rằng Mỹ nhân, Đấng quân

vương, Thánh chúa... trong thi ca Đông phương không hẳn chỉ là giấc mộng
ngông cuồng của thi sĩ): *Vọng mỹ nhân hề, thiên nhất phương*

Vọng mỹ nhân hề, vị lai

Đọc trong nước, có vẻ như Thơ đang trên đường đi tìm một Mỹ nhân
cho cả ngôn ngữ lẫn cuộc đời.

Và *Buồn Tây Phương* có thể từ ý thơ Quang Dũng:
Mất em dịu dịu, buồn Tây Phương.

(Tây Phương trong thơ Quang Dũng là Tây Phương cực lạc của một
cõi Chùa Thầy, Sơn Tây và cũng là vẻ đẹp của các cô thiếu nữ vùng này).

Hay Tây Phương đây chính là cõi lưu đầy của lũ chúng tôi mà anh
đã nhìn thấy từ bao năm trước:

*Khuya nước nở những cõi lòng không ngủ
Đợi vì sao dậy sớm tiễn người đi
Thơ Joseph Huỳnh Văn*

--*Đây tau đây này. Nhớ mi quá!*

*Nguyễn Quốc Trụ
Toronto 22/4/96*

JOSEPH HUỲNH VĂN

Vô Đề

Trời xanh ngập ngừng như muốn nói
Ngàn năm lơ lửng áng mây trôi
Lòng ta e có chi muốn hỏi
Muôn thu ngơ ngác đứng muôn đời

Vô Đề

Máu đào ai thấm ven sông
Mà em giặt áo chờ mong người về
Chao tay trong ánh giăng thề
Có nghe hồn lụy nào nề huyết xương.

TRANG CHÂU

Quanh Quẩn Với Tình

Anh không phải là gã
đa tình
Anh chỉ là người tình
Yêu những nét
đa nguyên

Không phải anh là kẻ không
chung tình
Anh chỉ là người
yêu những mối
tình chung

Nếu em bắt anh
từ giã em
anh sẽ quay mình lại
và đi những bước
giật lùi

Dấn thân vào yêu đương
như dấn thân làm
cách mạng
Chỉ nên biết
tình đi
Đừng nên hỏi
tình về

Bởi tình yêu hôm nay
Thay hối xuất
từng ngày
anh xin đến với em
bằng con tim
thả nổi

HOÀNG CƯỜNG LONG

Đô Thị

Tặng bạn

Trên mây, dưới đất
Sao bay căn phòng chật
Phía này đỉnh xuôi là đỉnh phía kia
Cơn sóng mãi đâu có thấy chia lìa
Theo thủy triều theo trăng sao cố định
Theo ngọn lửa theo đường của vân tay
Không hết ống mực bi những đường ray
Quay cuồng mãi tối ưu trong mọi kiểu
Còn khoảng trống vô cùng chẳng lấp đầy
Vết hương giới, cá lượn, chim bay
Tay vung hết không ra ngoài trang giấy.

KHIÊM LÊ TRUNG

Mùa Xuân Đen

Thả hào phóng giấc ngủ
Nốc cạn ly rượu,
Xuống phố.

Phố sắc sỡ xuân trên gương mặt lô nhô hotel--cao ốc
Nhồn nhộn người ngợm nháy nhóc
Khỉ đột.
Nhăn nhở cười tín hiệu
Đèn đỏ.
Giấc mơ âm ba mươi độ không, thôi bọt, những mạch máu sẵn sùì
Chào cuộc đời đi qua những cột mốc cuối cùng thế kỷ.
Ly rượu chào đời ta!

Còn đâu niềm thiết tha tiếng đế mền cũ rích
Lũ đom đóm chập choạng bay từ giã vườn khuya
Tôi mượn gốc cột đèn và giải bày những giấc mơ
Trí nhớ bốc hơi trên mặt nước se vàng, sủi bọt...

NGUYỄN CHÍ HOAN

Hoa Chuối

Kính tặng anh K.D

Anh ở rừng anh có nhớ rừng không?
lác đác bờ xanh chừa hoa chuối đỏ
rừng già theo anh vẫn trẻ cùng em đó
“Việt Bắc” - trong đầu và “Việt Bắc” - trên môi

Có lẽ khác nhau chỉ một điều ấy thôi
hoa chuối vẫn đỏ vẫn là chung biểu tượng
năm ấy em ngồi trên đá suối trơn rêu
ngắm hoa chuối lạ lòng man mác niềm yêu

Qua những thăng trầm thấy anh cười tự tại
chợt nhớ đến hoa kia - vị chất rừng già
em mơ mộng, ngây thơ so sánh vụng thật thà
hoa chuối có chi mà quàng xiên sổ phận!

Người yêu, ghét, thờ ơ nhưng rừng không tức giận
hoa chuối nhắc riêng em vì em thấy, em tìm
“Việt Bắc” trong đầu anh, còn em môi vừa nếm
vị chất rừng già nơi anh đã lặng im.

NGUYỄN QUỐC TRỤ

Biển

Buổi chiều đứng trên bãi Wasaga
Nhìn hồ Georgian
Cứ nghĩ, thêm bên kia là quê nhà.

Sóng đẩy biển lên cao, khi xuống kéo theo mặt trời
Không gian bỗng đỏ rực rồi đêm tối trùm lên tất cả.

Cát ở đây được con người chở từ đâu tới
Còn ta không hiểu sao lại đứng ở chốn này
Số phận còn thua hạt cát.

Hàng cây trong công viên bên đường nhớ rừng
Cùng thi nhau vươn cao như muốn trút hết nỗi buồn lên trời.

Chỉ còn ta cô đơn, lẫn vào đêm
Như con hải âu già
Giấu chút tình sầu
Vào lời thì thầm của biển...

4.9.95

Sinh Nhật

Tặng TCN

Chuyện muôn năm cũ, thôi bỏ
Nói chuyện mới.

Chuyện Rừng Vào Thu

Chuyện Thiên Nga hôm nay đi học về muộn
Chắc lại ngẩn ngơ vì lớp lá buồn
Vương vấn chân nai...

Phương Nghi lúc nào cũng vội vội vàng vàng
Mùa Thu không đâu xa mà ở trong đôi mắt
Hồ Thu và đôi mắt của cô cùng một màu.

Nghe nói khi say bạn ưa giỡn cùng tụi nhỏ
Còn tôi mỗi lần ôm con vào lòng
Thấy ấm hết cả người

Hôm nay sinh nhật bạn, ta cùng nhau say một trận
Bạn vui cùng Nam
Còn tôi sẽ cùng Huy đấu một trận cờ
Cho vơi nỗi nhớ
Mấy đứa nhỏ...

Giáng Sinh

Giáng sinh chưa nhấp môi đã thấy nhớ nhà
Dường như có một người bạn thân ở trong ta
Đi rất xa
Rất lâu
Chợt về đêm nay

Người bạn thân hay là quê hương cũ
Tiếng cười xưa rộn rã với đêm này
Nến rực rỡ soi hồn ta rất rõ
Chút ngậm ngùi bay theo hơi rượu cay

Rượu rất cay mà lòng rất vui
Chúc tụng nhau bằng bài thơ mới
Ba mươi năm thơ vẫn đẹp như người.

12.94

Nguyễn Quốc Trụ

Nizar Kabbani, Nhà Thơ Của Tình Yêu Và Tình Dục

Lê Thị Thấm Vân

Nizar Kabbani được xem là nhà thơ Ả Rập ảnh hưởng nhất và danh iếng nhất của thời hiện đại. Với sự nghiệp kéo dài năm mươi năm ông đã xuất bản năm mươi tập thơ, và được xem như là nhà thơ tình vĩ đại nhất của Thế giới Ả-Rập. Kabbani đặc biệt luôn luôn tranh đấu cho nữ quyền, thúc giục người đàn bà phải đứng lên làm chủ đời sống, thân thể, và định mệnh của mình. Ông chủ trương giải phóng phụ nữ sau nhiều thế kỷ ngự trị bởi đàn ông trong Thế giới Ả-Rập. Kabbani khai sáng sự thay đổi thái độ đối với tính dục, nhục dục và quyền của người đàn bà được ngợi ca sự hoan lạc của tình yêu. Kabbani cho rằng tự do của thân thể là con đường dẫn đến sự tự do tâm linh cho tất cả mọi người, vì thế ông chủ trương phải giải phóng thế hệ mới thoát khỏi sự dồn nén, sợ hãi, và xóa bỏ mọi cảm giác tội lỗi, lúng túng đối với tình dục.

Tình yêu luôn luôn là chủ đề chính trong tác phẩm của Nizar Kabbani. Ông thiết lập tình yêu như là một chủ đề độc lập trong thơ Ả Rập hiện đại, và bỏ cả đời để phát triển, khai phá chủ đề này. Ông luôn luôn nỗ lực tìm hiểu đàn bà, cũng như cố gắng thay đổi mối liên hệ giữa đàn ông và đàn bà thành một mối liên hệ cởi mở hơn, dù phải đối đầu với nhiều vấn đề phức tạp, rắc rối ở xứ ở ông. Kabbani đã dành cả đời ông cho phụ nữ bằng cách chia sẻ tình cảm và vấn đề phụ nữ qua những tác phẩm của ông.

Nizar Kabbani sinh tại Damascus, Syria, ngày 21 tháng 3, 1923. Khi còn bé Kabbani đã yêu thích âm nhạc và hội họa. Ông thường nằm trên giường và, trong trí tưởng, tự vẽ ra những đường nét và hình dáng trong bóng tối, sáng tạo ra những màu sắc và hình thể mới. Những trầm tư về màu sắc sau này hiển lộ trong thi tập *Vẽ ằng Chữ*. Kabbani viết bài thơ đầu tiên vào năm 1939 lúc mới mười sáu tuổi trong một chuyến du hành từ Beirut sang Ý. Kabbani tốt nghiệp cử nhân luật khoa tại Đại Học Damascus. Tuy

nhiên, ông không thích môn học này và thuở còn đi học hay nguệch ngoạc những bài thơ tình bên lề sách vở khi ngồi nghe giảng bài trong lớp học. Năm 1944, Kabbani xuất bản tập thơ tình đầu tiên ở Damascus. Trong tập thơ này nhà thơ hai mươi một tuổi đã mô tả việc ông khám phá ra thế giới của đàn bà và thế giới của tình yêu. Tập thơ đầy hình ảnh tính dục, được xuất bản trong thời kỳ tình yêu và tính dục là chủ đề bị cấm đoán trong xã hội Ả-Rập, nhất là giữa iới trẻ. Tập thơ bán hết trong vòng một tháng. Những bài thơ trong tập thơ này lan truyền nhanh chóng, và bài thơ *Ngực em* đã khiến Kabbani lừng danh như sóng cồn:

*Hãy mở kho báu ra!
 Để trần bộ ngực cháy bỏng của em
 Đừng dập tắt ngọn lửa bị giam tù.
 Ngực em là hai bức tranh tuyệt vời nhất
 Hai trái cầu bằng tơ dệt buổi sáng độ lượng
 Cho nên hãy đến gần anh hỡi con mèo nhỏ
 Hãy buông thả mình
 Đến gần Suy nghĩ về số phận của bộ ngực em
 Mỗi khi chuyển mùa
 Đừng sợ
 Đại đột thay là cô gái che dấu bộ ngực của mình
 Và để tuổi xuân qua đi mà không được hôn.
 Tôi kéo thân thể nàng sát vào mình
 Nàng không chống cự không nói năng
 Ngây ngất nàng ngã ngón trên người tôi
 Và hiến dâng bộ ngực run rẩy
 Và nói trong cơn mê đắm
 “Em không cưỡng được chạm vào lửa”.*

Sinh viên tụ tập đọc bài thơ này của ông, chép trong sách vở, và thơ của Kabbani xuất hiện trên bảng đen trong những trường học ở Damascus. Sự ra đời của tập thơ này đã thiết lập Kabbani như là nhà thơ tình nói về những vấn đề xã hội. Tập thơ gồm 28 bài viết ằng thể mới, giản dị, trực tiếp và thành thật xuất hiện vào cuối hế Chiến Thứ Hai khi xã hội Damascus đang trải qua một cuộc chuyển hóa. Cho đến giữa thế kỷ hai mươi, đời sống văn chương vẫn tách biệt với đời sống quần chúng vì được uốn nắn bởi những ước lệ cổ xưa. Kabbani hiện thân cho những nhu yếu của thế hệ mới đòi hỏi xã hội phải cởi mở và tự do. Ông phá vỡ những thành lũy câm nín về tình yêu, tính dục và xây dựng một nền thơ tình giải phóng hiện đại. Điều này đã tạo ra những rối loạn ở Syria và các xứ Ả ập khác, đồng thời ông cũng bị phía bảo thủ công kích dữ dội.

Kabbani dùng chữ nghĩa bình dị và thể văn giản dị để giới thiệu một cú điệu mới. Xuất bản một tập thơ như vậy ở Damascus vào thập niên 40 đòi hỏi rất nhiều can đảm và bạo dạn, bởi vì Kabbani đã tách mình ra khỏi những giá trị công ước của xã hội cùng những luật lệ cứng nhắc của thi ca, và các chủ đề truyền thống hiện hữu lâu đời. Thế giới Ả-Rập luôn luôn nôn nóng chờ đợi bài thơ kế tiếp của Kabbani, bất cứ là chủ đề gì. Thơ của Kabbani xâm nhập ở những quán cà phê, đường phố, trường học, và cả công sở. Thật khó tưởng tượng thế giới Ả-Rập nếu không có Nizar Kabbani.

Hiện Kabbani sống ở Anh Quốc. Những bài thơ trích dịch sau đây được lấy ra từ các tập thơ của Nazir Kabbani, *Arabian love Poems* (Colorado prings: Three continentws Press, 1993) và Salma Khadra Jayyusi, *odern Arabic Poetry: An Anthology* (New York: Columbia University ress, 1987)

Thơ

Hỡi em yêu
 Nếu như em ở cùng một mức độ điên cuồng với anh,
 Hãy vứt bỏ nữ trang,
 Bán đi tất cả những vòng đeo tay của em,
 Và ngủ trong mắt anh.
 *

Tình yêu của em,
 Hỡi em với đôi mắt sâu thẳm,
 Cùng cực,
 Huyền bí,
 Linh thiêng.
 Tình yêu của em, như sinh và tử,
 Không thể nào lặp lại.
 *

Khi anh yêu
 Anh biến Shah của Ba Tư
 Thành một tín đồ của anh
 Anh khiến Trung Quốc phải phục tùng mọi mệnh lệnh của mình
 Anh dời biển cả khỏi những nơi chốn quen thuộc của chúng
 Và nếu anh muốn
 Anh có thể điều khiển đôi tay của thời gian.

*

Anh là tiên tri của tình yêu
 Đem những ngạc nhiên đến cho đàn bà.
 Nếu như anh không rửa ngực em bằng rượu,
 Thì nó đã không bao giờ phát triển.
 Phép lạ khiêm nhường của anh
 Khiến đầu vú em nảy nở.

*

Em hãy cởi quần áo ra.
 Hàng thế kỷ rồi
 Chưa có phép lạ.
 Em hãy cởi quần áo ra,
 Anh câm nín,
 Và thân thể em biết tất cả mọi ngôn ngữ.

*

Anh muốn biến em thành một mẫu tự duy nhất
 Trong đó anh ước ao
 Nhịp điệu của mưa,
 Bụi của trắng,
 Nỗi buồn của những đám mây xám,
 Niềm đau của những chiếc lá liễu rụng
 Dưới những bánh xe của mùa thu.

*

Buổi sáng tháng ba ấy khi em đến với anh
 Như một bài thơ đẹp
 Mặt trời và mùa xuân đến với em.
 Trên bàn giấy anh
 Biến thành màu xanh
 Trước mặt anh tách cà-phê
 Cạn trước khi anh uống
 khi em xuất hiện
 Đoàn ngựa phi
 Trong bức tranh trên tường
 Rồi bỏ anh
 Để chạy đến bên em.

Buổi sáng tháng ba ấy khi em đến thăm anh
Thân thể trái đất run rẩy
Một vì sao sáng rực
Rơi một nơi nào đó trên trần gian.
Trẻ con tưởng vì sao
Là chiếc bánh mật
Đàn bà nghĩ vì sao.
Là chiếc vòng tay làm bằng ngọc
Đàn ông cho rằng vì sao
Là dấu hiệu từ cõi trời.
*

Khi anh nói với em:
“Anh yêu em”
Anh biết,
Anh đang lãnh đạo một cuộc đảo chánh
Lật đổ luật lệ bộ lạc,
Rằng anh đang đóng tiếng chuông thị phi.
Anh muốn nắm quyền
Để tặng số lá
Trong rừng.
Anh muốn làm đại dương xanh hơn
Và trẻ con hồn nhiên hơn.
Anh muốn chấm dứt thời đại man rợ
Và giết vị Caliph cuối cùng.
Chủ ý của anh
Khi yêu em
Là để đập đổ những cánh cửa khuê phòng
Để bảo vệ ngực đàn bà
khỏi răng của đàn ông:
Để cho dấu vú họ,
Nhảy múa hân hoan trong không trung.

Khi anh nói
“Anh yêu em!”
Anh biết,
Anh đang khai sáng ra một mẫu tự mới
Cho một thành phố không biết đọc
Anh đang tụng những bài thơ của mình
Trong một sảnh đường trống không,

Và anh đang dâng rượu
Cho những kẻ không biết
Những niềm vui của cơn say.

Khi anh nói
“Anh yêu em!”
Anh biết,
Bọn man rợ sẽ theo đuổi anh
Với những cây thương độc,
Với cung và tên.
Hình anh sẽ bị dán
Trên tất cả những bức tường.
Dấu tay anh
Sẽ bị phân phát cho tất cả các trạm cảnh sát
Một giải thưởng lớn
Sẽ được trao cho
Bất cứ kẻ nào giao đầu anh cho họ
Để treo trên các cổng thành phố
Như trái cam xứ Palestine.

Khi anh viết tên em
Trong cuốn sổ tay của hoa hồng
Anh biết,
Tất cả những kẻ mù chữ,
Tất cả những người bệnh hoạn và bất lực
Sẽ đứng dậy chống lại anh.

Khi anh quyết định giết vị Caliph cuối cùng
Để công bố
Sự thiết lập một quốc gia của tình yêu
Tôi phong em làm nữ hoàng,
Anh biết,
Chỉ có loài chim
Sẽ hát về cuộc cách mạng cùng anh #

*

Ánh sáng quan trọng hơn ngọn đèn,
Bài thơ quan trọng hơn cuốn sổ tay,
Và nụ hôn quan trọng hơn đôi môi.
Những lá thư anh viết cho em

Thì vĩ đại và quan trọng hơn hai chúng ta.
Đó là những tư liệu duy nhất
Bằng vào đó người ta sẽ khám phá ra
Vẻ đẹp của em
Và cơn điên của anh.

*

Hôm qua anh nghĩ
Về tình yêu của anh cho em
Anh nhớ
Những giọt mật trên môi em,
Anh liếm sạch
Khỏi bức tường của trí nhớ mình.

*

Làm ơn
Kính trọng sự im lặng của anh,
Im lặng là vũ khí tốt nhất của anh
Em có cảm thấy những lời lẽ khi anh làm thinh?
Em có cảm thấy cái đẹp của những gì anh nói khi anh không
nói gì cả.

Về Tình Yêu Biển Cả

Anh là biển cả của em,
Đừng hỏi anh
Về chuyến du hành sắp đến.
Em chỉ cần
Quên đi những bản năng thế tục
Tuân theo những luật lệ của biển cả
Xâm nhập anh như một con cá điên,
Chở con thuyền,
Chân trời,
Đời anh
Thành từng miếng.

Lời Nói Của Hai Bàn Tay Nàng

Hãy giữ im lặng,
Giọng nói đẹp nhất
Là lời nói của hai bàn tay em
Trên bàn.

Anh Chinh Phục Vũ Trụ Bằng Ngôn Ngữ

Anh chinh phục vũ trụ bằng ngôn ngữ
Anh cưỡng đoạt tiếng mẹ,
Ngữ pháp, văn phạm,
Những động từ, và những danh từ
Anh xâm nhập trình tiết của sự vật
Và hình thành một ngôn ngữ khác
Một ngôn ngữ che dấu bí mật của lửa
Và bí mật của nước
Anh rọi sáng thời đại sắp đến
Và chặn đứng thời gian trong mắt em
Xóa đi lẫn rã phân chia
Khoảnh khắc này và những năm.

Lê Thị Thấm Vân dịch

ROLAND REUTENAUER

Rời Bỏ Bài Thơ

*Tháng Một trong rừng tự ngâm nga
một ngôn ngữ lạ xa cáo biệt
thế giới tập hợp cùng khắc giờ
và cơn mưa một khuôn mặt đã nhòa*

*

Nơi mỗi người nhận ra mình
chỉ thấy bản thân rời bỏ
bài thơ hắt cấn thực tế
cội cây ánh sáng mảnh ao
nét ửng hồng nơi những áng mây

có chẳng một thế giới không từ ngữ
thế giới đó này đây đang ở trước mặt mi
và mi cũng chẳng biết một điều gì khác
ngoài khép kín nó nơi mi

*

Bàn tay của mộng

Kẻ muốn thấu hiểu khuôn mặt mình
trong tấm tối tự lừa dối
ánh ngày như dòng sông trôi trên mi
bàn tay không viết ra điều ấy
bàn tay muốn giữ ở cách xa
mi bàn tay ấy kiếm tìm mà mi không hay

*

Phải chăng chỉ có sự mỉa mai
để lấp đầy lỗ hổng
nụ cười kẻ nô lệ
căng sợi dây mệnh số
phải chăng chỉ có những từ giả trang
những vẻ hào nhoáng của luyến tiếc

*

Trông đợi nơi từ ngữ
nhiều hơn chúng có thể hàm chứa
khua động trên cây hạc cầm
ấy những điều dối trá
kiếm điểm những lý do thích đáng
ấy những điều tạo ra một linh hồn nơi thế giới
như một đứa trẻ trước ảo mộng

*

Lúc tỉnh mơ
Không có gì lẩn tránh mi chạm tới
cội cây bằng đôi tay mi cụ thể
mảnh đời lộng vào
bấp bênh tự nhìn ra
với bao thương đau

*

Bài học của từ ngữ
ta không vượt khỏi thế giới này
thước đo của tất cả
của im lặng quay trở lại
với hữu hạn

*

Nơi giấc mơ thân thuộc nhất khắc giờ
gần gũi một vùng trời mở to
ở nhân giới

cánh chim chiều thám hiểm
năm mờ bỏ ngõ

*

Vẫn hoài tồn tại
những gì đã tắt
những gì nín thính
cuộn tròn trong một hạt nhân nhấn nhui nào đó
ta những muốn tin

điều ấy ở chung quanh
đem lại miệng lưỡi và bọt mép
đem lại đổi chác

*

Mi quét sạch những mảnh vỏ thời gian
kể cả cuộc đời?

buổi chiều lâu giờ nhìn mọi sự
rồi hít thở bên trong chúng
mà không gây tổn hại

*

Một bàn tay vung ánh sáng
và muốn nắm bắt lại
một lời ở cõi ngoài tự hy sinh

sự vật mơn trớn *giữa những dòng*
của khuyết vắng chúng ta cư ngụ
ít ra điều đó cũng được tỏ bày

*

Mây những áng mây mờ côi
của muôn thửa

miền đất trải rộng qua bên kia thế giới
phải chăng chính ấy là thế giới

bóng của cây để
tất cả những chiếc lá dưới chân nó

bóng các từ chiếu lên
vĩnh cửu cũng như trá ngụ

thế giới thâm lặng họ bảo
thế giới đã cáo biệt

Diễm Châu dịch

chú thích

ROLAND REUTENAUER là một nhà thơ kiệt xuất ở Yên-sa (Elsass) hiện nay. Đã có trên mười tập thơ được xuất bản, phần lớn có thể tìm thấy nơi nxb Rougerie. Từng đoạt nhiều giải thưởng về thi ca. Hiện cư ngụ tại một làng nhỏ gần Lộ trấn: Westhoffen, miền đất của năm ngàn gốc anh đào ăn trái và cũng là nơi từng sinh sống các dòng họ của những nhà lãnh tụ xã hội lừng lẫy nhất thế giới và Pháp. Trong lúc chuẩn bị một tập thi tuyển Roland Reutenauer, chúng tôi trân trọng giới thiệu trước cùng bạn đọc một tác phẩm ngắn, mới nhất của ông: *Quittant le poème*, nxb Tetras Lyre, Bỉ, 1995. Đây là những suy niệm của một người rất gần gũi thiên nhiên, về ngôn từ, cuộc đời và thế giới thâm lặng hay “thế giới không tiếng nói”...

PAUL CELAN

Tubingen, Tháng Giêng

Dưới lớp sóng hùng biện
đôi mắt muốn chói lòa.
Lời của chúng, --
“một điều bí hiểm là
trào vọt tinh khiết” --, ký ức
của chúng về
những ngọn tháp Holderlin trôi trôi, hải âu
rít vòng quanh.

Những chuyến thăm của những người thợ mộc chìm đắm
dưới
những lời trút xuống này:

Nếu có,
nếu có một người,
nếu có một người tới cõi đời này, hôm nay, với
chùm râu ánh sáng của
các bậc tổ phụ: hẳn là người ấy,
nếu phải nói về thời buổi
này, hẳn là
người ấy
cũng chỉ lắp bắp và lắp bắp,
mãi mãi, mãi mãi
mà mà thôi.

(*“Pallaksch. Pallaksch.”*)

Diễm Châu dịch

GHI CHÚ

Nó tới Tübingen là nói tới HOLDERLIN (nhà thơ Đức, 1770-1843), vì đây là nơi ông đã trải qua nửa đời người và nhất là những ngày “điên” của ông... Và nói tới Friedrich Holderlin là nói tới...

- * Ngày 22.5.1996, cùng với nhà thơ Pháp, người Yên-sa: Roland Reutenauer, tôi đã đi thăm Tübingen (cách Lộ-trấn khoảng hơn 2giờ xe hơi). Nhân dịp này, cùng với bạn đồng hành, tôi đã dịch “Tübingen, tháng Giêng” trong *Die Niemandrose*, một trong hai bài thơ của Paul Celan mà Philippe Lacoue-Labarthe đã dành trọn một cuốn sách 170 trang để tìm hiểu (*La poésie comme expérience*, Christian Bourgois, Paris, 1986). Tôi đã cố theo sát nguyên tác, ngoại trừ một vài câu hay một vài chữ dựa theo các bản Pháp văn của Martine Broda, Philippe Lacoue-Labarthe (2 câu đầu) hoặc bản Anh văn của Michael Hamburger, với hy vọng sẽ có dịp trở lại với bài thơ này của Celan.
- * “Tháp Holderlin” ở Tübingen là một ngôi nhà nhỏ nơi ngày trước một ông thợ mộc Đức tên là Zimmer đã cho Holderlin cư ngụ. Trong ngôi nhà với một ngọn tháp nay đã được sửa lại cho cao hơn này, Holderlin từng chiếm một căn buồng có ba cửa sổ ở lầu một trông ra dòng Neckar với hai nhánh sông ôm lấy một giải đất trồng những rừng dương ngô đồng (lá nhỏ chỉ bằng nửa lá *maple-tree*) và xa hơn nữa: trước là đồng không mông quạnh, nay cửa nhà đã san sát. Nơi một tủ kính gắn trên một vách tường ngôi nhà lúc này đã trở thành “Tháp Holderlin” (vào cửa: 3DM), tôi đã thấy bản *facsimilé* bài thơ của Paul Celan. Bản sao y này cho thấy bài thơ đã được đánh máy liền lạc (không phân đoạn), tại Paris ngày 29.1.1961; dấu phân đoạn được ghi sau bằng bút mực cùng với một số đổi thay về cách ngắt câu hoặc về từ ngữ, nhất là ở đoạn ba. Dòng (“Pallaksch. Pallaksch.”) ở cuối bài cũng được thêm vào sau, bằng chữ viết tay, đứng riêng thành một đoạn. Ở dòng chót đoạn trên đó chỉ có một chữ “zu”, Celan đã sửa bằng bút mực thành “zuzu” (viết liền nhau, để gợi ý “lấp bắp”...). Bên cạnh tờ sao y bản thảo (1961) là một cuốn sổ lưu niệm dành cho khách tới thăm “tháp”, mở ra ở trang có chữ ký của nhà thơ Pháp André du Bouchet và Paul Celan và ghi ngày: 21.3.1970. Riêng chữ ký của Paul Celan đặc biệt có dấu (-) tựa tựa như dấu “ngã” trên chữ “u” của “Paul”, chỉ rõ cách đọc (theo người Đức) cho những người để ý: /Pa-ul/, và do đó, tên Celan đọc theo lối này gần như “Xêlan” theo cách đọc của ta, chứ không phải “Pô-l Xê-lăng” theo kiểu tây... Ngay sau cuốn sổ, về bên phải, còn có một tấm hình nhỏ của Paul Celan do bà Gisèle Celan chụp...
- * Ngày tới thăm Tübingen vào hạ tuần tháng Năm, chúng tôi không gặp một cánh hải âu nào, cả trên hai nhánh “sông” Neckar trước mặt “tháp” lẫn vùng lân cận. Rồi “tháp” chỉ vài bước là tới bệnh viện, Holderlin từng nằm điều trị lâu ngày và gần đó lại có “chủng viện Tin lành” nơi Holderlin, Beethoven và Hegel...được đào tạo. (Ba người sinh cùng một năm).

NHẮC LẠI:

-- Câu “một điều...” là trích thơ Holderlin, bài “Sông Rhin”.

- Tục truyền: vào những ngày về cuối đời mình, câu trả lời thông thường của Holderlin dành cho mọi câu hỏi: - "Pallaksch. Pallaksch."
- Paul Celan, gốc người Do-thái nói tiếng Đức, sinh ngày 23.11.1920 tại Cernowitz ở Bucovine (thuộc Ru-ma-ni vào cuối Thế Chiến I, thêm hai lần đổi chủ vào đầu những năm 40). Sau một chuyến thăm Israel, ông tự trầm trên sông Seine vào cuối tháng Tư 1970. Tác phẩm toàn bộ của Paul Celan được bày bán khắp nơi ở Tübingen.*DC*

Tưởng Niệm Ai Qing (Ngải Thanh)

Nguyễn Đăng Thường

Ai Qing là một nhà thơ Trung Quốc tên tuổi được liệt vào hàng đầu, nhờ những đóng góp lớn lao của ông trong việc hiện đại hóa thi ca chữ Hán. Đời ông đầy vinh nhục, phải chịu cùng một số phận với nhiều văn nghệ sĩ đã sống và phục vụ dưới các chế độ cộng sản. Ông tên thật là Jiang Hai Cheng, sinh ngày 27 tháng 3 năm 1910 tại Zhe Jiang trong một gia đình địa chủ giàu có. Lúc lâm bồn thân mẫu ông chuyển bụng rất lâu, sinh khó đẻ đau nên cho là điềm gở, đem ông gửi cho một gia đình nông dân nghèo. Vì không đủ sữa cho hai trẻ bú, người vú nuôi đành phải trấn nước giết đứa con gái của mình. 5 năm tuổi nhỏ rất dài sống bên những kẻ chân lấm tay bùn, đã để lại dấu ấn sâu đậm trong tâm hồn và thi ca Ai Qing. Đấy cũng là động lực thúc đẩy ông rộng vòng tay đón rước cách mạng vô sản. “Bà mẹ sữa” (1933) là bài thơ nổi tiếng đầu tiên của Ai Qing, kể lại thời ấu thơ của ông, và tình gắn bó với rẫy nương của dân quê.

Ai Qing đang học vẽ ở Paris lúc quân Nhật chiếm các tỉnh đông bắc nước Tàu. Ông lật đật về nước sống ở Thượng Hải. Nhưng chẳng được bao lâu thì ông bị bắt nhốt 3 năm, vì hoạt động với một tổ chức văn nghệ sĩ tả khuynh (Thượng Hải đã bị chia làm ba tiểu khu đặt dưới quyền của Anh, Pháp, Mỹ). Không thể vẽ trong tù Ai Qing bắt đầu làm thơ. Mãn hạn, ông tìm đến Vân Nam--cái nôi của cách mạng lúc ấy--rồi xin kết nạp đảng vào năm 1941. Ở Vân Nam, Ai Qing được hội kiến nhiều lần với Mao, và được nghe Mao giảng về vai trò chính trị của văn nghệ. Năm 1949, Ai Qing là cán bộ nòng cốt khi ông tới Bắc Kinh. Ông làm thơ ca tụng Mao và Stalin, được cử đi thăm nhiều nước bạn cho đến năm 1958, bỗng dưng chẳng biết

vì lý do gì, ông bị tố cáo là hữu khuynh trong một bài viết hạ bệ ông trên tờ Văn Nghệ của đảng. Rồi ông bị lưu đầy suốt 20 năm. Việc ông bị đảng bôi nhọ có điều bí ẩn khó hiểu, vì ông thực tâm theo chủ nghĩa Mao. Nỗi buồn của kẻ bị bạc đãi bằng bạc trong bài thơ *Cá hóa đá* ông làm khi được cho trở lại Bắc Kinh: *Toàn thân bất động / Không phản ứng cùng ngoại giới / Mi không thấy trời mi không thấy nước / Mi chẳng còn nghe tiếng sóng vỗ bên tai...* Thơ Ai Qing rất được mến mộ, nhưng cũng bị chỉ trích nặng nề. Đối với vài nhà thơ trẻ hiện đại ông chỉ là con rối của chế độ, thơ ông cản trở bước tiến thi ca. Thơ Ai Qing là những bức vẽ, bức họa lịch sử đầy hình ảnh quê hương thâm tình đất nước, phản ánh thời đại ông sống, đấu tranh, làm thơ, viết vẽ, yêu thương, thù hận, nhẫn nhục, sống sót. Ông để lại đôi mươi bài thơ dài trữ tình kể truyện, một ngàn bài thơ ngắn, hơn hai trăm bài tiểu luận gồm nhiều chủ đề. Ông có năm con trai và ba con gái. Ông mất tại Bắc Kinh, ngày 5/5/96, hưởng thọ được 86 tuổi.

Đầu thập niên 70 tôi có dịch vài bài thơ Ai Qing qua các bản dịch tiếng Pháp, bởi dốt chữ Hán. Hồi đó các anh em ở tạp chí Trình Bày cũng chẳng ai biết phải chuyển tên ông sang tiếng Việt như thế nào, nên chúng tôi giữ nguyên cái “tên Tây” của ông là Ai Ts. Ít lâu sau họa sĩ Nguyễn Đồng, không biết đã lục tìm sách vở, hay hỏi han cụ đồ ông nho nào, có nói hình như phải dịch là Ngải Thanh. Tới nay tôi vẫn mù tịt. Mặc dù vậy tôi chẳng may may áy náy về việc làm quá liều lĩnh của mình. Dĩ nhiên thơ không thể dịch được, nhưng thơ luôn luôn cần phải dịch. Dịch dở vẫn còn hơn là không dịch.

Nguyễn Đăng Thường

AI QING

Mùa Xuân

Bây giờ là mùa xuân.
 Những cây đào ở Lunghua đang trổ hoa.
 Chúng trổ hoa trong những đêm đó,
 Những đêm vấy máu đó,
 Những đêm không sao đó,
 Những đêm đầy gió đó.

Những đêm nghe tiếng góa phụ khóc nước nỡ đó.
 Nhưng trái đất già nua này!
 Giống như con ác thú mỗi mồn và đói lả
 Đang liếm máu những người trẻ tuổi,
 Máu những người trẻ tuổi gan lì.
 Sau những ngày mùa đông dài,
 Sau những băng giá và tuyết,
 Sau những đợi chờ dai dẳng và kiệt sức,
 Những vết máu đó, những vết máu đó,
 Trong một đêm huyền thoại,
 Trong một đêm Á Đông đen tối,
 Đã nở thành nụ hoa
 Và tô điểm cả một vùng phía nam dòng sông với mùa xuân của
 chúng nó.

Người hỏi: Mùa xuân từ đâu tới?
 Xin thưa: Từ những ngôi mộ ngoài châu thành.

Nguyễn Đăng Thường dịch

Chú thích

Lunghua: Bãi hành quyết ở Thượng Hải

Tôi Đứng Lên

Tôi đứng lên
như con thú rừng mỗi mệ
con thú bị thương
đã cố ngoi mình lên được
sau những lần cố gắng bền bỉ và nhọc nhằn
trên phiến đá lạnh
trong khu rừng ngổn ngang những xác lá.
Tôi mở mắt
và tìm chân trời.
Tôi
tôi là người
lữ hành
đến đây từ miền đất núi xa xôi
những dãy núi chưa một lần khai phá
đến trong thành phố này nơi hàng triệu người
làm việc bằng tay
kêu la bằng miệng
Bước đi bằng chân
trên mình tôi
trên thân thể tôi rã rời
còn giữ thật sâu bên trong
sự mệt nhọc của một chuyến đi dài
và của đêm qua dưới trời mưa gió.

Nhưng
cuối cùng tôi đã đứng lên.

Tôi mở cánh cửa sổ
với đôi mắt tù nhân thấy lại ánh sáng lần đầu.
Tôi nhìn thấy bình minh
- Ôi bình minh thật sự!

Nguyễn Đăng Thường dịch

Hôm Nay

Hôm nay
 tôi chạy trên con đường đầy nắng
 và đầu hết cúi xuống
 Tôi thôi cho hai tay vào túi quần
 Tôi thôi huýt sáo trên đầu môi bài hát cô đơn.
 Tôi thôi nhìn đám mây bay lẩn trốn trên trời.
 Tôi thôi không còn là kẻ lang thang ngoài hè phố.

Hôm nay
 tôi ở giữa lòng đám đông có mặt trời soi sáng
 mãi mãi tôi sẽ thôi tìm
 những khuôn mặt buồn bã như tôi.

Hôm nay
 mặt trời hôn lên má tôi hôm qua còn đầy nước mắt.
 Hôn mắt tôi đã mỏi vì những kinh hoàng thế giới.
 Hôn môi tôi đã cảm bởi đã không ngớt gọi công bằng.
 Hôn chiếc lưng tôi già trước tuổi
 và sắp sửa còng.

Hôm nay
 tôi nghe
 mặt trời gọi tôi:
 “Hãy đến cùng ta
 trong hôm nay
 cho đúng hẹn và vui vẻ!”
 Say mê
 lúc đó bởi một ngày vừa hóa kiếp
 tôi yêu tiếng kèn đồng ngoài ô,
 tôi yêu tôi đi giữa đoàn người hỗn hởi.
 tôi yêu điệu trống, tiếng trống ngoài đường.

tôi yêu gánh xiếc
và khi đã xem hết những trò hát đơn sơ,
hùng tráng và mạnh bạo này,
tôi sẽ biết yêu chúng nhiều hơn
như biết yêu tha thiết mặt trời.

Hôm nay
người tôi tràn ngập lòng biết ơn mặt trời
đã cho tôi lại tuổi thơ.

Nguyễn Đăng Thường dịch

Thơ Cho Một Thế Giới Đang Hình Thành

Phan Tấn Hải

Một đặc điểm của thế hệ chúng ta, thử nói cho cao siêu đi, kiểu như tư tưởng thời đại trong nửa sau thế kỷ 20, là lòng ngờ vực với chính hiểu biết của mình.

Hiển nhiên, không phải ngờ vực là đặc điểm mà thời xưa chưa có. Ngờ vực, thắc mắc, đặt câu hỏi, tìm ra đâu chân đâu giả vẫn là mẹ đẻ của mọi nguồn triết học. Thậm chí có một thuở trong tư tưởng Hy Lạp lại sinh khởi một thứ chủ nghĩa hoài nghi (skepticism), không tin rằng chúng ta có bao giờ đạt được hiểu biết chân thực nào về hữu thể. Không phải vậy. Cái ngờ vực của chúng ta, có lẽ, trần gian hơn, con người hơn, không dính gì tới (hoặc chỉ một chút) chuyện truy tầm chân lý--nhưng cũng có thể vì chúng ta không muốn làm chuyện này, hoặc là cho đấy không phải chuyện của nhà thơ.

Thơ những thời trước gần như luôn luôn là những lời khẳng định, hoặc là đi từ những khẳng định này tới khẳng định khác. Và ngay cả khi người xưa dùng lời phủ định thì cũng như với lòng tin chêm đính chặt sắt.

Khi Lý Bạch viết:

Vân tưởng y thường, hoa tưởng dung

Chúng ta thấy như có một phương trình cân bằng, với mây ở một bên và áo giai nhân ở một bên, cũng như vẻ đẹp của hoa một về và bên kia là dung nhan của nàng. Như dường không thể nào khác hơn.

Hoặc ngay như khi Nguyễn Du đặt câu hỏi:

Bất tri tam bách dư niên hậu

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như

Chúng ta rơi ngay vào trận đồ của tác giả, tin rằng có một thế giới (với những *thiên hạ*) với một dải thời gian (ba trăm năm chẳng hạn, hoặc lâu dài hơn) để đặt lại vấn đề *tấm lòng Tố Như*.

Thế giới của họ Lý và họ Nguyễn là cái gì bền vững, với *những giá trị đã được định sẵn*, nghĩa là áo nàng thì phải như mây, mặt nàng thì phải như hoa, nghĩa là nỗi thương tâm của Tố Như nhất định phải là nỗi đau xót cho cả người nhiều trăm năm sau.

Thế giới thơ trên của họ Lý là, nhà thơ nhìn về giai nhân và dùng lời ghi lại một cảm xúc (tức lượng định về một hiện tượng trong không gian). Thế giới thơ trên của họ Nguyễn lại là, nhà thơ nhìn về nỗi thương tâm của mình và khoảng thời gian mờ mịt ba trăm năm sau và dùng lời ghi lại một câu hỏi về tương lai (tức lượng định khả vấn về một hiện tượng trong thời gian chưa đến). Điều hai người giống nhau là ở chỗ: có một cái gọi là *nhà thơ*, có một cái gọi là *thế giới mà nhà thơ nhìn tới*, và có một cái gọi là *ngôn ngữ để ghi nhận*.

Chính Edmund Husserl (1859-1938) là người đầu tiên nêu lên vấn đề: chính cái hành động suy nghĩ (như của nhà thơ) và đối tượng của suy nghĩ (hiện tượng ghi nhận trong thơ) thực sự tương thuộc nhau--Chúng không phải là những gì độc lập. Husserl đưa ra hiện tượng luận (phenomenology) để biện minh rằng chúng ta không thể biết thế nào là sự thật, mà chỉ có thể ghi nhận những hiện tượng như là hiện tượng. Thế giới chúng ta thực sự có quá nhiều sương khói. Và chính phân biệt này đã là nền tảng cho chủ nghĩa hiện sinh (existentialism) sau này ra đời.

Tới đây, chúng ta thử mở lại Tạp Chí Thơ, số ra mất Mùa Thu 1994. Trong các trang 35-38 có tới bảy bài thơ của Khế Iêm. Điểm chung của bảy bài thơ này là không có nhân vật. Không có “tôi.” Không có “em.” Không có “chàng.” Không có “nàng.” (Nơi đây chúng ta không bàn chuyện hay dở, chỉ muốn tìm ra vài đặc điểm phân biệt.)

Đặc điểm không nhân vật này phần nào tương tự với phong trào Tân Tiểu Thuyết (Nouveau roman), một phong trào đôi khi còn được gọi là phản-tiểu thuyết (anti-novel, theo ghi nhận của Katherine Baker Siepmann trong *BenétReaderEncyclopedia*, ấn bản thứ ba). Không phải vận động này gạt bỏ nhân vật, nhưng nhân vật nơi đây có khi vắng bóng, có khi bị bóp méo, có khi mất cá tính, có khi không tên.

Thử trích bất kỳ một bài thơ nào trong các trang này, thí dụ bài “Tìm Kiếm,” trang 38.

Tìm Kiếm

*tu hơi bìa
đá chiếc lon ra ngoài*

*thốc tháo nốt nhạc rời
phân kịch hoang phế
tìm kiếm
cứ mờ mịt mãi rồi cũng có ngày phải sáng tỏ*

*về thuở khốn cùng
sống ngắc ngoải
cầu bơ cầu bất*

lóc cóc

vẫn biệt vô âm tín.

Từng câu một là những mảnh màu chưa thành hình dạng, chỉ có hành động mà không nhân vật. Vấn đề trước tiên người đọc có thể nêu ra rằng ai là chủ thể những hành động này. Nơi đây chúng ta thấy rằng không còn cái gì gọi là “nhà thơ,” cũng không còn cái gì gọi là “thế giới hiện tượng mà nhà thơ dùng ngôn ngữ ghi lại.”

Nếu gọi là “có nhân vật,” thì nhân vật nơi đây là cái gì “đang hình thành, đang trở thành.” Nghĩa là vẫn gọi được là “chưa lộ diện, hoặc là đang ẩn mặt.”

Trường hợp này không phải là một đảo ngược cái thế giới thơ cũ, nhưng là một chìm đắm sâu hơn vào dòng sống. Không có người nhìn về hiện tượng để ghi lại nữa, nhưng là người đọc không thấy được nhân vật vì “anh ta/cô ta” đã lặn ngụp vào làm một với dòng sống.

Ở một nghĩa khác, đây cũng là một chất vấn về cái “nhân vật đã hình thành” trong các thế giới thơ trước kia. Đây là một ngõ vực hiện thể. Một thắc mắc, một xao xuyến, một suy nghĩ muốn bắt chụp lấy đời sống.

Nhân vật trong thơ Lý Bạch và Nguyễn Du nêu trên là “cái đã hình thành và cố định.” Còn trong bài thơ vừa dẫn thì chủ thể là “cái đang hình thành và bất định.”

Chúng ta có thể lật số Tạp Chí Thơ trên tới trang 67, và đọc một bài của Nguyễn Hoàng Nam:

Manager Đã Chặt Cây

*ngáp oải. sáng chủ nhật xa hoa
ám ảnh chuông báo thức
ôm nhau. mơ màng chim hót xa*

Hoặc lật tới trang 88, đọc một bài của Hoàng Phủ Cường:

*Mùa Đông
chiếc ghế dài, cành cây, sương mù mùa đông
nhắm mắt lại
nỗi chết như điều kiện sống*

giấc mơ
 tựa tấm gương xa
 rạn chưa kịp vỡ
 mỗi sáng soi thấy trăm khuôn mặt
 đỏ vàng lam chàm tím
 giấc sáng còn
 khua xanh sớm mai

Thời của chủ nghĩa hiện sinh thực sự qua rồi, nhưng ảnh hưởng của nó vẫn ghi dấu trên nhiều thử nghiệm mới của văn chương thế giới. Ba bài thơ trích dẫn trên từ Tạp Chí Thơ số Ra Mắt là những điển hình cho những tình cảm xao xuyến đó, những ghi nhận về cách nhìn một thế giới đang hình thành, một cái gì bất trắc mà nhân vật thì không rõ nét.

Ngay cả đến bài “Bến Lạ” của Đặng Đình Hưng trang 14-15, cũng số báo vừa dẫn, mặc dù dài hai trang với năm chữ “tôi” và một chữ “anh” nhưng cũng là một “thế giới đang hình thành,” một xao xuyến, một nỗi ngỡ vực. Cái “tôi” và “anh” trong thơ Đặng Đình Hưng vẫn như ẩn hiện, vẫn xa lạ với cái *nhà thơ* nhìn người đẹp và ngợi khen áo như mây và mặt như hoa.

Thử đọc một câu của họ Đặng:

Bến lạ ngay gầm jường mưa to ngay ở gầm bàn và trong hòm mọi người chở một con tàu navir trọng tải những hình thù Hồng hải cảng lên những cái yếm mùi nồng của đám cưới năm ngoái hong ra khoe và đã đi--những cột đèn đứng lại.

Thế giới thơ của họ Đặng là những tảng màu chồng lên nhau, làm mất hình dạng lẫn nhau và nhòe ra, một cái gì của đời sống đang chuyển động. Không phải là một thế giới đã xong, mà là nhiều thế giới chập chùng lên nhau, một cái trở mình của dòng sống.

Và như vậy, thơ của Lý Bạch và Nguyễn Du là thơ của một thế giới đã hình thành.

Và thơ của thế hệ chúng ta như dường nhiều phần vẫn là thơ của (không phải một, không phải nhiều, vì vẫn bất định) thế giới đang hình thành, nghĩa là “thơ của những cái chưa biết trọn.”

Và phải chăng
 thơ của những điều chưa biết
 mới thật gần
 với số phận (của chúng ta)?

Phan Tấn Hải

HUỲNH MẠNH TIÊN

Cuộc Chiến Hôm Nay

Lòng trống quá
 Tình kia ập mép
 Hương sắc giai âm cúc cõi tuôn trào
 Lòng trống quá
 Chẳng vang gì cả
 Nội tâm sôi sục. Vũ trụ vung nổi

Lòng trống quá
 Song chiều xa lộ
 Trăm vết pha quăng không hốt hết màng mù
 Kính chiếu hậu
 Bỗng hồn hủ lậu
 Móp méo vương tròn thành chuyện...rủi may

Lòng trống quá
 Không vương lý giải
 Lưỡi đam mê, hương ẩn ức bay vòng
 Cổ đã bày
 Lầu thơ đã chiếu
 Chủ hộ vườn bên ở vậy thờ chồng!
 Vương miện lấp lửng
 Giữa vàng (nhận) và máu (cho)
 Hương hỏa nhà trên một kỷ bao hồng?

Lòng trống quá
 Mà lòng không sụp
 Lăn gót mực đau chữ nghĩa tòng quân
 Lòng trống quá
 Nhưng lòng không sụp
 Giòng đen luân vũ, ý đỏ lên đàn

Mở một chân trời--khác chi
 Đãi vàng giữa suối rừng hoang
 Xệ vai thập giá treo thang bơi mỡ
 Xuất gia cầu đạo (cạo đầu) chuỗi tràng bình bát
 Mở một chân trời, Bạn ơi
 -- Thủ kỹ hành trang
 Bản lĩnh / Tấm lòng:
 CUỘC CHƠI NÀY CÒN NHIỀU BẤT TRẮC

Tchernobyl

10 năm sau / 100 năm sau...

“Một phút im lặng...”
 Lời phát ngôn viên
 Đài 1(*)

Một phút im lặng
 Cho Bé Ukrainien
 Cho cái sống từng giây
 Cho cái chết từng ngày
 Cho Tchernobyl hôm nay

Một phút im lặng
 Cho loài người văn minh
 Ngậm miệng. Làm thinh

Một phút im lặng
 Cho những người không
 Đọc thơ
 Làm thơ:
 Lò nguyên tử họ mỗi ngày mỗi to

(*) Đài TF1 bên Pháp.
 Huỳnh Mạnh Tiên

TRIỀU HOA ĐẠI

Khói Ám

cất dấu những rỗ rảng
trắng soi
như lòng lãng quên

chẳng biết đợi chờ ai
đêm rơi mơn mõi
như gió bão

khóa kín đời tôi
trong một ngăn kéo cũ
mốc thối mùi chuột chù
lạnh phiến băng
rầu rĩ

chẳng biết đợi chờ ai
vẫy gọi
quanh mình ám khói un

lửa thờ ơ ngọn ngút
cháy, nghe như muộn màng
em giờ bao nhiêu tuổi
đá hững hờ
quanh năm

Trú Mưa

Hiên mưa. Trú, ỉn nhớ người
có nên thơ thẩn
quanh đôi sáng nay?
tĩnh chưa
tĩnh dậy cơn say
vung tay
vỡ
bóng
động ngày
vừa vun

ĐỖ QUYÊN

Khúc Đối Thoại Bất Thành

(nhân vật: Thơ, Tiếng Vọng CLV và Tôi - một người đang viết thơ cho năm 2000)

Tiếng vọng CLV:

Trong đối thoại thơ
tiếng vọng không có vai trò.
Âm thơ không thể là vọng lại
Nó đi thẳng
tới người đối khẩu.

Thơ:

Người từng tự thú:
Lật trái trang thơ may ra mới nghe được đời.

Tiếng Vọng CLV:

Tôi đi
Tôi chỉ còn để lại
Để lại một câu thơ, một lời tạ tội.
Đã đủ chưa?

Thơ:

Hoặc là thừa câu thơ
Hoặc là thừa lời tạ tội.
Nhà thơ đích thực thì muôn đời là người vô tội.
Những câu thơ của hấn không phạm lỗi đời ở khắp nơi.
Ta cho người rút lại
một trong hai điều vừa để lại
trước khi đi.

Tiếng Vọng CLV:

Tôi không muốn có đối thoại mới theo câu chuyện cũ
dù phải bằng tiếng vọng của thơ mình.

Thơ: (hướng về phía Tôi)

Còn người, sao mãi lặng thinh
Lặng thinh không là thơ!

Tiếng Vọng CLV:

Tôi không còn muốn để lại những bài thơ phải nháp

Thơ: (vẫn hướng về phía Tôi)

Tiếng thơ từ thế kỷ 21 đâu?

Khi thơ cần đối thoại

Nhà thơ có thể lắng tâm

chứ không thể để thơ mình tâm lắng!

Tiếng Vọng CLV:

Tôi không còn muốn “làm con công thơ xòe cái đuôi ngôn ngữ của mình”

Thơ tôi sẽ có lưỡi.

Thơ: (càng hướng về phía Tôi)

Xoàng thay cho các nhà thơ nhận đơn đặt hàng của thời đại

toan làm bản lề thế kỷ

Khi họ hạ xong vẫn thì cánh cửa lịch sử đã nhòa nhập vào bức tường thời gian.

Tiếng Vọng CLV:

Thơ tôi sẽ không cần, vì ai để xoay chiều ngọn bắc

Với thế sự thơ tôi nếu còn có nó sẽ vô tích sự mà thôi.

Hơn hết cả, thơ là để làm tôi thở được dưới đời.

Vâng, thơ tôi sẽ thôi “thương cho những thế kỷ vắng anh hùng”,

Nếu còn thơ tôi sẽ...

Thơ:

Anh hùng là gì?

Với ta

là đoạn đầu dài.

Tiếng Vọng CLV:

Nếu còn thơ tôi sẽ...

Thơ:

Đừng hứa hẹn!

Tự thơ đã là tương lai.

Thơ cũng không cần có ở những nơi đã có người làm thơ.

Ta xin rút lui.

Ta cũng đã nhầm:

Không có đối-thoại-thơ

Nhà thơ chỉ cần đối thoại với chính các bài thơ của hấn.

Này,

các nhà thơ,

hãy một mình ở lại với các bài thơ của mình.

Montréal, 1.5.96

Làm Thơ

Như Nói Với Một Người

Đỗ Quý Toàn

Lúc sinh tiền nhà thơ Xuân Diệu có lần tự giới thiệu “Đặc sản của tôi là thơ tình.” Nhưng ông cũng làm thơ về nhiều đề tài khác, mà trong đó ông không bày tỏ các rung động hay niềm hưng phấn bình thường của thơ tình.

Có một tác giả chỉ làm thơ về tình yêu, đó là Trần Mộng Tú. Đọc Trần Mộng Tú người ta thấy bài thơ nào cũng như để nói riêng với một người nào đó. Thơ kể chuyện tình yêu, nói với người yêu, nói về một người yêu. Một chiếc lá, một tách trà, một tảng đá, ly nước lạnh, viên sỏi, những cánh tuyết tung bay như bướm động mùa, hay những cơn sóng cuộn nhau ngoài biển, đều thúc dục bà nói chuyện với người yêu, kể chuyện tình yêu. Buổi chiều làm cơm, ở Issaquah, Trần Mộng Tú nhìn đến lá hành, sợi miến, chén nước mắm, con cá rán, đều gợi những hình ảnh của một người yêu. Ngôn ngữ của chúng ta giàu có thêm với “núi tình tứ”, “gió mềm như tóc thời con gái”, “mùa xuân đứng thách hôn - mùa xuân tới trạm ngõ,” hay “ngực rám hồng hương Sunkist thơm căng”, v.v. Nếu thi sĩ không viết về tình yêu thì chúng ta không có những ngôn ngữ đó.

Nhiều người may mắn đọc thơ cảm thấy như bài thơ nói với chính mình. Tôi gặp một nhà văn đã đọc thơ Trần Mộng Tú, hỏi cảm tưởng của ông như thế nào. Ông nói “Ngay cả khi tôi không quen Trần Mộng Tú, đọc thơ tôi vẫn có cảm tưởng như nó (bài thơ) đang nói với chính tôi, như tôi đang được nghe một người yêu nói với mình.” Đọc một bài thơ như vậy, cả người đọc và người làm thơ đều may mắn. Chắc hẳn đã có nhiều người đọc thơ Trần Mộng Tú cũng chia sẻ cảm tưởng đó. Ở Praha, nhà thơ Trần Hồng Hà một lần hỏi “Anh biết chị Trần Mộng Tú không? Năm nay chị ấy bao nhiêu tuổi?” Tôi không biết, chỉ có thể cho nhà thơ đọc một bài văn, lá thư Trần Mộng Tú viết cho con gái đã lớn, đăng trên tạp chí *Văn Học*, “Bao giờ chú qua Mỹ chơi, anh sẽ nói chị Tú giới thiệu cho cô con gái của chị ấy.” Nhắc lại chuyện này để nhớ thương Trần Hồng Hà mà

tôi không bao giờ gặp nữa.

Nhưng khi làm thơ, các thi sĩ có thật sự nghĩ đến riêng một người (may mắn hay không may) nào đó chẳng? Chắc chúng ta phải phỏng vấn nhà thơ, không phải về việc làm thơ nói chung, nhưng về một bài thơ cụ thể nào đó. Cái ông ở New York là nhân vật nào vậy? Chắc thi sĩ sẽ không chịu tiết lộ nguồn cảm hứng của mình, cũng như nhà báo bảo vệ nguồn tin.

Nhưng chúng ta có nhất thiết phải phỏng vấn nhà thơ, và liệu nhà thơ có biết sự thật về chính thơ của mình hay không? Thật sự có riêng một người cụ thể, riêng biệt nào để thi sĩ nói đến không? Hay chính thi sĩ đã tạo ra hình ảnh một người, bằng cả thế giới và đời sống đã đi qua chính mình? Chúng ta cứ tưởng các thi sĩ làm thơ chỉ vì có “người đi qua đời tôi”. Nhưng thật sự thi sĩ cần phải đón nhận cả thế giới, cả cuộc đời, “đời đi qua người tôi” rồi mới tạo ra thơ. Hỏi thi sĩ “Cái ông được dẫn ra bờ hồ xem vịt tên là gì?” thì nhà thơ có thể trả lời ngay không sợ lầm lẫn, “Đó là cuộc đời, là sự sống tập khởi thành hình. Đó là mặt hồ, là gợn sóng, là núi, là sương mù, tất cả thu lại trong hình ảnh một người.”

Trong một cuộc nói chuyện với Eckermann nhà thơ J. F. von Goethe bảo: “Tôi chưa từng nói một điều nào mà chính tôi chưa sống qua, mà nó không thôi thúc tôi phải nói ra. Tôi chỉ làm thơ tình yêu vì tôi đã yêu...” Đồng ý rằng khó làm được thơ tình nếu người ta chưa yêu, nhưng điều đó không có nghĩa là khi làm bài thơ tình này thì thi sĩ đã phải trải qua kinh nghiệm tình yêu đúng như bài thơ đó kể. Hỏi đích danh thì chưa hiểu người làm thơ.

Vả chẳng không ai muốn hỏi những câu hỏi vô duyên, như Hồng Y Ippolito đời thế kỷ 16. Khi nhà thơ Lodovico Ariosto kính cẩn đề tặng Đức Ngài tập thơ “*Tình Điên của Orlando*” (*Orlando Furioso*), chủ nhân chỉ hỏi viên thư ký của mình một câu: “Con tìm đâu ra mà lảm chuyện đến như vậy?” Ariosto không thể báo cáo là tất cả các cuộc phiêu lưu của Orlando mà ông kể, chính ông đã trải qua. Nói vậy chắc là nói dối. Nhưng ông cũng không thể thú nhận là tất cả chỉ là chuyện bịa đặt, lại nói dối nữa.

Một bài thơ Trần Mộng Tú tôi chắc ai cũng nhận ra là thơ tình:

*Thân thể em
soi gương đã cũ
trái đất ôm mấy chục vòng quay*

*Sao
vuốt ve anh
mỗi ngày một mới
Có phải
mỗi ngày
anh đổi
một bàn tay*

Thi sĩ đang nói với một người, người thật, được mô tả là có cả tay chân, mỗi ngày một mới, có một người đúng như vậy hay không? Cái kinh nghiệm sống và yêu đương (chắc hẳn đã trải qua, như Goethe nói), đã xảy ra nhiều lần, nếu không phải là mỗi ngày, kinh nghiệm đó nhà thơ có trải qua thật hay không? Nếu chúng ta đặt câu hỏi đó chắc hẳn thi sĩ sẽ không nói. Không nói chẳng phải vì nhà thơ không muốn, không biết hay trí nhớ không còn nữa tiếp.

Mà thật sự là vì, Thơ, không nên hỏi về Thơ với những câu như thế. Có thể hỏi thi sĩ những câu lảm cẩm như vậy, để nói chuyện gì khác, như bạn thân đùa nhau cho vui. Nhưng nghiêm mặt, hắng giọng, hỏi một câu như vậy về Thơ, thì không thể nói chuyện Thơ được. Nhất định không thể nói chuyện Thơ với một người đặt câu hỏi đó được.

Bài thơ hiện lên như vậy, nó ở ngoài tầm tay của thi sĩ. Đã nhiều người làm thơ nói “Tôi đâu có làm thơ, Thơ nó làm tôi.” Nói như nói chuyện bị ma làm. Juan Ramón Jiménez kể “*Yo no soy yo.*”

Tôi không phải là tôi.

Tôi là nó.

Nó sáng tạo, lặng im, trong khi tôi nói

Giống như Pasternak viết “Trong nghệ thuật, con người im lặng, hình ảnh nói.” Nhưng có ai tạo ra hình ảnh, hay nó tự tạo ra? Cái nhân vật được gọi là Anh, (có phải mỗi ngày anh đổi một bàn tay) là sản phẩm do thi sĩ sáng tạo ra, nhờ thi sĩ mà ra đời. Chính cái cảm giác “mỗi ngày mới mẻ” trong bài thơ đã tạo nên nhân vật này. Chính vì người đọc đồng cảm được cái cảm giác đó mà sinh ra nhân vật này. Nếu thiếu những kinh nghiệm đó thì nhân vật không thành hình. Khi T.S. Eliot viết về tiếng nói Thơ như nói với một người nào đó, riêng một người nào đó, ông đã dùng óc phân loại văn chương của một thầy giáo dạy văn, chứ không phải qua kinh nghiệm sống của một nhà thơ. Mà ông cũng chủ trì rằng bài thơ nào cũng có ít nhất hai tiếng nói, nhà thơ thế nào cũng nói với chính mình, và chắc hẳn cũng nói cho một người nào đó nghe. Phân tách chủ thể và đối tượng là một sự phân biệt giả tạm.

Trong “Tố của Hoàng ơi nhớ thương!” Tố cũng là Hoàng. “Khi anh chết các em về đây nhé”, các em cũng chỉ là một người thôi. Anh ơi, nàng ơi, chính là mình. Ngôi thứ hai đại danh từ có mặt vì ngôi thứ nhất có mặt, vì bài thơ có mặt. Sao vuốt ve anh mỗi ngày một mới? Rung động mạnh nhất bài thơ gợi ra và để lại trong ta không phải là một người, Anh. Cũng chẳng phải bàn tay. Mà chính là cảm giác của người đọc bài thơ. Cảm giác đó phải có sẵn trong ta, chờ bài thơ thể hiện ra. Gottfried Benn nói là “Thơ trữ tình không có một đề tài nào khác, ngoài bản thân thi sĩ.” Ngoài bản thân người đọc, phải nói thêm.

Bài thơ hỏi sao cái vuốt ve mỗi ngày một mới, hay mỗi ngày anh đổi một bàn tay. Nhưng chỉ có thân thể thật sự đang đổi mới, đang hồi sinh. Mà thân thể con người có lúc nào không đang sống lại? Vì thân thể lúc nào cũng hồi sinh nên bàn tay thành mới mẻ. Chúng ta sống lại, mới mẻ từng giây phút một. Nhìn thân thể mình trong gương làm cho thân thể mới lại, nhìn và khám phá. Trái đất xoay quanh như một chuyển động tạo nên thân thể mới. Nhưng đâu cần soi gương mới thấy mình mới mẻ. Mỗi phút giây có thể thấy chính thân mình mới mẻ, khi ta đang sống thật sự trong xác thân mình, để hồn và xác trở thành một, đầy ngập và trống không.

Sao vuốt ve anh mỗi ngày một mới. Nhân vật Anh này không nhất thiết có tên, tuổi, và địa chỉ. Cảm giác mới, sự sống mới, mỗi ngày đều mới là “nhân vật” chính trong bài thơ. Sự sống luôn luôn là mới mẻ nếu như chúng ta trong mỗi giây phút đều đặt hết mình trong sự sống.

Điêu đó nghĩa là như thế nào? Thật khó giả nghĩa như nhà giáo dục văn. Những giây phút sống hết mình, ở đó, vào lúc đó, giống như kinh nghiệm người ngưng thở. Nhắm mắt, nín thở trong một phút, sẽ thấy cả con người mình đòi sống mãnh liệt, sống đầy đủ từ đầu đến chân, tâm cảm và thân cảm thấy là một. Nhìn một bông hoa nở, nghe tiếng chim gõ trên mái nhà bằng gỗ, hay gần gũi một người mình yêu, đều có thể tạo cho chúng ta những giây phút sống hết mình như thế. Bài thơ sẽ tự nó sinh ra khi chúng ta mở cửa, để sự sống thể hiện, hết mình, như thế đấy. Nó tới đây, từ đầu, trong trẻo, khoác bộ áo hồn nhiên (*Vino, primero, pura - vestido de inocencia* - Jiménez)

Những tiếng Anh và Em trong bài thơ sau cùng chỉ là ngôn ngữ. Ngôn ngữ có linh hồn nhờ chúng ta đã sống. Trước hay sau khi làm bài thơ, thi sĩ có thể nhớ tới một nhân vật. Nhưng chính bài thơ không nói chuyện nhân vật đó. Nó hiện lên từ một giây phút sống tận cùng nỗi sống, và nó phải tạo ra cho người đọc thơ một giây phút bàng hoàng, muốn sống hết kiếp người trong khoảnh khắc. Bài thơ đến, khoác bộ áo hồn nhiên, chúng ta bước vào đó với tấm lòng nguyên mới. Có ba thứ tiếng nói trong thơ như Eliot phân biệt hay chẳng? Tôi sợ rằng chỉ có một. Đọc thơ, chúng ta buông trôi vào trong cái một, trong cơn sóng về thân xác hồi sinh, *vino, pura, vestido de inocencia*.

Tháng Năm 1996

HỒNG KHẮC KIM MAI

Ngày Lạnh Bến Tiên Sa

Ngó hoài
Không chán mắt
Vành vương miện
Kết trên đỉnh đầu núi
Em nói đó là cô dâu

Cãi hoài
Không mỏi miệng
Vành khăn đóng
Anh kêu là chú rể
Em nói đó là biển sâu

Run hoài
Trên bãi vắng
Gió mùa đông
Vi vu cành dương liễu
Nâng niu tình yêu ban đầu

Che hoài
Cát vẫn bay
Trời vẫn say
Áo dày không đủ ấm
Mình hôn nhau cho lâu lâu

PHẠM TƯỜNG VÂN

Đừng Nghĩ Nữa...

Đừng nghĩ nữa...
Gió chẳng xanh bằng lá
Người đi trống một khoảng không
Ta rồi cũng phải thua không khí

Đừng nghĩ nữa
Nhớ thì về
Thương thì tìm
Tơ tình đôi ba sợi
Sợi vắn sợi dài
Tơ tình chẳng dai hơn tơ nhện

Nào buộc được ai...

Đừng nghĩ nữa...

NGUYỄN QUYẾN

Con Đường Trong Mưa

Dâng lên những đám mây đen đánh đấm bóng đen nghi ngờ
 của những con mắt giả
 Như những con cá đen lút sâu trong vòm sáng
 Những đám mây chậm chạp tuần vào thành phố
 Nơi những vòm cây không tin vào những tầng rế thấp
 Nơi những ngôi nhà sợ hãi mang những cột thu lôi

Chống lại cô đơn chúng ta ngủ với nhau trên chiếc giường hẹp
 Với những bữa ăn cuống cuống bên cạnh chiếc áo tắm nằm
 chết như một con chim
 Âm thanh chỉ còn bộ lông rục rờ chết đi trong cơn khát
 Và những cơn khát âm vang vọng dậy
 Sau khi đã mỗi mòn tìm kiếm sự phân tán hồi ức âm thanh
 Và ánh sáng giả đã lịm đi trong vòm cong thành phố
 Khi đám mây mang sấm sét ngang qua

Như hồi thúc một niềm nhân ái mới
 Một người đàn bà ra khỏi mái hiên
 Kiêu hãnh bước đi không chờ một ngôi nhà ngổ của
 Và tiếng gõ sẽ vang lên trong bóng tối chúng ta

Người đàn bà ẩn hiện trong mưa
 Trong giấc ngủ nín câm của thành phố
 Mưa tắm rửa cho người đàn bà và bóng đêm vụt đen linh động
 Những đám mây trôi theo như bầy chim lớn
 Vỗ cánh vào giấc ngủ chúng ta

Và khi người đàn bà sẽ gục xuống vì lạnh
 Một tia sét rống lên hân hoan gầm vỡ bóng đêm
 Chúng ta rùng mình cắn phải lưỡi trong khi ân ái
 Nhưng con trẻ không chịu nổi luồng âm thanh lớn
 Chết ngay trong nôi bé bỏng của mình

Tia sét chói ngời phóng thẳng xuống người đàn bà
Như lưỡi gươm sáng cắt ngang những đám mây đen
Thịt da người đàn bà rực sáng hắt hào quang lên thành phố
Trong khoảnh khắc chúng ta thấy khuôn mặt người tình

Như nhận nỗi đau từ cảm dỗ tương lai
Ánh sáng thiêu cháy thịt da người đàn bà và cùng tan biến
Chỉ còn những cơn mưa hoa từ trời cao đổ xuống
Trái đất được xúc hương bởi lầm lỗi của mình.

(.....)

Sống lại thế gian
Khi tôi vớt nàng lên từ đáy nước
Như đồn tới hào quang xưa chúng ta thấy được
Đầm ìa tỏa quanh nàng
Da nàng sáng trắng như một bờ mây nổi
Đính những vành hoa lên đỉnh nắng trời

Và thắm cỏ cưới giấu kín chúng tôi
Đam mê ngủ với người đàn bà đã chết
Nàng không còn tiếng gọi của vòm đồi hay khuôn ngực
Khi nước đã thành rượu trên thân xác của nàng

Không cảm giác nào chống lại máu thịt tôi
Cuồng nhiệt lút sâu vào tiệc cưới
Không có chúc tụng, không có reo mừng
Khi thời khắc xưa còn chưa tỏ lộ.

LÊ GIANG TRẦN

Chiếc Bóng Quê Hương

Em hãy thắp ngọn đèn bên sông vắng
để chiều hôm nhìn thấy lạnh ngàn lau
đóm lửa mù u lao chao trong lòng kiến cắn
con cá quẫy trên sông tưởng tiếng mái em chèo.

Em hãy thắp sao Mai vào ngọn trúc
để đêm nằm đưa vông nhớ xa đâu
gốc tre măng kẻo kẹt nghiêng thêm rầu
sao chớp nháy trên trời như rớm mắt.

Nhớ tưới nước cây sầu riêng trồng trước cửa
đắp chum ba bụi chuối mé sau chuồng
cho thơm riêng đời em sầu ắp ngực
rung xạc xào buồn tủi dú trong tim.

Em hãy hát đưa em chiều nắng tắt
thả cánh diều ngậm sáo thổi ban trưa
cho con kiến mùa mưa về dọn ổ
tha trứng tìm gò đứng lại ngẩn ngơ.

Em hãy dọn cơm chiều lên ngựa gỗ
cá canh thơm nhớ đậy kín lồng bàn
con ruồi đói vo ve vành mâm hờ
chạng vạng đốt đèn nhớ niệm Phật thắp nhang.

Em hãy hát cho mặt trời say mị lúa
cho ruộng thơm mùa sữa đọt đồng đồng
cho anh nhớ mắt em cười sáng rực
chiếc giường tre lỏng nẹp nhịp đình long.

Con sò trai ngậm ngọc nuốt cười
anh cũng ngậm nỗi sầu không cạy miệng
sầu dưới biển có vôi vò nên ngọc
sầu nhân gian sao mòn héo trái tim người.

Đời trôi dạt sống tình cây nhớ cội
thương xin đừng viết chữ lạnh như gương
cho anh đọc đứt ra từng khúc ruột
thấy đời như tuồng tích hát thương tâm.

Em cứ thấp ngọn đèn bên sông vắng
treo trăng sao đầu ngọn trúc ngọn tre
hát đưa em lắc võng giữa trưa hè
dọn cơm nước bày lên ván ngựa
thấp nhang ông bà niệm Phật thành tâm
nước ngàn sông sẽ chảy về nguồn cội
chim lạc bấy bay trở lại đồng xanh
con ba khía, con cua, con rẹm, con còng
ăn trái mấm sẽ trở về rừng mấm
huống hồ chi người xa quê nhớ ruộng
trở về, tay bụm nước uống như hôn.

Ôi chiếc bóng quê hương theo chân đời viễn xứ
có nhiều khi như vợ khóc níu chân chồng.

Bến Xe Đò

vào ra cái bến xe đò
 xe ra inh ỏi, xe chờ nằm im
 có hôm đổ xuống phố quên
 những oan khiên mới, những tình tội xưa
 có ngày đến ít đi thưa
 buồn tanh quán vắng lại mưa xám trời
 có hôm lính tráng xa xôi
 ào về gió bụi còn mùi phương xa.

Bến nào cũng lắm xót xa
 ăn xin sống quẩn ngã ba góc đường
 có cô xuống bến hỏi đường
 dung nhan ử dột mắt buồn man man
 có chàng bị túi than van
 đường trăm vạn nẻo, đời thang thuyền dài
 có em mặt ngọc mảy ngài
 ngác ngơ lơ kéo, bác tài xế vây
 có giang hồ dạt về đây
 qua đêm uống rượu, khướt say lên đường
 có khuya tiếng guốc má hường
 lượn qua lượn lại trên đường ngớt mưa
 có ngày bến vắng lừa thưa
 tiếng rao hàng gánh giữa trưa vội buồn.

Bến xe nhộn nhịp sáng chiều
 kẻ lên người xuống lúc nhiều lúc vơi
 bến đi, dậy tiếng thúc còi
 bến về, rân tiếng nói cười đón nhau

chuyến thanh xuân đã rời lâu
 chuyến đời tài chót xôn xao gọi mời.

Lê Giang Trần

Nói Chuyện Với Đỗ Kh.

Thụy Khuê thực hiện

T.K: Anh Đỗ Kh., anh là người cầm bút sống ở ngoài nước và có nhiều dịp để về nước, xin anh cho biết tình trạng thơ ca ở trong nước và tình trạng thơ ca ở ngoài nước hiện nay ra sao?

Đ.K: Theo tôi thì tình trạng thơ ca trong nước hiện nay đầy hứa hẹn tuy là nếu nhìn lại nửa thế kỷ vừa qua thì có hơi trống vắng. Ba mươi năm chiến tranh và hai mươi năm đóng cửa là tình trạng chung của cả nước về tất cả mọi mặt, văn hóa cũng như v.v.. kinh tế này kia. Nhưng có lẽ trong ba mươi năm chiến tranh thơ là ăn bom nhiều nhất cũng như trong hai mươi năm đóng cửa thơ là bị ăn đòn nhiều nhất.

Rất may là trong cái sa mạc này vẫn có những ốc đảo, kể cả những ốc đảo thật và những ốc đảo do ảo ảnh sa mạc gây ra. Đây đó vẫn đếm được nhiều tòa nhà, thấy được những công trình xây dựng quan trọng nhưng những công trình này, những tòa nhà này không đủ để làm nên một thành phố. Một thành phố phải là những con đường hội tụ và tôi có cảm tưởng chỉ có thế hệ lớn lên và thành niên trong thời kỳ đổi mới, nghĩa là vào cuối thập niên 90 này mới là những con đường đang hình thành nhen nhúm đó.

Ở ngoài nước thì khác hẳn. Ba mươi năm chiến tranh ở trong nước cộng với hai mươi năm đi ra ngoài tự đóng cửa tôi nhìn tôi trên vách, tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ, khi tôi chết xin mang tôi ra biển v.v...tôi thấy hình tôi những miếu đền làm cho thi ca hải ngoại không những đã trống vắng lung linh mà còn hoàn toàn không có một hứa hẹn gì hết. Theo tôi thì, đây là một nền thi ca bảo tàng trân trọng những kỷ vật không đáng quý.

Mới qua, nhân lúc về nước tôi có dắt con tôi đi chơi sở thú ở Hà Nội. Trong đó có một con voi không còn nhúc nhích được nữa, bị xích cả bốn chân vào bốn góc; một con sư tử rất là tội nghiệp ốm đói; có cả mấy con mèo nữa, không phải là mèo rừng hay là mèo hoang mà là thứ mèo nuôi trong nhà, nhưng là mèo tây, mèo xiêm hay mèo thái, chắc bởi vì lạ nên mới được chng trong chuồng sắt với bảng đề cẩn thận “Cấm thọc tay

vào, coi chừng bị cào”, tôi có cảm tưởng đây là hình ảnh thơ ca Việt Nam ở ngoài nước. Đó là chưa nói, dĩ nhiên, sở thú nào cũng có rất nhiều khỉ.

Tóm lại, trong nước không có gì nhưng có tương lai. Ở ngoài nước không có gì, chẳng những đã không có tương lai mà không có cả quá khứ gì đáng nói nữa.

T.K: Có thể nói có sự lạm phát thơ trên báo chí không?

Đ.K: Tôi không nghĩ vậy. Ở trong cũng như ngoài nước có nhiều thơ trên báo chí, cũng như có nhiều hình người mẫu, hoa hậu vậy, có càng nhiều thì càng tốt thôi. Đó là chuyện rất tốt. Năm nay thì hơi trễ rồi nhưng sang năm tôi nghĩ thế nào cũng có người xuất bản lịch thơ, khổ lớn 12 tờ giấy láng, hay là khổ nhỏ mỗi ngày một bài để bóc, 365 bài kiểu Tam Tông Miếu.

T.K: Nói một cách nghiêm chỉnh hơn, về quan niệm thơ của Đỗ Kh., anh làm văn khác làm thơ như thế nào, và trong thơ anh, anh đặt trọng tâm lên những yếu tố gì, đại khái là hình tượng hay là tư tưởng?

Đ.K: Tôi chỉ biết làm văn khác làm thơ ở chỗ làm văn cần có cái nỗ lực và viết thơ phải có cái cảm hứng. Tôi xin lỗi chị không trả lời được câu hỏi này vì tôi nghĩ viết được thơ đã là khó rồi, nếu còn phải quan niệm nữa thì...quá khó. Việc làm thơ của tôi chỉ có một yếu tố là nguồn hứng. Mượn câu “Có nhiều khi tôi quá buồn” của Hoàng Phủ Ngọc Tường, những khi tôi quá buồn thì tôi làm thơ, thường là những lúc đêm đang lên hay những khi chiều xuống.

T.K: Về tình hình người làm thơ, có vẻ như là rất nhiều người không rõ bản chất thơ?

Đ.K: Đây là chuyện vô cùng, chính tôi cũng không rõ bản chất nữa. Nhưng tôi nghĩ người làm thơ không rõ bản chất thơ cũng không sao, không sao hết, miễn có làm là quý rồi. Nhưng những người phê bình, tuyển chọn, biên tập thơ mà cũng không rõ bản chất thơ thì là điều nguy hiểm.

T.K: Anh là một trong những người chủ trương Tạp Chí Thơ tại hải ngoại. Xin anh nói về những vấn đề hoặc những khó khăn của Tạp Chí Thơ hiện nay.

Đ.K: Trước hết những vấn đề của Tạp Chí Thơ là những vấn đề rất là cụ thể, như kinh phí in ấn, công việc phát hành, cước bưu điện vv... Số lượng đọc giả dài hạn hiện nay là 17 người, nghĩa là số thu nhập đều đặn rất là yếu trong khi Tạp Chí được gửi đi mỗi số hàng trăm cuốn. Tỷ lệ thu nhập ở các nhà sách cũng tương đương như vậy, nghĩa là gửi rất nhiều mà thu lại...chẳng bao nhiêu. Cho nên Tạp Chí được duy trì là nhờ đóng góp của anh chị em, trong đó trước hết là anh Khế Iêm. Tuy nhiên, về đường dài, tôi nghĩ là phải có một số đọc giả dài hạn nào đó đủ để bảo đảm cho phần ấn hành. Đây không phải chỉ là vấn đề riêng của Tạp Chí Thơ mà là vấn đề của rất nhiều tạp chí ở nước ngoài...

Một vấn đề khác là Tạp Chí Thơ có nhận được rất nhiều những sáng tác thơ, nhưng các bài phê bình, lí luận về thơ thì rất thiếu. Những người chịu khó và năng nổ phê bình như Trần Mạnh Hảo chẳng hạn bây giờ rất hiếm.

T.K: Trước khi từ giã, xin hỏi anh câu hỏi chót về sự lựa chọn các bài để đăng báo, có thể nói là có sự cầu thả trong việc này hay không?

Đ.K: Tôi nghĩ ngược lại, không có sự cầu thả mà hiện nay ở cả trong lẫn ngoài nước đều có sự rất là cẩn trọng trong việc chọn lựa các bài để đăng tải. Nếu các vị chủ bút, biên tập báo mà cầu thả thì đã...may cho thơ. Cầu thả và lạm phát theo tôi là điều kiện để thơ phát triển, để những mầm móng mới lăm le, len lỏi và mạnh nha. Trên các báo hiện nay rất nhiều thơ xinh xinh quá, toàn là hoa thơm mà không có cỏ dại. Có lẽ giờ thơ không hẳn phải hay phải đẹp nữa, mà phải dở đi. Thơ, dở cũng được.

Điển hình là nếu cầm tờ Văn Học ở hải ngoại lên, chẳng hạn số Xuân Bính Tý, riêng về thơ, đọc có cảm tưởng đây là Xuân Ất, Giáp hay Canh Tý nào đó; nghĩa là vẫn thế, năm 96 vẫn là không khí rộn rịp của Sài Gòn 1972 hay 1960 gì đó, mà còn kém hơn nữa. Tức là lãng mạn tiểu tư sản thì thua Quang Dũng năm mươi năm về trước và ẻo lả bản cổ nông thì thua Bùi Giáng bốn thập niên trước đây. Tất nhiên là những tờ khác, cả trong lẫn ngoài nước, cũng vậy thôi. Tờ Thế Kỷ 21, nói về thơ, thì phải gọi là tờ Thế Kỷ 19, lục bát phải kém Nguyễn Du, có khi là Thế Kỷ 13 nữa, Đường luật ắt kém Lý Bạch, Đỗ Phủ.

Ở Long Beach, miền Nam Cali, người ta có mang về để bến một du thuyền lớn không còn đi biển được nữa, là tàu Queen Mary. Họ chuyển tàu này một phần làm khách sạn, phần làm nhà hàng nổi. Tôi thấy thơ Việt hiện nay giống như là một đám thực khách ăn mặc rất đẹp và khiêu vũ rất điệu bập bênh trên một con tàu không còn đi biển được nữa, trong khi thơ có lẽ phải là một hành trình bấp bênh và nguy hiểm trên một chiếc ghe sắp sửa vượt biên. ■

CAO ĐÔNG KHÁNH

Cánh Đồng Trầm Thủy

Mở cửa. Không gian. Mở. Thật lâm ly
 thêm mùi mồ hôi trộm
 đàn bà của tôi. Liên bang. Hiệp chủng.
 Đường ranh giới như sợi dây ảo thuật
 tháo gỡ gút mắt trắc trở
 đi thăm thế giới bằng thông hành thường trú của Hoa Kỳ.
 Nơi nào cũng có Việt Nam chật nhân loại.
 Nhìn ngắm tấm thân em bằng
 cặp mắt Chủ Đồng Tử.

*

Mùa gặt trên không trung. Mở cửa
 trại tế bần nhân loại.
 Lấy con mắt giả đập nát giữa bàn rượu
 khuya khoắt chẳng hồi tâm
 anh cúi xuống đáo đẽ.
 Cúi xuống
 mất mặt mày.
 Lịch sử vẫn tiếp tục chảy
 máu từ lỗ thị giác phế thải

*

Mở cửa kiểu cách tôi. Mở. Võ hiệp kỳ tình
 mỗi thế giới lảng giềng.
 Miếng miếng lựu đạn còn kẹt góc trái tim
 anh giữ se sắt ký ức cánh tay nảo nùng ôm
 khi anh rời châu thổ ra biển qua
 bát ngát những lãnh địa trầm thủy
 nồng nực mùi phù sa.
 Cái con Việt Nam ngoài chợ trời năm châu
 kỳ vấy đời tư nạm bạc giác vàng

*

Mở cửa New York, San Francisco, Seattle, Houston. Mở cửa
 Đồng Tháp Mười, Long Xuyên, Rạch Giá, Cà Mau.
 Cái Răng. cái Tắc. Cái Vồn.
 Trên nóc cao ốc trùng trùng đàn ông. Chót vót, điệp điệp đàn
 bà. Cái Lớn. Cái Bé.
 Những bái vật muôn năm trong góc gác con người, cái răng,
 cái tóc, cái lồn. Cái hồng vía còn tươi.
 Kẻ di tản đã ra khỏi đường chân biển
 và bao nhiêu đường chân trời không ai nhớ rõ.
 Đi hết ánh sáng. Đốt lửa ngoài giới hạn.

*

Mở cửa không trung. Mở. Vô tận.
 Những chuyến tàu chuẩn bị
 nhân công sẵn sàng
 chờ đợi giờ khởi hành. Mùa gặt hái hư vô.
 Ngọn lửa trái tim tôi hồi hộp. Ly kỳ
 dẫn vào da thịt bóng tối. xúc cảm
 nhìn về phong cách địa cầu
 nơi em ngồi rửa chân ngoài hồ sen, nắng ở đó phản chiếu
 ngang thế giới.

*

Mở cửa sông. Những trận mưa không dứt mặt trời,
 nơi em chống xuống, đi
 dọn dẹp những khu rừng mắm.
 Phù sa lục địa ửng đỏ dấu chân còng
 Anh cất phất 9 con rồng mở mang bờ cõi
 ngũ quan Thái Bình dương. Tất cả đổ mồ hôi.
 Chim kêu hạnh phúc trong tỉnh trí.
 Khi thủy triều rút lui
 bầy cá sấu đội đèn dẫn nước ngọt ra làm thịt hải sản
 Bằng tốc độ ánh sáng em đi theo dấu chân bóng tối
 Trên thượng tầng xi măng cốt sắt. Hở ra,
 dọn mình, chín tới, thơm mật, chảy nước. Rượu được.
 Đập xuống thẳng đàn ông còn sung
 cái đầu rồng hung dữ.
 Từ cánh đồng trầm thủy bao la
 dinh thự nổi linh đình trên mặt Nam Hải

quặng mở thịnh hình trong ruột đất đang thuần
chim Âu đáp xuống rợp trời
sông rạch mới đâm chồi, nảy tược,
ra bông, kết quả, trái mãng cầu dai ngọt đậm.
Thuyền không gian cập bến.
Lúa sạ mọc cao vùn vụt theo con nước lớn
Đêm trăng sao như châu ngọc kết đèn mở hội hoa đăng
Con gái sinh ra hương thơm ngào ngạt

*

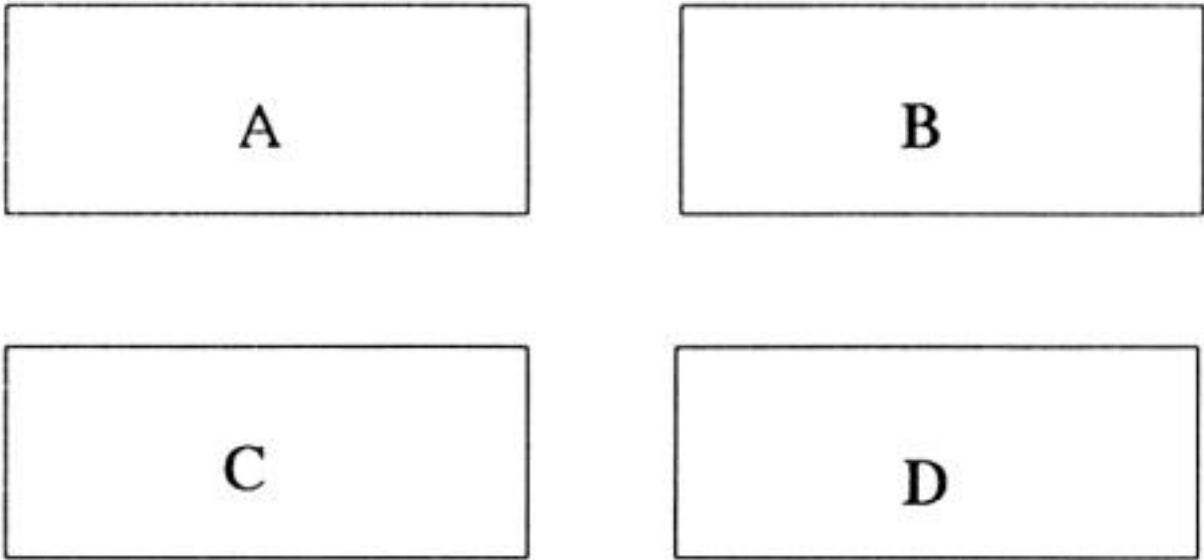
Cánh đồng Tương. Cánh đồng không trung. Cánh đồng trầm
thủy
Phụ nữ biên cương nhổ núi đánh giặc trời
Phật Nguyệt phá thiên tướng dẹp thiên binh
những gần 3000 năm trước tây lịch
chị em nhà họ Trưng, nữ tướng Hoàng Thiều Hoa, liệt nữ Trần
Thiếu Lan...
Con đàn bà của cái huyền sử trăm con
Sầm uất tiền sử người di tản
Chim Âu cất cánh rợp trời
Cây mắm dựng lên cái đầu rồng mê ly

*

Cánh đồng không trung. Cánh-Đồng-Trầm-Thủy
Em mở khóa vô biên. Anh mở chốt tinh sương.
Mâm triển lãm kỳ hoa dị thảo
cái mõ, cái chuông, cái âm, cái dương, cái con người chứa chan
phú quý
Đoàn ghe tam bản dựng lộng kết hoa
kinh rạch thấp, sông ngòi cao
đưa nàng về dinh. Chim én làm tổ
hưởng hạnh phúc 3 năm
sinh con để cái hương thơm ngào ngạt
Đi đâu cũng trở về. Mỗi năm, huyền sử, một lần
ra giêng hết sức.
Hẹn gặp nhau trên Cánh-Đồng-Trầm-Thủy

ĐỒ KH.

Bốn Sợi Lông Của Cùng Một Người Đàn Bà



Lời chỉ dẫn

- 1. Lấy 4 sợi lông
- 2. Lấy 4 băng keo
- 3. Dán vào.

*Bài Tập**

Tôi buồn ngủ như tôi buồn nôn

Thanh Tâm Tuyền

Tôi yêu đương như tôi yêu cầu
Tôi yêu cương như tôi yêu đầu
Tôi đi tây như tôi đi tàu
Tôi đi tau như tôi đi cà y
Tôi đi cây như tôi đi tàu
Tôi đi tây như tôi đi cầu?

Tôi làm tàng như tôi làm tình
Tôi làm tình như tôi làm biếng
Tôi nổi buồn như tôi nổi tiếng**
Tôi chơi đàn như tôi chơi điểm
Tôi thất tình như tôi thất đảm
Tôi bạc tình như tôi bạc đạn***
Tôi âu sầu như tôi âu yếm

Tôi mô đen như tôi mô Phật
Tôi vắng nhân như tôi vắng vật
Tôi nói láo như tôi nói thật
Tôi ăn thua như tôi ăn quịt
Tôi xa xôi như tôi xa thịt
Tôi qua đời như tôi qua quít
Tôi điểm trang như tôi điểm huyết
Tôi thổ thơ như tôi thổ huyết
Tôi nhà thơ như tôi nhà thổ
Tôi cần nhôm như tôi cần thiết

Tôi Vu sơn như tôi vu khổng
Tôi Tiêu Tương như tôi tiêu tiền
Tôi định thần như tôi định quỷ
Tôi Tiêu Sơn như tôi tiêu hủy
Tôi tráng miệng như tôi tráng sĩ

Tôi giở mình như tôi dở hơi
Tôi buồn ngủ như tôi buồn cười

03/96

* Tựa của tập thơ Nguyễn Chí Hoan

** Nguyễn Bính, theo Tuấn Vũ: “Hai người sống giữa cô đơn / Nàng như cũng có *Nỗi* buồn giống tôi”.

*** Apollinaire: “Sous le pont Mirabeau coule la bielle”..., dưới chân cầu Mirabeau bể bạc đạn.

QUYỀN THI

Thơ Thực Tại

1- Thơ Phương Đông

Người ta sùng bái kinh điển
 Bước chân khai phá
 Dừng lại
 Bao ngọn núi kèch sù
 Chấn lối
 Ý tưởng không thể nghèo nàn và cô đọng
 Lẩn quẩn trong ngôn từ tù túng âm và điệu
 Xám ngắt như miếng cơm giông bạo tàn
 Điều lạ lùng cho thế giới
 Người yêu tự do
 Người lại không dám tự do
 Người không dám làm tiên tri
 Phúc âm cho thơ
 Ảo tưởng của bệnh nhân
 Là sức khỏe vẫn đều

2- Thượng Đế

Sáng tạo ra sự thật
 Sự vật khiến tạo nên thi sĩ
 Thi sĩ phả hơi thở vào con người
 Như nước vào lửa
 Dội lên mặt địa cầu
 Ngày và đêm
 Sống và chết
 Nhưng thơ trước sau vẫn là thực tại
 Hằng hữu
 Từ khi có Thượng Đế

NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG

Tôi Là Người, Không Muốn Làm Súc Sinh

Ông bà (nội, ngoại)--bố mẹ
Bạn gái vợ ngày xưa...
Vợ bây giờ
Vẫn gọi tôi là khỉ gió.

Đôi khi cũng gọi tôi là khỉ đột
Nhăn như khỉ ăn gừng
Gắt như khỉ húp mấm tôm.

Tôi là súc sinh
Đêm đêm em ôm tôi vào lòng và nói:
“Anh là chó con,
là mèo con, gà con, là chuột...”

Tôi làm ngựa cho con tôi cưỡi
làm bò, voi, hổ, tê giác...
Đêm đêm gâm thét, hý vang nhà,
Khạt khà, khạt khịt...
Phì phà, phì phò...
Căn phòng nhỏ ồn ào
Ấm ỉ như sở thú.
Tôi chỉ tức khi bạn bè
Cũng có thằng gọi tôi là chó,
là lừa, ngựa, lợn, bò, trâu, gà...

Chó thật!
Nhiều khi tôi chỉ muốn là người.
Không muốn làm súc vật.

NGUYỄN ĐĂNG BẢO LỘC

Những Ý Tưởng Chợt Đến Khi Đốt Thuốc

Tiếng còi xe hú rú ngày
 Thẩn thốt thức giấc
 Dò dẫm đốt điều thuốc
 Chạy xe quá tốc độ vượt đèn đỏ
 Nhớ lại thêm một lần giật mình

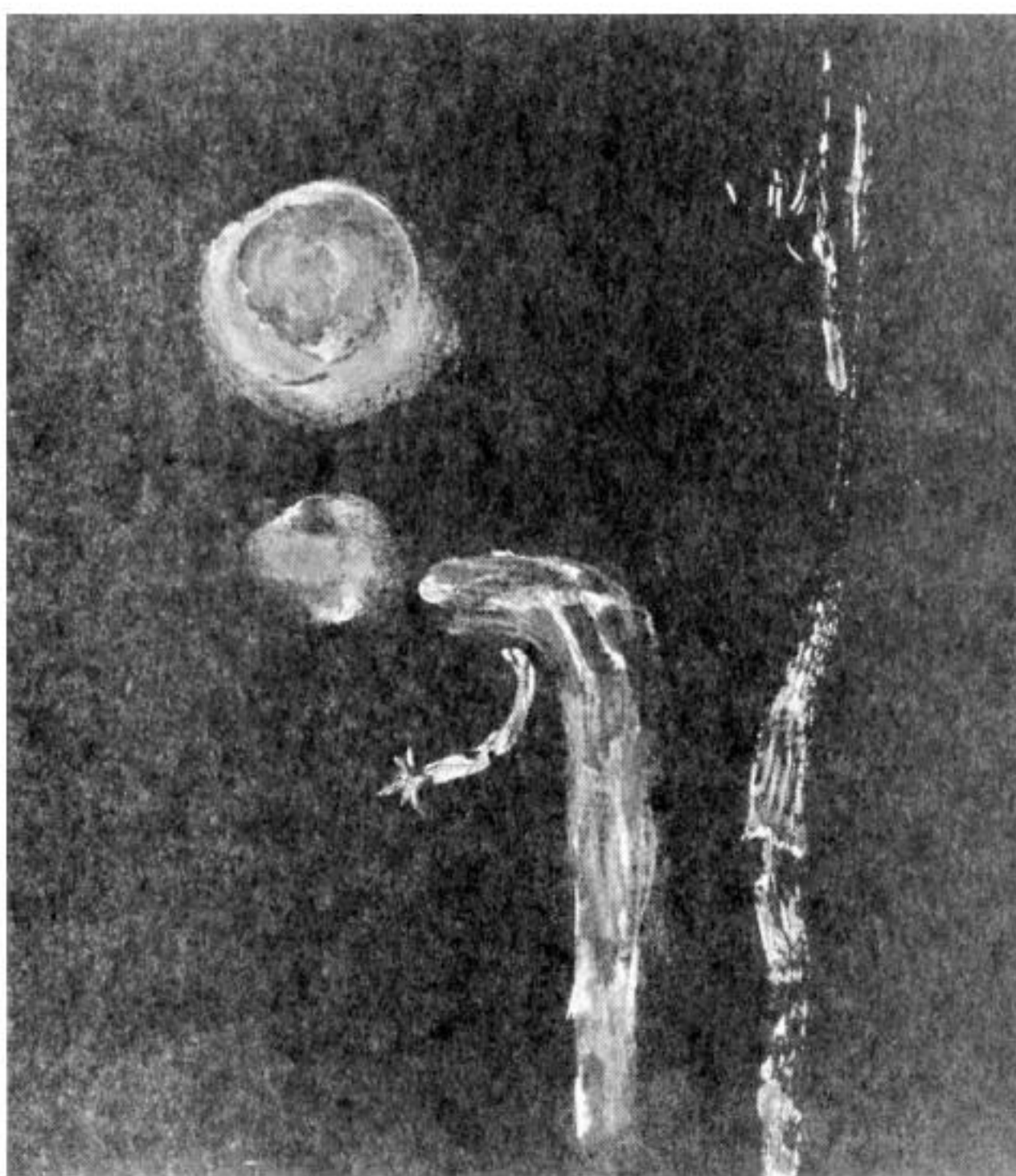
Ngó ngang qua công viên
 Thấy một người điên ôm mặt khóc
 Mấy con chim trắng của biển cả
 Giành ăn bên ghế đá
 Bà già đội khăn đen

Thèm uống một ly cà phê không đường
 Đốt thêm một điều thuốc
 Thật cần thiết như sau cơn làm tình
 Khi ngồi không gặm nhấm những kỷ niệm mỗi ngày mỗi nhạt

Chán nhất là lúc chia tay
 Càng yêu nhau lắm càng cắn nhau đau
 Ủ, cắn, cắn, cắn một miếng thật sâu đi cho tối sầm
 Trái đất tối sầm
 Nhật thực toàn phần
 Mặt trời bị mặt trăng ăn

Có một con chim trắng già nua
 Chiều nay đứng lặng yên trên cột đèn nhớ biển
 Rồi đột nhiên té thẳng xuống lòng đường đông xe cộ tự tử

Đốt thêm một điều thuốc
 Nhiều khi chán thật chán cũng chỉ cần một điều thuốc



Nguyễn Du trước Nguyệt Kính Đài
Phụ bản Hồ Minh Dũng

Cách Đọc

Nguyễn Hoàng Nam

Ba con ếch, từ một đám sậy trong đầm, nhìn qua cửa sổ thấy cái tủ lạnh đựng bia trong nhà. Một con khởi đầu bằng giọng ếch “Bộp ộp”; con kế bên tiếp theo “waaaiz”; con chót kết thúc “zơơơ.” Cái này không phải còi siêu thực, khi vô thức chạm trán với ý thức, nảy ra cái *merveilleux* quái gì đó. Đây là quảng cáo bằng graphic của máy điện toán. Cứ đàn bà đẹp mặc bikini tay cầm chai bia hoài cũng chán, hãng Budweiser bịa ra trò mới cho vui. Mà quảng cáo là dĩ nhiên lập đi lập lại nhiều lần trên truyền hình, để ngấm vào đầu chúng ta hiệu bia và cái thông điệp ngấm “Ếch mà còn thích bia Budweiser hưởng gì người.” Hay có thể xỏ lá hơn, nếu chúng ta nghĩ kỹ: “Người mà không thích bia Budweiser thì còn thua ếch nhái.”

Đó là chuyện quảng cáo. Mà quảng cáo thì cái gì cũng được, miễn là tăng số tiêu thụ và đừng bất hợp pháp. Còn thơ?

Trước hết, bài thơ phải thế nào? Đưa ra vấn đề có nghĩa là đã đặt giới hạn, trong khi thơ thật sự không nằm trong một giới hạn nào. Chúng ta phải bắt đầu từ “bài thơ là cái gì và thế nào cũng được” để đặt câu hỏi cho đúng: khi hoàn toàn tự do trong thể loại và cách diễn đạt, tác giả đã chọn lựa thế nào và chọn lựa cái gì? Và từ đó, chính người đọc chọn lựa cái gì?

Như vậy bạn đọc quen với lối đọc thơ Việt Nam lâu nay dễ gặp trở ngại.

Đối với bài “Ti vi ký” bạn có thể cảm thấy khỏi cần đọc, khỏi cần chiêm nghiệm chữ nghĩa có gì ghê gớm không, ý tứ có gì sâu sắc, có bộc lộ một nỗi đau mơ hồ nhưng vĩ đại nào không. Phản ứng đầu tiên của bạn là liên tưởng ngay tới quảng cáo của hãng bia, mà ông Khế Iêm đã ngang nhiên chôm gần như nguyên con và tỉnh bơ thấy nó ngay trước mặt bạn. Tác giả rõ ràng đã lợi dụng trắng trợn sự phổ biến của quảng cáo bia Budweiser. Bạn có thể cảm thấy khó chịu vì tác giả có vẻ không biết xấu hổ là gì, có vẻ chẳng đếm xỉa tới sự trông đợi một thái độ nghiêm trọng,

cao cả mà người Việt Nam thường xem như đi đôi với một con người chữ nghĩa, và hơn nữa, một chủ bút của một tạp chí văn chương. Bạn càng thấy khó chịu hơn khi thấy những dòng chữ nhỏ phía dưới dường như chứa đựng nhiều hơn bài thơ phía trên, nhưng lại không phải là “ghi chú” để làm rõ nghĩa một điều gì, mà là “cách dùng” như thể bài thơ là một thứ đồ vật thường ngày, như máy hát, bàn ủi, thuốc cảm, áo mưa v.v.

Tôi đang cố gắng lựa lời để khỏi làm rách lòng bạn: Nếu bạn có những triệu chứng vừa kể thì cách đọc thơ của bạn đã lỗi thời, và ngay chính sự lỗi thời đó cũng chẳng có một nền tảng lý luận vững vàng gì.

Bạn thử suy nghĩ về những điều tôi trình bày. Thứ nhất, thơ không còn là báu vật làm trang sức cho địa vị của những quan huyện, ông đồ, và những người du học từ Pháp về (tôi chẳng rõ những người này đã học được gì; thử đặt một câu hỏi căn bản nho nhỏ: nếu chúng ta chịu nhiều ảnh hưởng thơ Pháp cuối thế kỷ 19, tại sao gương sáng của Rimbaud không thấy nhắc đến, tại sao chúng ta có quá nhiều người chẳng có điều gì để nói mà không chịu ngưng viết?) Thứ hai, người làm thơ không đại gì muốn làm thượng đế. Sự tự nhận một sứ mệnh cao cả để nhìn ra cách cứu rỗi nhân loại là việc vô ích. Nhiều kẻ có tài thiên bẩm đã thất bại, như Rimbaud đã thất bại và Breton đã thất bại (lại thêm một câu hỏi về bài học từ ảnh hưởng thơ Pháp); đối với những người có tí năng khiếu lai rai, nó là trò kiêu ngạo tự đánh lừa, mà kết quả chỉ là sự lãng phí thời giờ học hỏi và rèn luyện. Thứ ba, bạn có hiểu “lãng mạn” là gì không? Nhiều nhà thơ, mà bạn hằng tôn sùng một cách dễ dàng và vô điều kiện, không thể trả lời suông sẻ câu hỏi này. Cái quan niệm thơ mà bạn đã quen thuộc có một tiến trình kỳ cục. Nó bắt đầu, trễ khoảng 50 năm, bằng ảnh hưởng của thơ Pháp cuối thế kỷ 19, thời kỳ hậu Lãng Mạn khởi đầu Tượng Trưng, và không hiểu sao ở Việt Nam ngang nhiên thành “lãng mạn.” Thật ra nó gần như chẳng có gì Lãng Mạn, rất ít hậu Lãng Mạn và rất ít Tượng Trưng, khi chúng ta so sánh nó với cái gốc của những phong trào này. Phần lớn nó là sự phóng đại những nỗi đau không có thật, những lời khen ngợi nữ sinh trung học một cách mơ hồ từ những ông trời con tự xưng là “ta” như trong truyện kiếm hiệp và phim bộ. Những thứ này lập đi lập lại hoài thành ý nghĩa của thói quen, và bài thơ chỉ còn là một màn tranh tài của chữ—ai cũng đã thuộc lòng cốt truyện tuồng cải lương rồi, tới chỉ để coi đào kép diễn xuất. Khoảng cuối thập niên 60, trễ khoảng 30 năm, tự nhiên nó nhảy phóc qua lớp ló ở ngưỡng cửa Siêu Thực và đứng thập thò mãi ở đó tới bây giờ. Càng kỳ cục hơn là suốt nửa thế kỷ mù mờ vừa kể, lý luận phê bình rất nghèo nàn, gần như không có.

Cho nên những điều trên, và cái quan niệm thơ kèm theo, mới thật sự là khó hiểu. Còn thơ kiểu “TV Ký” thì dễ hiểu thôi. Bởi vì nó có truyền thống kháo rõ ràng để chúng ta bắt đầu.

Trước hết là chuyện ông Tristan Tzara trộn chữ trong một cái bị rồi nhấm mắt bốc ra xếp thành bài thơ. Chúng ta dễ chú ý vào bài thơ và lầm tưởng nó là trò đùa. Thật ra phần lớn ý nghĩa nằm trong *cách tác giả làm bài thơ*. Bài thơ chỉ đóng vai trò kích thích người đọc tìm hiểu nó được làm thế nào. Ông Tzara xóc chữ để nói rằng tất cả trong cuộc đời đều tùy thuộc vào may rủi, thượng đế đã chết, trò trẻ nít thú vị hơn những kinh nghiệm làm con người khô cứng ù lì v.v. Chắc bạn cũng đã từng nghe những thứ linh tinh này ở đâu đó rồi. Nhưng điều chúng ta cần nắm bắt là *cách làm cũng là một phần của bài thơ, và cách làm có thể là nơi sáng tạo nhất của tác giả*.

Kế đến là chuyện ông Marcel Duchamp gửi cái bồn tiểu đi triển lãm. Quan niệm nghệ thuật hiện đại được nhấn mạnh: nghệ thuật không chỉ ở bảo tàng viện, hay trên những trang “cảo thơm,” mà chúng ta nên khám phá những điều thú vị nơi những đồ vật thường ngày quanh chúng ta—*cái đẹp là do mỗi chúng ta tự chọn*. Sự sáng tạo không có gì ghê gớm, ai cũng làm được cả, vì nó không ngoài sự tự đi tìm niềm vui của mỗi tâm hồn, sự đi tìm ý nghĩa chủ quan trong một thế giới vốn vô nghĩa.

Như vậy dễ lên đài danh vọng quá? Không hẳn. Một mặt, ông Tzara là người đầu tiên xóc chữ, cũng như ông Duchamp là người đầu tiên gửi cái bồn tiểu đi triển lãm. Nếu tôi, chẳng hạn, cũng xóc chữ y vậy thì thật là thừa, nghĩa là tôi chẳng nói thêm được gì. Tuy nhiên, *nếu tôi thích xóc thì tôi xóc cái khác*. Mặt khác, bài học cho chúng ta ở đây không hẳn là chúng ta phải cố làm những thứ giật gân để nổi tiếng, mà là ở cái tinh thần để ý cuộc đời quanh mình để tập nhìn nó một cách khác đi, lạ hơn, thú vị hơn. Đó chính là cái thi sĩ ở mỗi chúng ta.

Thì đó là truyền thống căn bản (mà cái quan niệm thơ của bạn đã lờ một cách ấu tả và nhẩy phóc sang đứng thập thò hoài ở cửa Siêu Thực, như đã nói ở đoạn trên) nhưng mà như vậy thì “TV Ký” muốn nói gì? Hay lập lại lời của mấy ông Dada?

Bạn đừng nóng. Trước hết, thơ ông Tzara từ thời 1916, cái bồn tiểu của ông Duchamp năm 1919, bài thơ của ông Khế Iêm năm 1996, được kể như thuộc thời hậu hiện đại, dĩ nhiên phải nói nhiều điều hơn. Sự áp dụng quan niệm nghệ thuật thời hiện đại dù sao vẫn giới hạn trong cái chủ quan (và sự tự tôn) của những cường quốc: “quốc tế” thật ra chỉ là Nga, Mỹ, và Âu Châu. Trên bình diện xã hội nó càng thu hẹp hơn. Vẫn lấy Dada làm điển hình, những bước khai phá của phong trào này dù sao vẫn chỉ là phản ứng của trí thức cấp tiến Tây Phương đối với sự ù lì trong cái mã hào nhoáng của xã hội trung lưu Tây Phương lúc đó, mà đại diện văn hóa là Ấn Tượng—tức là tất cả đều chỉ là chuyện của những anh đàn ông da trắng. (Thí dụ: ông Duchamp triển lãm bồn tiểu thì được hiểu, còn chẳng hạn bà TTKH gửi cái cầu cá tra của chúng ta đi thì không. Những

thứ được hô hào là “kinh nghiệm chung của nhân loại” thật ra là cái nhìn của đàn ông da trắng.) Bị chỉ trích kịch liệt trong thời hậu hiện đại, sự độc tôn này đã phai dần trong những năm gần đây để nhường chỗ cho quan niệm chung là tôn trọng những tiếng nói đa văn hóa và đa phái tính—quốc tế thật sự là quốc tế. Tiếng nói và kinh nghiệm của thế giới thứ ba, của các sắc dân thiểu số ở Tây Phương, của phụ nữ, và của thành phần đồng tính luyến ái, đã thành những truyền thống rõ nét trên văn đàn quốc tế.

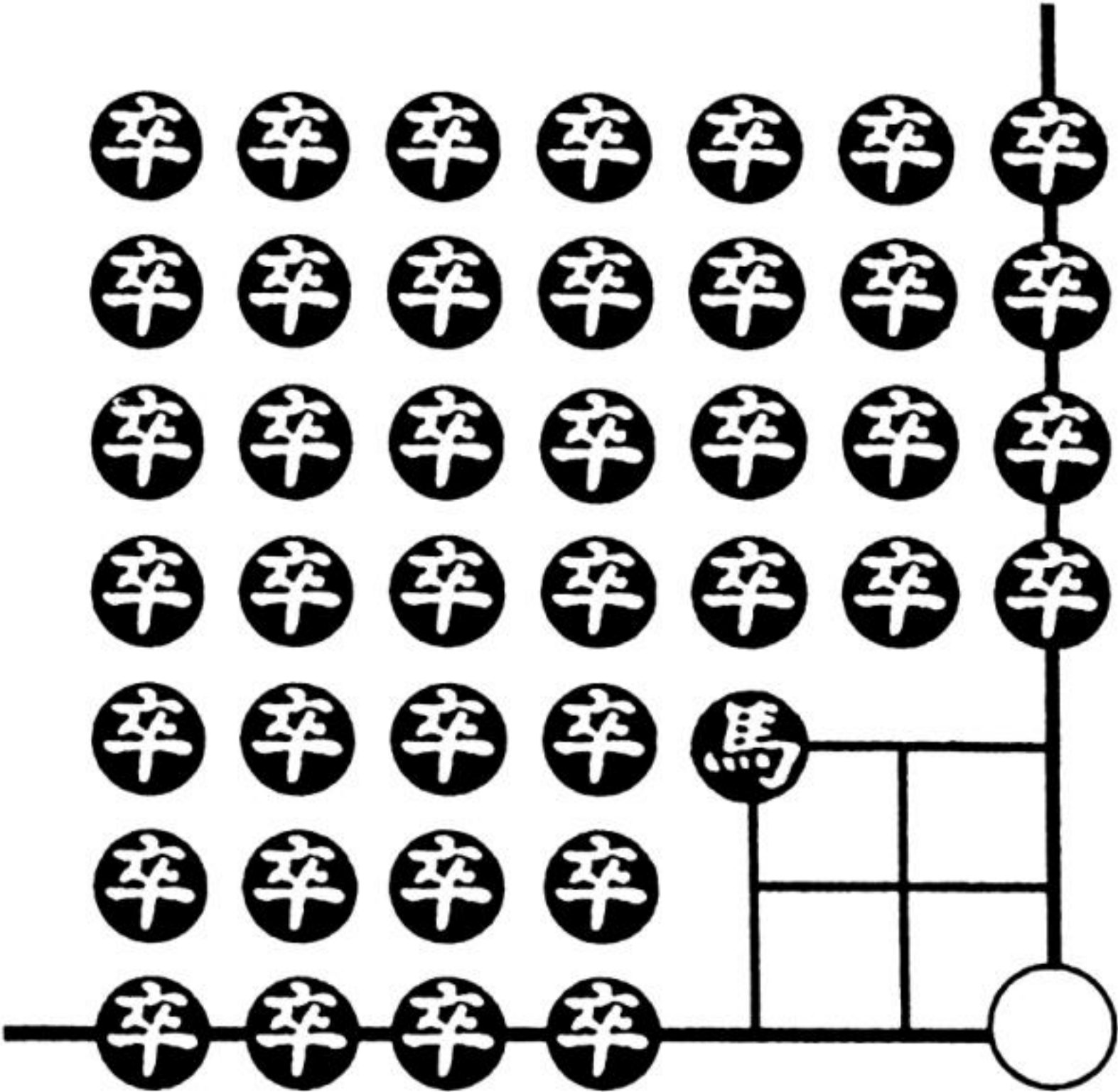
Như vậy, mặc dù có thể sử dụng những thể loại và lý thuyết có truyền thống từ Tây Phương, bản sắc và tinh thần của chúng ta vẫn được thể hiện. Bởi vì chúng ta nói chuyện của chúng ta, theo kinh nghiệm của chúng ta, không phải nhắm mắt lập lại và ca ngợi kinh nghiệm của các tên tuổi lớn Tây Phương như thế hệ trước đã làm ở Việt Nam. Chúng ta có thể hiểu “TV Ký” là sự châm biếm đời sống tinh thần tê bại, đầy lừa bịp quảng cáo của người sống ở Tây Phương, nhưng con ếch ương lại là biểu tượng của Việt Nam. Tức là bài thơ cũng có thể là một loại “xa quê hương nhớ mẹ hiền”: xem ếch trên TV nhớ con ếch ương dưới ao xưa. Một người chủ trương hòa hợp hòa giải có thể nghĩ rằng “ếch ương và bia còn đồng điệu được, hướng gì là...quốc gia và cộng sản.” Một người bảo thủ có thể chửi tác giả dám đem bản sắc dân tộc ra đùa giỡn (dù nó chỉ là...con ếch ương.) Hay bài thơ có thể là một cú xỏ lá thi ca Việt Nam: ai cũng nghĩ mình là cậu ông trời, nhưng thực ra toàn là ếch (ngồi đáy giếng), ếch ương (mồm rỗng kêu to), chàng hui (núp trong bóng tối nháy ra hù dọa những người yếu bóng vía). Có thể phức tạp: sự kết hợp và va chạm giữa quảng cáo và bài thơ, hình ảnh thật và hình ảnh TV và hình ảnh trên trang giấy, tiếng kêu của ếch giả trên TV và âm thanh thầm của ếch ương trong ký ức—những nguồn động cơ khác nhau ảnh hưởng đến sự hình thành ý nghĩa từ mọi thứ xảy ra trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, mà chúng ta không để ý, hoặc không có thời giờ, để phân tích. Cũng có thể rất đơn giản: bợm nhậu xem bài thơ thấy thêm bia lạnh và đùi ếch chiên bơ. Và v.v. và v.v.

Tới đây chúng ta nhận thấy: bài thơ không quan trọng, tác giả còn kém quan trọng hơn, *điều quan trọng nhất là người đọc và cách đọc*. Sự sáng tạo của mỗi chủ quan không có nghĩa là mỗi người một cõi, mà đòi hỏi mỗi chúng ta phải nhận thấy là luôn luôn có những lối nhìn khác với chủ quan của mình. Và đó cũng là hy vọng của chúng ta trong thời hậu chiến.

Nguyễn Hoàng Nam

NGUYỄN HOÀNG NAM

Những Ngày Vô Cảm



Nắng Chia Nửa Bãi Chiều Rồi

Cái lo
Nó lãng mạn thôi
nhẹ nhàng
cái lười
nó cố lẩn
cái dâm
cái dâm
nó bự gấp trăm cái lười
(không thấy trong sách “học làm người”
Bác thang lên hỏi ông trời ổng cũng chịu thua)
Yêu rồi mà
khỏi phân bua
nửa đêm vui vẻ chạy đi mua condoms

Nguyễn Hoàng Nam

LƯU HỖ LẠC

House of Muttis

hợm, trời ngái
sét
đánh
sắt trưa
trắng mắt, bệnh
mặt dầu

dãi
khô
máy
in vàng

bạc
đoảng

thừa bác con ngoan

ĐÌNH CƯỜNG

Có Những Ngày Long Lanh Nước Mắt

tặng N.M.Hg

người đàn ông vẫn ngồi một mình
trên chiếc ghế cũ kỹ
chiều mù tăm. cuối năm
gió lạnh. gió rất lạnh, ngoài thêm hoang...

có những ngày long lanh nước mắt
là muôn vạn hạt tuyết thủy tinh
trên những đọt cây khô, xuyên qua nắng hiếm
con chim màu đỏ gạch không về.

người đàn ông vẫn ngồi im
vạch thử một đường chì than
khuôn mặt của tháng chạp
với hàng thập tự giá, những bó hoa tươi
vẫn thì thầm bên nhau, ngoài nghĩa trang
cho người nằm yên dưới mộ
có điệu ru của loài cỏ hoang.

mặc cho những người trên trần gian tiếp tục
múa may. quay cuồng. những vòng hào quang giả.
nên chiếc mũ đen, bộ râu, đôi giày,
cây gậy của Charlie Chaplin
lúc nào cũng làm ta ứa lệ.

tháng chạp rồi, Cybèle
con gà vẫn còn nguyên trên thánh giá
nóc giáo đường cao vút...

người đàn ông vẫn ngồi im
một mình, trên chiếc ghế cũ kỹ
nghe "...từ vườn khuya bước về.
bàn chân ai bước nhẹ
tựa hồn những năm xưa..." (*)

31.XII.1995

(*) *Phôi pha, ca khúc TCS*

HÀNG HÀ SA

Chập Chờn Ảo Mộng

Anh bên ni thương về bên nớ
Con đường xưa bỗng nhớ bỗng quên
Khuôn mặt này khi lạ khi quen
Cuộc tình kia chập chờn muôn thuở

Em bên nớ nhớ về bên ni
Tình em ta ngỡ độ xuân thì
Tuổi em ta tưởng đời níu lại
Trăng tròn nhỏ giọt sáng đôi mi

Bên nớ bên ni với nhớ thương
Bỗng sáng bỗng tối mấy chặng đường
Nỗi cách xa khi dài khi ngắn
Nhập nhằng con nhện nhả tơ vương

Ta cả hai bên nhớ về nhau
Con đường xưa bỗng nhớ bỗng sầu
Cuộc tình này chẳng cần nói lại
Cũng chập chờn mộng ảo đêm thâu

Em muốn làm thơ ta viết thơ
Ngập ngừng ta đến mấy ngẩn ngơ
Em đem sương gió vào trong áo
Ta hứng giang hồ giữa giấc mơ

TRỊNH THANH SƠN

Một Chút Khác Biệt

Người đàn ông yêu người đàn bà
Khác hẳn chàng trai yêu cô gái
Người đàn ông yêu hay liếc đồng hồ
Còn chàng trai yêu mong trời chóng tối

Người đàn ông yêu người đàn bà
Ngồi tính chuyện cửa nhà, con cái
Còn chàng trai yêu cô gái
Giống như hai kẻ mộng du.

Người đàn ông yêu người đàn bà
Giống một con đực yêu một con cái
Còn chàng trai yêu cô gái
Giống như hai thiên thần...

Chỉ có một điều làm ta phân vân
Chỉ có một điều giống nhau mãi mãi
Người đàn ông là chàng trai xưa
Và người đàn bà chính là cô gái.

LÊ THÁNH THƯ

Xuân Em

Ngày cả gió
em về,
nụ cười phủ bóng đèn
đỏ cái nhìn trai tân
phồn hoa
bần thần
kẻ mộng
ngậm bùa ăn ngải
đêm mê
giấc đàn bà

Em xa
mưa như sông dựng đứng
buồn bộ lạc
kẻ mộng
cuồng mê
giấc lộ lem
trắng đêm

xuân em
người đàn bà trên lưng con thú.

NGUYỄN LƯƠNG NGỌC

Gió Khô

thương kính nhà thơ Hoàng Trung Thông

Người “mời trăng” giờ trăng mời người
rằm cuối năm Nhâm Thân trăng lu vì bận
rượu với thi nhân vừa vào thong thả
“biển chỉ biển”
rượu chỉ rượu
bao nhiêu là đủ
người khuấy vào trăng người không khuấy vào
người
Bác Thông giờ ngồi ở đâu
những quán rượu Hà Nội mặt phố hay ngõ sâu
bè bạn đồng niên và vong niên hỏi nhau
những sợi khói hương khâu có với không
rừng mình chưa tan được
gió lật sách Viện Văn và nhắc
người “muốn uống rượu trong”
“lại phải uống rượu đục”
một thế chữ thế chấp bằng gần bảy mươi năm
mở mắt
“trăng biết đâu lòng ta lệ đầm”

Gió khô đi đâu cho ta theo cùng
“ta thương ta thương người xa thương thầm”.

** Những chữ trong ngoặc kép là trích thơ H.T.T*

Tin Thơ

Nhiều người viết

● 3 Giải Nobel Thi Ca Chê Thơ Internet

Trong khi nhiều người Mỹ cắm đầu cắm cổ trong cuộc chạy đua nhảy vào mạng lưới Internet để giải trí, kinh doanh hoặc truyền thông, một nhóm nhà thơ từng thắng giải Nobel đã tuyên bố rằng thơ đang hoàng thì ở trong sách, chứ không trong không gian điện toán.

“Nghe thì có vẻ như là hơi kiêu hãnh, nhưng tôi tin rằng số lượng người đọc một bài thơ thì không quan trọng gì đối với cách một bài thơ ảnh hưởng lên những người đọc nó,” theo lời Derek Walcott, một nhà thơ ngụ ở St. Lucia người được Giải Nobel Thi Ca 1992.

Ông thêm, “Tôi muốn thà rằng chỉ có một người đọc và cảm nhận thơ tôi thâm sâu còn hơn là hàng trăm ngàn người đọc nó mà chẳng để tâm gì.”

Walcott hiện đang hợp tác với nhạc sĩ Paul Simon cho một vở nhạc kịch.

Walcott cùng với các nhà thơ Octavio Paz (Mễ Tây Cơ) và Czeslaw Milosz (Ba Lan) hôm thứ ba tham dự một buổi họp báo trước ngày đọc thơ công cộng, bảo trợ bởi Hội Chợ Sách Quốc Tế Miami. Paz được Giải Nobel Thi Ca năm 1990, và Milosz được giải này năm 1980.

Cả ba đều nói rằng họ không nản gì với con số thống kê chỉ có 1% dân Mỹ đọc thơ hiện nay.

Paz nói với phóng viên, “Nếu thi ca là một nghệ thuật thiểu số, nó vẫn thực sự là linh hồn cho sức mạnh tinh thần của một xã hội. Tôi không tin có chuyện cái chết của thơ, bởi vì đó cũng sẽ là chính cái chết của xã hội.”

Milosz cho biết ông dùng máy điện toán để viết một số bài thơ, nhưng không tin là những người yêu thơ sẽ lùng sục thơ trong các ngõ ngách World Wide Web thay vì đọc trong sách.

● Bức Tường Thơ Dài 2.5 Kilômét

Hơn 1,000 bài thơ của các nhà thơ từ cổ thời cho tới đương đại sẽ được khắc lên “Thi Bích” (Bức Tường Thơ), một bức tường dài 2,5 kilômét trong thành phố lịch sử Changde, miền Trung Tỉnh Hồ Nam.

Thi Bích cũng còn được dựng lên với một phần mục tiêu là bờ đê ngăn lụt cho thành phố. Đây cũng là bức tường đầu tiên tại Trung Quốc hiến tặng cho

lịch sử nhiều ngàn năm thi ca của dân tộc này.

Trong hai ngàn năm qua, các nhà thơ nổi tiếng Trung Hoa thường xuyên ghé vào thành phố Changde, nơi kế bên Động Đình Hồ phía Bắc sông Yangtze, và đã khen ngợi cảnh vật và văn hóa nơi đây.

Hồ Nam còn là chiếc nôi của nhiều khuôn mặt văn chương lớn. Lãnh tụ CS Trung Quốc Mao Trạch Đông cũng là người Hồ Nam.

● Bảo Tàng Viện Riêng Cho Một Nhà Thơ

Một bảo tàng viện để tưởng niệm nhà thơ quá cố Ai Qing, một khuôn mặt văn chương nổi tiếng của Trung Hoa cận đại, sẽ được xây dựng trong thành phố Shihezi, nơi ông đã sống trong 16 năm.

Việc xây dựng bảo tàng viện mới này vừa khởi công tại Khu Tự Trị Xinjiang Uygur, thuộc Tân Cương. Công trình này cũng là bảo tàng viện duy nhất trong nước hoàn toàn để ghi công một nhà thơ.

Nằm phía Nam Công Trường Trung Ương của thành phố Shihezi, bảo tàng viện có diện tích 2,500 mét vuông. Trong đó sẽ gồm cả nơi triển lãm các tác phẩm của Ai Qing, những kỷ niệm của ông tại Shihezi, và kinh nghiệm một đời của ông.

Bà quả phụ Gao Ying tuyên bố sẽ hiến tặng hầu hết những sưu tập tư của Ai Qing cho bảo tàng viện.

Ai Qing, đã chết hôm 5.5 hưởng thọ 86 tuổi, đã viết một bài thơ ngợi ca nơi một thời ông từng cư ngụ ở Tân Cương.

Bản tin PTH

● Đầu tháng 5/96, nhà thơ Ái Nhĩ Lan, Seamus Heaney có cho ra mắt một tập thơ mới, *The Spirit Level* (nxb Faber, London, E14.99 bìa cứng, E7.99 bìa mềm). Nghe nói tập thơ này gồm nhiều bài rất đặc sắc. Sau khi đoạt giải Nobel văn chương (1995), Seamus Heaney đã trở thành con cưng của xứ Ái (Chẳng riêng gì nhà thơ Rắn Phạm Công Thiện của chúng ta). Tổng thống Bill Clinton, người đã từng mời nữ sĩ da đen Maya Angelou làm thơ đọc trong ngày ông tuyên thệ nhậm chức, cũng kể thơ SH trước máy vi âm. Hỡi, các cô hồn sống chết của thơ ta, hãy vui lên nhá. Thi sĩ nào rồi cũng được quần chúng thương khóc, ba trăm niên (hậu) hạ?

● Thêm một tin lành nữa. Thưa vâng, thêm một tin vui nữa. Nếu không cho thi ca thì cho thi nhân vậy: hình như thơ thần rất bổ ích cho... các đương sự. Vì trên tờ *British Journal of Psychiatry* số đề ngày 1/5/96, một vị bác sĩ tên là Felix Post có bật mí cho biết là các nhà thơ thường hay được khỏe mạnh, thọ lâu, có đời sống sinh lý hạnh phúc. Họ cũng ít nghiện rượu, ít bị đau thần kinh hơn các nhà văn, kịch tác gia. Để đi đến kết luận tốt đẹp này, ông Post đã nghiên cứu cuộc đời của 100 cây bút tên tuổi Anh Mỹ như: Hemingway,

Waugh, Conrad, Scott Fitzgerald... Lý giải của ông lang ở phố mù rất giản dị: làm thơ dễ hơn viết truyện, soạn kịch. Đại khái, Dr. P. nói là nhà văn, nhà kịch cần phải động tim, động não để tìm một cốt truyện với các nhân vật. Lúc viết, họ lại phải nhập vào đời sống nội tâm của các nhân vật, nghĩa là họ phải hứng lấy những giằng co tâm lý, xung đột tình cảm..., trong khi các thi sĩ chỉ cần ngó ngoại cảnh để sáng tác. Chẳng hạn như cậu đĩ chó đĩ khỉ nọ lúc qua đèo... gái Hà Nội (ôi hướng về thành phố xa xôi) tức cảnh mà làm thơ. Hay như ông Donne kia nhìn trời, ngắm mộng tình nhân mà tìm hứng. Dựa vào những điều tai không nghe, mắt chẳng thấy về các thi sĩ nước ta, thiên tài này dám bảo rằng nhận xét của nhà phân tâm học Ăng-Lê nửa đúng nửa sai, nửa ai đồng nô em hổng có biết. Quý vị ô kê đắc co đồng ý chứ?

● Vào thượng tuần tháng 5, nxb Gallimard cũng đã trình làng Paris một cuốn thơ rất ư là... vĩ đại (836 tr., giá 220F), quyển JE NE SUIS PAS UN POÈTE D'EAU DOUCE (Tôi không là nhà thơ nước ngọt) in toàn bộ thi ca (1945-1994) của Alain Bosquet, một thi sĩ Pháp hiện đại, còn sống. Ông Alain B. cũng là một nhà nghiên cứu phê bình thơ có tiếng tăm, đã viết nhiều bài khảo luận sâu sắc về Saint-John Perse, Aragon, Fernando Pessoa, Vasko Popa... Tất nhiên mỗi trường phái, mỗi tác giả, mỗi thi phẩm là một định nghĩa riêng cho thơ. Với AB, thơ là cách độc nhất để trừ tà ma (exorcisme). Thơ là tiếng hát (chant), thơ là tu luyện (ascèse). Thơ tuyên dương quyền được tàn bạo và gây thơ trong trắng, thiên thần, khắng khít như hình với bóng. Cuối cùng, thơ để thấy mình vừa là một chàng Ulysse, vừa là một gã Al Capone:

*đã từng sống
ba hay bốn mảnh đời
mì vẫn
khi đứng trước cánh đồng hoa hướng dương
và ốc đảo bị sóng gió bao vây
mì còn ước đời mì lại được tái tạo.*

NDT sưu tầm

● **Baudelaire Xuất Hiện Ở Hà-nội.** - Theo nguồn tin thông thạo, một tập thơ Baudelaire đã được phiên dịch và xuất bản mới đây tại Hà-nội, với sự tài trợ của Sứ quán Pháp và Alliance française. Dịch giả của tập thơ này là nhà thơ Vũ đình Liên (1913-1996) mới mất tại Hà-nội (xem Thơ số 6, tt.92-93). Đây là một sự kiện rất đáng lưu ý và theo dõi, nếu người ta chưa quên rằng Baudelaire vốn là một “nạn nhân” quen thuộc của những cuộc ruồng bỏ, càn quét cái gọi là “sách, báo dâm ô, đồi trụy” của mọi chế độ ở Việt-nam trước và sau 1975.

● **Ngải Thanh Đã Mất Ở Bắc-kinh.** - Ngải Thanh hay Ai Ts'ing (Ai Qing theo lối phiên âm ở Bắc-kinh), bút hiệu của Tsiang Hai- Tcheng, có lẽ là nhà thơ lớn nhất ở Trung-hoa lục địa, đã mất tại Bắc-kinh ngày 5.5.1996. Năm 18 tuổi ông sang Paris học vẽ và đã có dịp “làm quen” với thơ mới của Pháp. Trở về nước năm 1932, ông bị bắt giữ vì có “những tư tưởng nguy hiểm”. Ra tù năm 1936, ông tham gia cuộc chiến đấu chống ngoại xâm, đi khắp Trung-hoa, xuất bản nhiều thi tập nói lên những khát vọng của dân tộc. Năm 1957, là một trong những nạn nhân của “phong trào chống bọn hữu khuynh”, ông bị tố cáo, lên án, khai trừ, đẩy đi một nông trại ở đông-bắc rồi một trại lao động ở tây-bắc Trung quốc (Tân-cương) trong nhiều năm và tiếp tục bị ngược đãi cho hết thời “cách mệnh văn hóa” (1966-1976). Mãi tới năm 1978, tức là sau 21 năm phải im lặng, ông mới được phép xuất bản trở lại. Ngải Thanh mất tại một bệnh viện ở Bắc-kinh, thọ 86 tuổi, để lại tám người con, năm trai và ba gái. Thơ ông đã được phiên dịch trên khắp thế giới.

● **Hội Thảo Quốc Tế Về Blaga Tại Paris.** - Một cuộc hội thảo quốc tế về Lucian Blaga (1895-1961), thi sĩ và triết gia có ảnh hưởng sâu rộng đối với thơ Ru-ma-ni hiện đại, do Trung tâm văn hóa Ru-ma-ni tổ chức, đã diễn ra tại Paris ngày 17.5.1996, với sự tham dự của khoảng bốn mươi nhà thơ, nhà phê bình, nhà nghiên cứu văn học từ nhiều nước tới. Dịp này, nhiều hội thảo viên đã trình bày những tham luận đặc sắc về một nhà thơ đã từng bị chế độ chuyên chính cũ tại Ru-ma-ni cô lập; tạp chí SUD của Pháp giới thiệu một số báo mới đặc biệt dành cho Lucian Blaga; các tham dự viên cuộc hội thảo cũng được tặng một xấp thơ Lucian Blaga bằng tiếng Việt, do Diễm Châu dịch (với ngót bốn chục bài thơ trong một bao bìa xanh lá mạ). Đồng thời với cuộc hội thảo, tập thơ Khuôn mặt thời gian & mũi gai, gồm ngót 60 bài của Horia Badescu, một nhà thơ tiêu biểu của Ru-ma-ni hiện đại, bản dịch của Diễm Châu, cũng đã được “trình làng”. Một nguồn tin Ru-ma-ni cho hay: ba bài thơ quen biết của Diễm Châu (“Mỗi ngày”, “Nói chuyện với người nói chuyện trên xe lửa” và “Thơ”) sẽ xuất hiện trên một tạp chí văn nghệ Ru-ma-ni một ngày gần đây.

DC sưu tầm

● **Điểm phim The Postman**

A l'aurore, armés d'une ardente patience.. Người đưa thư, The Postman (Il Postino), một phim êm ả, xa cách hẳn giọng phim thời thượng, và thuộc loại khiến người xem phải trở lại, như trở lại một bãi biển nho nhỏ mà họ không tin rằng sẽ có nhiều du khách đổ xô tới. Phim được 5 Oscar nominations, toàn thứ dừ: Hình ảnh nhất. Tài tử nhất.(Tài tử Troisi đóng vai Mario, Người đưa thư, chết vào lúc 41 tuổi, ngay sau khi phim vừa hoàn tất). Đạo diễn nhất. Truyện phim—phỏng theo truyện, nhất. Điểm cao nhất... chưa kể tới hai cái nhất khác, chẳng đáng đáng chi tới Oscar, đó là thi sĩ Pablo Neruda, về những vần thơ hay

nhất của ông được đưa vào trong phim. Và cái nhất kia, đó là Thi ca, chính Thi ca.

Thi ca được vinh danh ở đây, vì đã mang những tia nắng và niềm mê hoặc, quyến rũ tới cuộc sống của những con người đơn giản. Vì đã nhắc nhở chúng ta, mặc dù vẻ bề ngoài, mặc dù cái thường nhật thảm hại (le quotidien malheureux, M. Blanchot) chất thơ mộng (the romance) vẫn đâu đó ở quanh đây. Phim dựa theo cuốn truyện, *The Burning Patience* (được tái bản với tên mới, *The Postman*), tác giả Antonio Skarmeta, xuất bản lần đầu năm 1985. Tên truyện là từ một câu thơ trích dẫn Neruda, và Neruda trích dẫn Rimbaud: *A l'aurore, armés d'une ardente patience, nous entrerons aux splendides villes.* (Tạm dịch: Hừng đông, trang bị bằng một sự kiên nhẫn nóng bỏng, chúng ta sẽ đi vào những đô thị huy hoàng). Câu chuyện về một tình bạn giữa một nhà thơ lớn với một người đưa thư địa phương, một bãi biển ở Chile, và bóng dáng về một giấc mơ có thực ở trái tim mọi người và cũng là trái tim câu chuyện. Allende được bầu làm tổng thống, Neruda được giải thưởng Nobel văn chương. Allende chết theo chế độ dân chủ của ông, Neruda chết sau đó ít lâu tại một nhà thương ở Santiago, còn Mario, Người đưa thư thì bị bắt, bị tra hỏi về những liên hệ với nhà thơ Cộng sản, và qua những hình ảnh trong phim, khán giả không tin rằng anh sẽ được sống sót trở về.

Những hình ảnh đẹp nhất của cuốn truyện cũng như của phim *The Postman* là cuộc tình—qua thi ca hoặc nhờ thi ca—giữa Mario và một người đẹp địa phương. “Nó nói gì với mày”. Người mẹ (trong phim là người cô) hỏi cô con gái. Cô mơ màng trả lời: “Những ẩn dụ”. Người mẹ ngớ người. Đó là một từ “khó khăn” nhất bà nghe cô sử dụng. Ẩn dụ được lấy ra từ thơ Neruda, cô gái không biết điều này, và khán giả chỉ mãi sau mới được biết. Cô gái hỏi: “Từ ngữ tác hại ra sao”. “Đó là cái tệ hại nhất trên đời”. Trong truyện, bà mẹ gọi đó là ma túy. Khi Neruda đọc một bài thơ cho Mario nghe, anh nói, kỳ cục, ông bảo anh là một người phê bình nghiêm khắc, nhưng anh nói, không phải bài thơ kỳ cục mà anh cảm thấy kỳ cục khi nghe nó. Kỳ cục, với anh, là thơ mộng với cô gái, và là chết người với bà mẹ. Thi ca là tất cả những thứ đó. Phim làm tại Italy, của những năm 50, nói tiếng Ý, phụ đề tiếng Anh, như thể những vần thơ Mario yêu thích và vay mượn được viết bằng tiếng Ý. Như thể thi ca, tình yêu là một ngôn ngữ thế giới. Từ đó, Neruda cũng không phải một thi sĩ Chile hay thi sĩ của bất cứ một quốc gia nào khác. Ông là Thi sĩ nổi tiếng, là Thi ca, chính Thi ca. Tất cả chỉ đòi một điều: Ông xuất hiện, một lúc nào đó, rồi bỏ đi...

(Theo *The Postman Always Rings Twice* Michael Wood, *The New York Review of Books*, March, 21, 96)

NQT

